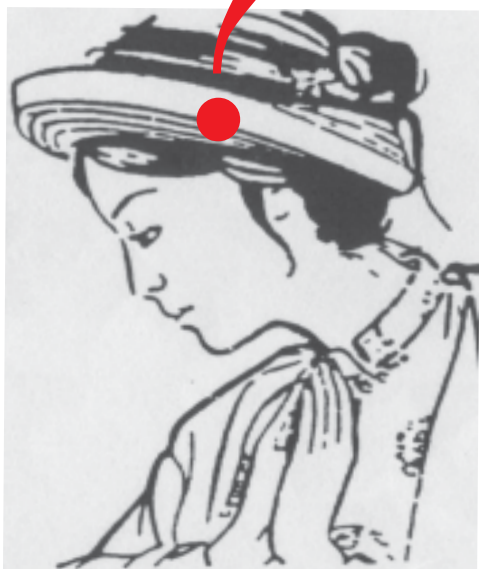


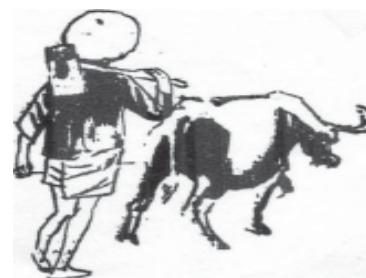
Những
vấn-đề
của chúng ta



Mục lục:

Thay lời tựa	iii
- Biết và Sống.	1
- Vấn-đề chính- trị.	6
- Vấn-đề cách-mạng	9
- Hồ Chí-Minh và bè lũ đã tự nhận là ngọn xung-kích của chủ-nghĩa Mác-Lê, kéo dài cuộc kháng chiến gây nhiều đau thương cho nhân dân Việt?	15
- Vấn-đề đảng phái	33
- Tình tự Nước Non.	37
- Yêu thương là huyết tính của loài người?	38
-(Nhân ái hoa - Hoa bất tử - Gươm thiêng - ái quốc hoa - Đóa hoa kính Mẹ - Tri âm hoa Ái chủng hoa - Hoa bách niên.)	
- Đan quyền và Cơ-năng hiến-pháp	64
- Vịnh Biển Đông	79
- Thời-đại mới, ý-thức mới	81
- Nước, nguyên-lý sống của dân-tộc Việt.	87
- Chính-nghĩa ở đâu?	88
- Hình-tượng sống: Cá-nhân và Dân-tộc.	89
- Thế nào là dân-chủ ?	97
- Các chế-độ gây phân cách loài người	115
- 9 quan-điểm của nhà tư-tưởng Lý Đông-A.	127
-Thẩm-định sử liệu Tàu	132

- Ngụy tạo đường lối bò, Tàu tự nhận chủ quyền ở Biển Đông- Dân Bách Việt có thể đòi lại đất xưa & Luồng Quảng ?	137
- Tãi sao phải thoát Tàu.	147
- Tình thế hiện nay	171
- Văn-hóa Việt là bản sao văn-hóa Tàu?	180
- Bản đồ chiếu khác biệt Việt với Tàu.	196
- ViệtNam làm gì để tự vệ?	199
- Thế & Thời	200
-Thay kết luận	204
-Phụ-lục	207
- Sách trích dẫn và tham khảo	209
- Tham khảo sách ngoại quốc	210



Thay lời tựa

Hơn bất cứ lúc nào, hiện nay nhân-loại sống trong sự đe-dọa, có thể bị tiêu-diệt vì những phát-minh vũ khí tân kỳ!

* Khoa-học và kỹ-thuật tiến-bộ một cách mau lẹ, trong khi đó tiến-trình dân chủ và nhân chủ lại ì-ạch như chiếc xe bò lặn trên đường giốc đá gồ-gề!

* Những tranh-chấp quốc-tế về quyền lực và quyền lợi vẫn tiếp-diễn dưới nhiều hình-thức!

* Con người vẫn còn lầm-than, thống khổ vì sự tiến-hóa nhân-loại chưa đi đôi với sự tự-giác trước thời-đại, chưa phản-tỉnh về quá-khứ, chưa phản quang đối với vũ-trụ, và một tiến-hóa về tương-lai!

* Người dân vẫn chưa có cơ-hội đồng đều để ý thức được quyền-lợi và nghĩa-vụ!

* Nền kinh-tế vẫn còn bị lũng-đoạn trong tay một cá-nhân hay bè nhóm!

* Đời sống tinh-thần của con người vẫn còn bị hoang-mang trong những lồng chụp vũ-trụ-quan siêu-hình, và bị lợi-dụng bởi các tay “phù thủy” tâm linh hoàn-vũ!

* Trong khi đó, thậm thay: Nhân quyền”, “Dân quyền”, “Nhân đạo”, “Bác ái” “Hòa bình”, “Thương thuyết”, và biết bao danh-từ hoa-mỹ khác lại được cổ-động, hô-hào ầm-ĩ, trên thực-tế chỉ là những **tiếng vang vọng từ đáy vực!**

Đã đến lúc:

- Vứt bỏ đi những ủy-mị, ảo-hóa vong thân để khôi-phục bản-vị “Người” sánh cùng Trời - Đất (Tam Tài).

- Tự tu, tự tạo nhìn thẳng vào thời-đại với suốt

mắt và tập-đại-thành các tư-tưởng để tháo gỡ những nút biến, khai-thông cho thế-hệ tương-lai.

- Giải-phóng con người khỏi thân nô-lệ, không những trong lối sống, mà ngay trong lối cảm nghĩ, lẽ ra phải thiết-lập được nền nhân chủ ngay trong đợt cảm nghĩ - “ **Đạo giả, phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo - Nhân chủ sở đạo dã.**” (Tuân Tử), hoặc như Granet: “**Ni Dieu, ni loi**”, không thần-linh, không luật-pháp, vì hễ theo “nhân chủ” thì đạo sống lấy tiêu-chuẩn nơi con **NGƯỜI**.

- Giác-ngộ triệt-để về “nhân chủ”; mọi kiến thiết cần đặt trên “nhân bản” mới có thể đem lại an bình cho nhân loại.

- Lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội người trên tự tính làm gốc thì **mọi hiện-tượng sống tạo ra bởi người, vì người và cho người.**

- Trở về với “Đạo Sống Việt” để phục-hồi và ứng dụng điều “**thương người như thể thương thân**”, không điều-kiện, không giáo-diệu, không lý-thuyết xông, thì cuộc sống mới thực-sự an lành, và thực-sự thanh-bình.

Dân Việt đã trải quá nhiều đau thương của các thời-đại!

Hết “du mục xâm lấn”, tiếp “thiên triều chủ nghĩa”, đến “xâm lược đồng hóa”, rồi “thực dân đế quốc”, đến “Xã hội chủ nghĩa”, “dân chủ tự do”!

Tất cả chỉ là những lớp sơn của thời-đại. Chúng đã làm mờ đi những nét son đáng giá và đích-thực trong nếp sống nhân bản, tràn đầy tình người của dân Việt.

Hoaky, ngày 15 tháng 1 năm 2022.

Cẩn đề,

Đinh Khang Hoạt

Biết và sống

Sống ở đời, muốn được chân hạnh-phúc, con người cần có một suy-nghĩ khoáng-đạt, thanh-thoát, cao rộng, thấu lý đạt tình.

Trang Tử xưa đã nói: “Đường sống có bờ, mà đường biết thì không bến, Đối tượng của suy-tư là nhân-sinh và vũ-trụ. Than thay nguyên-ủy của vấn đề lại vô thủy, vô chung (vô cùng nguyên-nhân và vô cùng cứu-cánh) - Thật là bất khả tri luận ! Cho nên mới sinh câu chuyện “Chú bé tát nước biển vào lỗ sò của Thomas D’Aquin, và Herriot mới nói: “La connaissance c’est ce qui reste après qu’on a tout oublié, c’est ce qui manque qu’on a tout appris”(Sự hiểu biết thường đi đến những gì mà người ta đã quên hết cả ,và là những gì còn thiếu khi đã học đủ cả).

Có biết mới sống được, biết là tất-yếu của sống, biết là trục của sự sống, nên Descartes mạnh-mẽ phát-biểu: “Je pense donc je suis.”, (Tôi suy nghĩ tức là tôi hiện hữu, tôi đang sống).

“Biết không những là công-cụ của sống mà còn là nền-tảng và yểm-hộ của sống. Có biết mới có khả-năng sống thực-tế, sống trong cái ý-vị đời-dào của đời người. Miệng núi Fuji-Yama đã nuốt bao nhiêu thanh-niên Nhật, vì cái lý-tưởng quốc-gia chưa trọn vẹn của họ, vì cái phương-châm đời sống còn lỏng-lẻo, vì cái chưa biết, không thể biết ám-ảnh đem vùi thân vào cái chưa biết để tìm-tòi và an-ủi.

Cho nên công việc lập tâm cho trời đất, lập mệnh cho nhân-sinh, tức là ở nơi tìm cái

chốt trục của trung-tâm vạn vật, lấy cái đó để giữ vững mặt trời với địa-cầu, bởi loài người phải tin mãi rằng có tìm thấy cái đó mới tránh khỏi hủy-diệt. Đông, Tây, kim cổ: Nho thì cần biết tính, biết mệnh,... Phật thì cần minh tâm huân tính, tự giác, đại giác; Lão thì cần tu tiên học đạo, trường sinh, trường chân ...

Nói ra cái biết của loài người đi từ tuyệt-đối-luận (dogmatisme) đến vô tri luận (agnosticisme) cho đến kinh-nghiệm-luận (pragmatisme) hoặc giả vô-thần-luận (atheisme), hữu thần (théisme), phàm thần (panthéisme), hoặc-giả duy-tâm sử-quan, duy-vật sử-quan, duy-sinh sử-quan, ba bề bẩy mối!

Than thay, bốn mặt xoay vần, bởi muốn tìm cái sống ở nơi mình cho nên khổ vì muốn tìm cái biết.

Sự biết thì vô bờ, nên hãy tự giác (Connais-toi toi même), tự lập lấy một sinh-mệnh hệ-thống nó tự trong nơi mình. ”

Cuối lộ-trình của tư-tưởng là tổng-thể, tư-tưởng tác-dụng vào tổng-thể, nâng từ trạng thái thấp lên trạng-thái cao hơn. Do đó chu-trình của tư-tưởng là một vòng tròn xoáy tròn ốc có nút thắt. Có nút thắt (nút thắt là nút chặn để không bị tuột hậu).

Có cái biết đơn độc. không song hành với tiếng nhịp của con tim, thì dù có tiến-bộ vượt bậc càng làm cho cuộc đời tức-tưởi, lo âu!

Ngày nay: náo phi đạn xuyên dương, tàu ngầm hạt nhân lặn sâu dưới biển hàng ngàn mét, bom tinh-khôn xuyên qua mọi cản trở để tiêu-diệt đối-thủ; Có trong tay ít nhiều phi đạn hạt nhân mà nước bé Bắc Hàn hù-dọa lung-tung, cả gan đồn mặt với chú SAM khổng-lồ đất Mỹ. . .

Đã đến lúc:

- Vứt bỏ đi những ủy-mị, ảo-hóa vong thân để khôi-phục bản-vị “**Người**” sánh cùng **Trời - Đất** (Tam Tài= Trời - Đất - Người.).

- Tự tu, tự tạo nhìn thẳng vào thời-dại với suốt mặt và **tập-dại-thành** các tư-tưởng để tháo gỡ những nút biến, khai-thông cho thế-hệ tương-lai.

- **Giải-phóng con người khỏi thân nô-lệ**, không những trong lối sống, mà ngay trong lối cảm nghĩ, lẽ ra phải thiết-lập được nền nhân chủ ngay trong đợt cảm nghĩ - “**Đạo giả, phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo - Nhân chủ sở đạo dã.**” (Tuân Tử), hoặc như Granet: “**Ni Dieu, ni loi**”, không thần-linh, không luật-pháp, vì hễ theo “**nhân chủ**” thì đạo sống lấy tiêu-chuẩn nơi con **NGƯỜI**.

- Giác-ngộ triệt-để về “**nhân chủ**”; mọi kiến-thiết cần đặt trên “**nhân bản**” mới có thể đem lại an-bình cho nhân-loại.

- Lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội người trên tự tính làm gốc thì **mọi hiện-tượng sống tạo ra bởi người, vì người và cho người.**

Nêu cao “**Đạo Sống Việt**” để phục-hồi và ứng-dụng điều “**thương người như thể thương thân**”, không điều-kiện, không giáo-diệu, không lý-thuyết suông, thì cuộc sống mới thực-sự an lành, và thực-sự thanh-bình.

Dân Việt đã trải quá nhiều đau thương của các thời-dại! Vì vậy, người Việt có quyền tuyên xưng “**Ngọn đuốc Việt sẽ là nguồn sáng để đưa dẫn Dân Tộc và Thế giới thoát khỏi những vùng lầy thời-dại.**”

Đứng trước cửa ngõ thời-dại mới, cần đi đến một phán-đoán tối hậu:

- Đem trí thức loài người đối chiếu với sự thực bộc-lộ;

- Để xác-định cái giới-hạn của chân-lý.

Chính nhờ có tư-tưởng mà con người khác với mọi động-vật. Chỉ có loài người mới tạo nên lịch-sử, văn-hóa. Chính ở điểm này, mà coi con người đồng

hạng với mọi sinh-vật, hay coi con người là tôi mọi của một thần tượng không tưởng, thì đó là điều hạ nhục vai-trò người nếu không muốn nói là ‘**phi nhân**’.

Có biết thế nào là đáng chết, mới hiểu thế nào là đáng sống. Sự sống thật là quý, nhưng biết chết nhiều khi còn cao quý hơn. Trong lịch-sử có nhiều anh-hùng, dũng tướng chọn cái chết nhất thời lấy cái sống muôn thuở, như

Bình Trọng nhơn-nhơn giữ một mực

Tựa Lê Lai ngàn-ngật xung chín lần...

(Lưỡi Gươm Việt)

Sống không những sống cho mình mà còn cho gia-đình, quốc-gia, dân-tộc, và nhân loại. Sống không chỉ cho hiện tại, mà cũng vì dĩ-vãng, và tương-lai.

Luật-tắc khoa học đã quy-định xã-hội chi-phối từng người, ngược lại ý-chí từng người có thể chuyển biến được xã-hội, **nhân định thắng thiên** là thế.

Ý-thức nhân bản đã vượt thắng qua nhiều giai-đoạn: từ bộ-lạc lẻ-tẻ tới một quốc-gia chặt-chẽ; từ thần tặc sang đế tặc, từ xâm-lược thuộc-địa sang độc-lập hợp-tác; từ đế-chế độc-tài sang phân quyền dân-chủ; từ mỗi quốc-gia riêng rẽ sang hợp -tác từng vùng; và từ ổn-định từng vùng (từng Châu) tới ổn-định thế-giới. Liên hiệp quốc không còn là nơi để các thế-lực mạnh ngồi hớp để chia-chác. để mượn danh-nghĩa toàn cầu trong những mưu-đồ úc-hiếp tiểu nhược,...

Tiếng trống “**Nhân bản**” đang thôi-thúc tâm tư mọi người: Hãy mở cửa sổ tâm-hồn để hít thở không-khí anh-hùng, phải phá tan đi những màn che, cho ánh sáng, hơi thoáng chiếu vào cho loài người khỏi tăm-tối, cho hạt giống của hoa quý dưới mực nát, bùn lầy hôi tanh, đượm hơi mai và không-khí trong sáng mà nở lên những hoa trái tươi màu.

Nếu loài người duy vật thật, tất chỉ có khoa-học vật-chất, luật tắc.

Nếu loài người duy tâm thật, tất chỉ có tôn-giáo qua nhận-thức.

Yêu thương là huyết tính của loài người, vút yêu thương thì còn gì là lẽ sống. **Con người là trụ cột của nhân sinh**. Mọi kiến thiết và xây dựng nếu không **y quy vào nhân bản** thì giá-trị định vào đâu?

Tin tưởng vào tinh-thần nhân-bản, loài người mau bước qua giai-đoạn “**nhân bản thành lập**” để bước sang giai-đoạn “**nhân bản ổn định**” để cùng vui tươi hạnh-phúc trong khung-cảnh “**nhân đạo thái hòa**”.



Chữ “Hòa”

Vấn đề Chính Trị

/I/ Định-nghĩa

Nói đến chính-trị, hầu hết người Việt đều biết đến, nhưng hiểu một cách cận-kề về từ-ngữ cũng như nội-dung về chính-trị thì chỉ những bậc giáo sư giảng dạy ở đại-học hay những nhà báo, nhà bình-luận mới hiểu-biết một cách cận-kề!

Chính-trị.

- Theo Việt Nam Tự điển của Ban Văn-học, hội Khai Trí Tiến Đức, Hanội Imprimerie. Trung Bắc Tân Văn, 1931 - In lại do Nguyệt San Ngày Về tái phát hành,

* Chính là ngay thẳng, đúng-đắn, chính-trực, chính-xác, không sai.

* Trị là coi-sóc, cai-quản, sửa chữa.

Chính trị : Việc cai-quản, hay việc quản-trị của một quốc-gia tùy theo một chính-thể. (thể-chế).

- Theo Hán Việt Tự Điển của Thiều Chửu, tái bản lần thứ hai, in tại nhà in (?), năm (?)

Chánh (chính) là phải, chánh đáng, ngay thẳng đúng giữa như chánh ngọ, chánh diện, các bậc niên triết đời trước (tiên chánh), tháng đầu trong một năm như chánh nguyệt (tháng giêng),

Trị: sửa.

Chính trị là sửa trị cho đúng-đắn.

Theo nhà tư-tưởng Lý Đông-A, chính-rị phân làm 5 lãnh-vực:

1/ **Chính-trị công-dân**. “Người là một động vật va hơn các động vật khác vì người biết tổ-chức đời sống mình, biết cách tồn tại dòng giống mình - Người là

chính-trị động vật. Chính-trị xem đó là các điểm đặc-biệt và biểu-hiện rõ sự sống và giá-trị con người của quốc-gia, làm người nhấ là làm quốc-dân phải đứng dậy phục-vụ cho quốc-gia, phải tham-dự chính-trị. vì. Có như thế mới nói co người hơn các động-vật khác.

2/ **Chính-trị hàng ngày.** Chính-trị không phải là công việc cao-siêu ghê-gớm, xa-lạ. Chính-trị ở ngay trong đời sống hàng ngày. Đói rét mà chịu một bề nhục-nhã, mà cúi đầu im lặng, không biết đứng dậy cho đời sống còn, mà xếp đặt cho quốc-gia được no ấm, đó là hại cho mình, hại cho cả dân chúng, tức là phản mình, phản cả dân chúng.

3/ **Chính-trị phương-cách.** Chính trị ở ngay sự giữ-gìn phong-hóa. Trình-độ sống phải đúng đường của mình. Phải bảo-vệ lấy luân-lý, cái lẽ sống xứng-đáng của con người gọi là nhân-luân. Cũng cần lấy lại cái cốt-cách cư-sử, giao-thiệp trang-trọng của con người gọi là nhân cách thì mới mở rộng, làm cho ăn sâu được công-đức ở nơi quốc-dân. Như thế mới mong đạt được mục-dích chính-trị. Sự sống không có cốt-cách con người, nhất là cái quốc-cách, như thế thì không có gì sáng-sủa đẹp-đẽ, xứng-đáng đưa người ta đến đâu, mà trái lại có thể làm hại được nữa - đó cũng là phản dân chúng.

4/ **Chính-trị sinh-mệnh:**

Trong thời-đại này, tới giờ phút hiện-tại. loài người đứng trên ba nền-tảng suy nghĩ và bàn -luận về sự sống còn con người, Ba nền triết-học tiền tiến nhất là Duy tâm, Duy vật, Duy sinh. Nói tóm tắt là lấy ngay ý nghĩa ở trong đầu đề kia mà nói:

* Phái Duy Tâm cho nguồn-gốc sự sống là do vị chúa-tể cao siêu hay một ý-thức siêu-hình mà đặt định và chỉ-huy.

* Phái Duy vật cho là vật-chất xây nên sự sống.

* Phái Duy sinh cho là con người sống do sự vận động của tế-bào trong người.

Đó là những thuyết thiên-lệch về sự sống của con người. Thật ra, người sống với người, với mọi điều-kiện, về đủ mọi phương-diện với tổ-chức dân thành trong sự kết-cấu nên hình-thể. Người tự chi-phối lấy vận-mệnh mình, kể cả tâm, sinh, vật. Cho nên áp-dụng sống theo một triết-học thiên lệch nào là không ăn đúng với tổ-chức con người. Đó là đi ngược đường lối chính-trị, tức là phản chính=trị.

* Nếu chủ-ttuương mọi hoạt-động trong xã-hội là nhằm phục-vụ con người (Nhân bản) thì “**Chính trị là thiết-kế và chấp-hành nhân-sinh, lấy giáo dục làm khởi-điểm và là chung-điểm**”. (chính trị là dự-định tổ-chức và thực-hiện chu-toàn cho cuộc sống lấy giáo dục làm tiến trình cho từng bước.)

Như vậy, chính-trị gắn liền với cuộc sống. ảnh hưởng trực-tiếp với con người.

Dưới một thể-chế Tự Do, dân-chủ, người dân để có đời sống dễ-chịu hơn một công dân sống trong một chế quyền độc-tài, vị lợi.

5/ **Chính trị lộ tuyến:**

Từ muôn xưa, nòi giống ta đã sống theo một tổ chức, một tính cách đặc-biệt, có một đường đi, một lối sống không hẳn giống các nòi giống khác. Đó là **chính trị lộ tuyến** (Đường đi muôn đời của dân tộc.)

Cho nên cách mạng, nhất là công cuộc cách mạng Việt phải là sự đưa dân tộc tiến lên, làm thế nào để lấy lại chủ quyền trên đất đai, và đạt được ý chí sống còn của nòi giống theo *chính trị lộ tuyến* mới được.

*

Vấn-đề Cách-nạng (mệnh) ?

1/ Định-nghĩa:

Theo Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức xuất-bản tại Hanoi, 1931:

Cách: đổi, đổi cũ thay mới.; cách cổ đỉnh tân.

Mệnh= vận số của người ta.

Cách mạng (mệnh): dùng bạo-động mà thay đổi thời-cuộc. Nghĩa rộng là thay đổi thời-cuộc đang sống.

Thí-dụ: Cuộc cách-mạng Pháp 1789 do các nguyên-nhân:

- Nguyên=nhân sẵn có: Mâu thuẫn giữa các giai cấp: Tu-sĩ với quý-tộc - Tư-sản đô-thị với nông phu Sự chia-rẽ về chủng-tộc. Các trung-tâm phiến động,...

- Nguyên-nhân thời-đại: Các phong-trào, tư tưởng tự-do, bình-đẳng,. Vĩ chiến-tranh nhà vua cần thêm tiền - Dân-chúng nghèo-đói,...

- Nguyên- nhân bất-thường: Cuộc triệu-tập quốc-dân đại-biểu.

Từ những nguyên-nhân trên dẫn đến cuộc phá ngục Bastille, hủy-bỏ ưu quyền của quý-tộc - tu-sĩ, chấp-nhận sự phân quyền lập pháp, hành chánh và tư pháp cũng như chấp-nhận quyền tự-do căn-bản của cá nhân, và sau cùng chấm-dứt triều-đại Louis XVI .

2/ Cuộc cách-mạng chống thực-dân Pháp - thành-lập Việt Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa.

- * Anh-hưởng tinh-thần khảng-khải của vua quan triều Nguyễn:

.- Năm 1873, Pháp tấn-công thành Hà-nội, trong

trận này Nguyễn Lâm con trai Nguyễn Tri Phương tử trận, và chính ông cũng bị trúng đạn! Pháp phần vì quý trọng con người của ông, phần muốn lấy lòng ông để dễ chinh phục lòng dân Bắc Hà, nên đã cố tình chữa trị cho ông, nhưng ông nhất quyết từ chối và tuân tiết theo thành. Ôi đúng là bậc trung thần dũng sĩ.

- **Phan Thanh Giảng**, sinh năm 1795, - Ngày 20/6/1867, Pháp đánh chiếm Vĩnh Long, ông biết không thể chống cự. nên mật bảo cho viên quan giữ thành mở cửa thành với điều-kiện Pháp giữ an-toàn mạng sống của dân chúng. Sau đó ông xếp mũ áo, phẩm hàm về triều-đình tạ tội, ông uống thuốc độc tuân tiết.

- **Nguyễn Hữu Huân**, một sỹ-phu yêu nước và là một lãnh-tự khởi-nghĩa chống thực-dân Pháp ở Nam Kỳ. Ông đặc-biệt qua hiệu danh thủ-khoa Huân. Ông người làng Tịnh Hòa, Định Tường (Mỹ Tho).

Tương truyền năm 1852, đỗ đầu trong kỳ thi Hương nên gọi là Thủ-khoa Huân. Sau đó được bổ-nhiệm Giáo-thụ phủ Kiến An, tháng 5/1859 giữ chức phó quân đạo. Năm [(1861, ông cùng nghĩa quân hoạt-động ở Tân Hòa (Gò Công) thất-thủ kéo quân về vùng Ly Nhơn (Cần Giẻ), sau rút về Cai Lậy, Tiền Giang.]

- Cuối năm 1863, ông rút quân qua An Giang, gặp Thiên hộ Dương, chiêu-mộ nghĩa binh khởi-nghĩa lần II.

Sau bị bắt và bị kết án 19 năm khổ sai và bị đi đày ở Cayenne Nam Mỹ.

- Tháng 2/1869, được ân-xá, và bị quản-thức ở nhà tổng đốc Phương, ông lại tụ-tập nghĩa-binh để tái khởi-nghĩa, địa-bàn kéo dài từ Mỹ Tho tới Cai Lậy.

- 1874 ông bị bắt do bị chỉ điểm.

- Ngày 19/5/1875, ông bị hành quyết!

- **Hoàng Diệu**, tên thật là Hoàng Kim Tích tự là Quang Viễn, hiệu là Tỉnh Trai, sinh ngày 14/3/1829 tại Xuân Đài, Diên Phước, Quảng Nam.

- **Nguyễn Trường Tộ**, còn được gọi là thầy Lân, là một danh-sĩ, một kiến-trúc-sư, là nhà cải-cách xã-hội Việt ở thế-kỷ 19. Ông người Nghệ An, thông minh, học giỏi, được truyền tụng là Trạng Tộ.

Sau khi đồn Chí Hòa thất thủ (1861), trước quyết định mở rộng cuộc chiến ở phía thực-dân Pháp, không mong gì nghị hòa, ông từ dịch (chức-vụ thông-dịch của ông).

Đầu tháng 4/1863, ông đã soạn thảo 3 điều-trần: “Tề Cấp Luận”, “Giáo môn luận”, và “Thiên hạ phân hợp đại thế luận”. Đây là những kế-hoạch để giúp nước.

Ông từ trần ngày 23/11/1871) hưởng thọ 41 tuổi.

***Dư vang của hai Phong-Trào Đông Du và Duy-Tân:**

- Bắt-đầu từ năm 1902, Phan-Bội-Châu, thủ lĩnh Phong-trào Đông-Du, cụ là một nhà cách-mạng làm trụ-cột cho tất-cả công cuộc vận-động độc-lập của người Việt từ sau khi đảng Cần-Vương tan-rã cho đến hết kỳ thế-giới chiến-tranh thứ I.

- Phong-trào Duy-Tân do các ông Phan-Chu-Trinh, Đặng-Tử-Kính, Trần-Quý-Cáp, Huỳnh-Thúc-Kháng, Ngô-Đức-Kế, v.v...xướng-xuất.

Năm 1906, Phan-Chu-Trinh sang Nhật gặp nhà cách-mạng Phan-Bội-Châu. Khi về, cụ gửi cho toàn-quyền Đông-Dương một bức thư kể rõ những sai-lầm của chính-sách bảo-hộ. Cụ cùng các đồng chí đi hô-hào, cổ-động duy tân khắp nơi, như cải cách việc học, khuyến-khích công-nghệ, mở trường tân học, lập hội buôn, mở-mang dân trí,... Các vận động này đã đưa đến cuộc biểu-tình lớn xin xâu năm 1908. Đông-Kinh Nghĩa-Thục được lập lên ở Hà-nội vào năm 1907.

công-nghệ thường-thức. Đôi khi tổ-chức những buổi diễn-thuyết về các vấn-đề văn-hóa, khoa-học, v.v...Trường còn soạn những sách giáo-khoa và những bài ca cổ-động tinh-thần yêu nước.

- Ngoài những vận-động trên, còn có những âm-mưu và mấy cuộc khởi-nghĩa làm chấn-động toàn quốc:

*** Sự chấn-động âm Mưu Khởi-Nghĩa của Vua Duy-Tân:**

Một nhóm chí-sĩ bầu bết là người đã dự vào phong-trào xin sưu năm 1908 muốn nhán cơ-hội nước Pháp lâm vào tình-trạng khó-khăn trong đại-chiến thứ I, tổ-chức một cuộc âm-mưu nhằm lật-đổ nền thống-trị Pháp. Những người cầm đầu là Lê-Ngung, Trần-Cao-Vân, Thái-Phiên, Phan-Thành-Tài, Lê-Dương, Võ-văn-Trứ. Chương-trình là dùng lực-lượng của vài ngàn lính mộ đương luyện-tập ở Huế cùng các lính khố xanh, khố đỏ chiếm kinh-đô cùng 3 tỉnh Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi làm căn-cứ, lật-đổ Nam triều, đặt chính-phủ khác và tôn vua Duy-Tân lên làm vua lại. Dự-định đúng một giờ sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916 khởi-sự, rước vua Duy-Tân ra khỏi cung. Rất tiếc, cơ mưu bị bại-lộ, nên vua Duy-Tân bị đi đày ở đảo Réunion, nhiều người dự vào cuộc âm-mưu đều bị chém, hoặc bị đi đày.

Tinh-thần yêu nước dạt-dào suốt mặt. Các ông Nguyễn-Huân, Nguyễn-Trung-Trực, Trương-Định, Trương-Bạch khởi-nghĩa liền mấy trăm trận chống Pháp; Nguyễn-Huân oanh-liệt, ba lần bị bắt, trốn khỏi ngục lại tụ nghĩa. Lúc sắp bị giết vẫn khảng-khái: “Túng tử dĩ kinh hồ lỗ phách, bất hàng cam đoan tướng quân đầu” (Dẫu chết cũng kinh hồn nghịch tặc, không hàng chịu chém cổ tướng quân).

Hưu quan án-sát Hải-Dương là **Nguyễn-Cao** tự đảng khởi-nghĩa mưu lấy lại tỉnh thành. Bị Pháp bắt, ông tự mổ bụng, không chết lại tự cắn lưỡi mà chết...

- Cuộc Khởi-nghĩa Thái-nguyên

Năm 1917, muốn nhân cơ-hội Pháp bận chiến-tranh với Đức, ông Lương-Ngọc-Quyến lúc đó bị giam ở nhà tù Thái-Nguyên, bèn cổ-động tinh-thần ái quốc, và được nhiều binh-sĩ nghe theo.

Đêm ngày 31-8-1917, Trịnh-Cẩn cầm đầu 200 lính hạ-sát viên giám-binh Pháp, chiếm các công-sở, phá nhà tù, giải-phóng tù nhân. Nghĩa-quân làm chủ Thái-Nguyên được ba ngày, nhưng vì thế cô, nên quân sĩ tử trận lần-lần, đội Cẩn tự-sát.

*** Cuộc Khởi-nghĩa Yên-Báy**

Năm 1927, Việt-Nam Quốc-Dân đảng ra đời, do hai ông Nguyễn-Thái-Học và Nguyễn-Khắc-Nhu lãnh-đạo. Tôn-chỉ của đảng lấy "Tam Dân" làm chủ-nghĩa. Đảng bành-trướng rất mau, nhằm giải-phóng dân-tộc khỏi ách đô-bộ của thực-dân Pháp.

Đêm mừng 9 rạng ngày 10 tháng 2 năm 1930, Việt-Nam Quốc-Dân đảng mở một cuộc tổng bạo-động trên toàn cõi Bắc-Kỳ: Yên-Báy, Hưng-Hóa, Lâm-Thao, Hà nội, Phụ-Dực (Thái-Bình), Hải-Dương. Rất tiếc, cuộc khởi-nghĩa Yên-Báy thất-bại ! Lãnh-tụ Nguyễn-Thái-Học bị bắt tại Cổ-Vị (Hải-Dương) vào ngày 20/2/1930.

Ngày 17/6/1930, Nguyễn-Thái-Học và 12 đồng-chí lên đoàn đầu đài tại Yên-Báy.

Ngày 10-8-1945, Nhật đầu hàng Đồng-minh sau khi bị oanh-tạc bằng bom nguyên-tử. Thế chiến II chấm-dứt, mở màn chiến-tranh ủy-nhiệm cục-

bộ địa-phương. Cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc âm-ỉ từ lâu, đã có lần bộc-phát nhưng thất-bại. Nhân khoảng trống lịch-sử này, đảng Cộng-sản Việt đã nhanh tay và kịp thời nắm lấy. Được cộng-sản quốc-tế thông-báo mọi đường đi nước bước của thế-giới, mặt-trận Việt-Minh nắm được cơ-hội nghìn năm một thuở mà đi trước các đảng-phái cách-mạng khác. Vì lòng yêu nước, vì căm-thù thực-dân và phát-xít, nhân dân Việt đã không ngần-ngại, nhiệt-thành hưởng-ứng ngay cuộc đấu-tranh giành độc-lập, tự-do, mà không cần tìm hiểu thành-phần hướng-dẫn, lãnh-đạo. Vận-dụng tinh-thần yêu nước núp dưới chiêu-bài Mặt-Trận Việt-Minh với tìm cách vô-hiệu-bóa và tiêu-diệt ảnh-hưởng của các đảng-phái Quốc-gia để độc quyền lãnh-đạo.

Hiệp-định sơ bộ 6/3/46 là một "bãi nhốt" của thực-dân vào cao-trào kháng-chiến của dân Việt! Nhờ hiệp-định này, thực-dân Pháp đã không tốn máu xương chiếm lại được những vị-trí then-chốt ở Bắc-Việt - "Nước Việt-Nam gia-nhập khối Liên-hiệp Pháp" **chỉ là một hình-thức tái lệ-thuộc không hơn không kém.**

*** Cuộc cách-mạng 19 thang 8 năm 1945** qua cuộc biểu tình tại nhà Hát lớn Hà nội do d3ng viên đảng Cộng-sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân-dân chuyển từ mục đích buổi lễ ra mắt tân chính phủ Trần trọng Kim thành cuộc cách-mạng vĩ-đại giành độc lập, tự-do cho Tổ quốc.

Do lòng yêu nước thiết tha bùng cháy của người dân Việt đã đem lại thành-công rực-rỡ, và danh hiệu mới của nước nhà là

**Việt Nqm Dân chủ Cộng hòa
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc.**

Hồ chí-Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam đã tự nhận là ngọn xung-kích của chủ nghĩa Mác Lê, kéo dài cuộc chiến, gây nhiều tổn thương cho nhân dân Việt ?

Trong cuốn “Văn Học Dân Gian”, cán-bộ Đình Gia-Khánh đã “tụng” lại:

“Bản báo-cáo tổng-kết đại-hội văn công của đồng-chí Tố Hữu là một văn-kiện lý-luận vừa tổng kết những vấn-đề quan-trọng nhất của việc sưu-tầm nghiên-cứu và sử-dụng vốn văn-nghệ dân-gian cổ truyền, từ cách-mạng tháng tám đến năm 1955, vừa vạch ra những nét cơ-bản của nhiệm-vụ xây dựng một khoa-học Mácxít về văn-nghệ dân-gian từ năm 1955 trở về sau.

Tóm lại, trong giai-đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám, từ 1945 đến hết năm 1954 là giai-đoạn cách mạng dân-tộc dân-chủ mới, việc sưu-tầm nghiên cứu văn-học dân-gian Việt Nam đã được chú-ý đến trong khuôn-khổ của cuộc đấu-tranh cho một nền văn hóa và văn nghệ, mới có đầy đủ ba tính-chất dân tộc, khoa-học và đại-chúng. Trên phương hướng chung ấy, việc sưu tầm nghiên cứu văn học dân gian giai-đoạn này có mấy đặc-điểm quan-trọng:

1/ Đây là giai-đoạn chuẩn-bị cho sự hình thành một khoa-học Mácxít về văn-học dân-gian. Sự chuẩn-bị này được tiến-hành chủ-yếu về mặt xây dựng những quan-điểm lý-luận cơ-bản và phương-châm đường-lối chỉ-đạo.

2/ Quá-trình xây-dựng những quan-điểm và lý-luận cơ-bản và phương-châm đường-lối ấy đã Xã-hội lý-tưởng rập mẫu theo “nguyên-thủy cộng-

sản”, và theo “tự-nhiên kinh-tế”!

- Thực ra, thời-đại “cộng sản nguyên thủy” là “thời đại nhân đạo sơ khai”, di-tích nguyên lai xa-hội. *Mô-hình này chưa phải là mô-hình tổ-chức xã hội của loài người.* Khi loài người mới xuất-hiện, động lực hoạt-động tự nhiên của con người là tìm cách thỏa-mãn các nhu-cầu căn-bản:

- . Ăn, ở, mặc (nhu yếu tính).
- . Giao-hợp nam - nữ (Sắc tính)
- . Hợp đàn (Xã-hội tính).
- . Đối kháng để sống còn (Tự-vệ tính).

Thời-kỳ nguyên-thủy là thời-kỳ tự-nhiên.

Con người sống trong tự nhiên như muông thú. Khi sản-phẩm thiên-nhiên có dư, con người chưa nghĩ đến trồng-trọt, chăn nuôi,... Chỉ đến khi sản-phẩm thiên-nhiên trở nên khan hiếm, con người phải tranh-đấu, vật-lộn để được sống còn. Tranh-đấu với thiên-nhiên, tranh-đấu lẫn nhau để thỏa-mãn các nhu-cầu căn-bản.

Quy-luật tranh-đấu trong thời-kỳ này là quy luật “***Mạnh được, yếu thua*”, “*Khôn sống, mống chết*”. Đó là ***quy luật của động vật, chứ không phải cho con người!*****

Vì chủ nghĩa Duy Vật lấy thời-đại nguyên-thủy làm mẫu mực, nên các đệ-tử đã trì tụng:

“Thời nguyên-thủy sống trong một xã-hội cộng-sản, chưa có bóc-lột, chưa có luân-lý của chủ nô, và luân-lý của nô lệ, con người đã thể-hiện khí thế hào hùng, phóng-khoáng của mình trong thần thoại cùng với bản-chất ngây-thơ bộc-trực lạc-quan mà các chế-độ bóc-lột, áp-bức sau này đã làm tiêu tan hoặc biến chất đi.”

(Đình Gia Khánh “Văn Học Dân Gian”, Trang 419)

Ở thời kỳ nguyên- thủy, những sản-phẩm có

được là do tự nhiên (thiên nhiên), chứ không phải do con người sản-xuất.

Bốn chữ “**tự nhiên kinh tế**” tự nó đã mâu-thuẫn. Nói đến kinh-tế (*kinh-bang tế-thế*), bao giờ cũng bao-hàm thủ-đoạn của con người, trái ngược với hai chữ “**tự nhiên**” là **điều sai lầm**.

Điều này cho thấy: Căn-cứ tối định của duy vật là *kinh tế tiến hóa vận động bắt đầu bằng phi kinh tế, tự-nhiên kinh-tế?*

* Nguyên động-lực của các vận-động là do các sức *hướng tâm* (sức hút của trái đất), *hướng ngoại* (sức đẩy của địa cầu), và riêng nơi con người có thêm sức *hướng thượng*.

Xu hướng hướng tha (*vươn tới người khác*), kết hợp với người khác vừa để thỏa-mãn xu hướng hướng tha vận động vừa gia-tăng hiệu năng hướng tâm vận động của mình, đồng thời đáp-ứng nhu-cầu kết-hợp. Sự hỗ-tương ấy phát-sinh tinh-thần nghĩ về nhau, thương yêu nhau, giúp-đỡ nhau. ***Sự tiến bộ con người là thành-quả của sự hỗ-tương phát-triển giữa hướng tâm, hướng tha và hướng thượng.***

Hiệu-quả của ba vận-động này mà tạo nên các diễn trình khác nhau, như sau thời-đại “*nhân đạo sơ khai*” sang “*thời đại nhân đạo thành-lập*”.

Chính ở thời-đại “*nhân-đạo thành-lập*” này mới nảy sinh ra “**kinh-tế**”, có chăn-nuôi, trồng-trọt, trao đổi (thương-mại),

Lịch-sử loài người không phải là lịch-sử của **giai-cấp đấu tranh** như Karl Marx chủ-trương, cũng không phải được quyết định do tinh-thần tuyệt-đối như Hegel đề ra, mà là hiệu-quả của sự vận-động phát-sinh từ *bản-chất người, bản-tính người, khả*

năng người qua mỗi thời-đại. đi tìm tự do, tự chủ, đi tìm nhân đạo cho chính loài người. Trên đời sống thực tiễn là cuộc đấu tranh không dứt để được sống, còn, tiến, nổi, hóa cho cá-nhân và cho tập-thể.

Đối với Việt Nam, một xã hội nông nghiệp, thiên nhiên ảnh hưởng quan-trọng đến nhân sinh, cho nên mối liên-hệ giữa vũ trụ với nhân sinh cần có sự hòa đồng, chứ không đối lập.

Nhân sinh và vũ trụ, thực-tế với lý-tưởng, vật với tâm tưởng xung-đột mâu-thuẫn, nhưng đối dân Việt Nam, vì điều-kiện sống còn đã chứng-minh sự đồng nhất trong sự sống biến hóa vô cùng, *sống một cách toàn diện và hiệu nghiệm*.

Nếu tất cả mọi người đều nghĩ như vậy, thì “hòa bình” cho nhân loại không còn xa, và thời điểm đó chính là thời **vạn xuân** của toàn cầu- **vườn hoa của nhân loại rực rỡ muôn màu và muôn hương**.

Phải chấm-dứt hận-thù, chia-rẽ, giai-cấp đấu tranh, mà cần mở rộng lòng “*nhân ái*” để hòa vui trong cảnh sống. Cuộc sống có an vui mới hưởng được những hương thơm và cảnh lạ. Hương thơm của đoá hoa “*Nhân Ái*” mà nhà tư-tưởng Việt, Lý Đông A đã viết:

“*Tất cả những tài-năng đạo đức chỉ là hương thơm của đoá hoa “Nhân Ái” nở mãi không tàn. Nhân ái một khi được sáng-suốt viễn kiến, chế-độ hóa, thực-tiến hóa, quy-cử hóa mới chân-thực là nhân ái, có thực-hiện thực thể cho loài người và vũ trụ. Đoá hoa nhân ái là cả một kiến-trúc lấy-lừng của lý tưởng, cái lý-tưởng lập-thể của nhân loại. Đoá hoa nhân ái thấm vào thấu suốt mỗi sinh mệnh làm những tiếng gọi sử mệnh, tiếng gọi vô thanh, vô hình. Chỉ có hương thơm, hương thơm của nhân*

ái. Nhân ái mà cũng đến bị bài-xích, bị lợi-dụng, bị chiêu-bài, bị đầu-cơ, thôi hết cả! Mà đến thế, trời đất mà đến thế! Ai là người kỳ ưu thiện ý?

Đóa ái hoa còn là đóa trí tuệ hoa. Bây-giờ ta mới chân thực hiểu thế nào là sinh tri. Sinh tri chẳng phải là nghiêm-ngặt và ấu-trĩ để ra đã biết, biết từ mới để. Sinh tri là trí tuệ tự sinh, sinh ngay bằng sự bừng nở của trí tuệ. Chữ giác-ngộ của Phật cũng một ý ấy. Tịch chiếu, hội quan, quán thông, quán tưởng, trầm tưởng, mặc khải, đều là những thuộc từ của sự sinh, sự tri. . . Phải có một sinh mệnh dần-dựa nhựa sống, đầy đầy ánh sáng của xuân tình mới nảy-nở ra cái cơ sinh tri đó được.

Đóa “Ái Hoa” còn là đóa ngữ hoa, giải ngữ hoa, giải hoa ngữ, ngữ giải hoa, hoa với ngữ như sát chặt với nhau trên sự thăng-hoa tuyệt-diệu và tột bậc của vóc tinh thần thiết diện, linh-thiên ở những lời hùng hồn của từ bi hay của nhân ái hoa là tri âm hoa với tri âm ngữ, cái tinh kết của sinh mệnh đời-dời, khúc nhạc của vận-động thuở-thuở.

“Vườn xuân của nhân ái hoa nở đầy lý tưởng hoa: xuân thu hoa, ái hoa, tri âm hoa, trí tuệ hoa. Tiếng đồn dậy: tri âm ngữ, đồng chí ngữ, ái ngữ, lý tưởng ngữ, vong quốc hoa (Nam thi) phải là nhíp uyển quỳnh, đủ cả tình tang của muôn tiếng...”

“Dân tộc Do Thái đã được lãnh-đạo trong các cuộc cách-mạng dân tộc, cách-mạng chính-trị, cách mạng Câu Rút là siêu thanh của 89 và 17. Sự thờ phụng đáng tối cao và lý trí trước bàn thờ Tổ Quốc đã cảm chiêu nên lá cờ ba sắc. . .”

“Chỉ có sự vất-vả bằng độc lực với tinh thần mạo hiểm và sáng tạo khi tự mình mới thể-nghiệm thấm-thía được biểu hiện quyền sống còn, độc lập, và tư cách sống còn, chính nghĩa thật đúng đắn...”

“Một văn minh mới như đoá hoa tươi tốt và to tát sẽ nở bùng ra. Ví như thể nước Mỹ trải qua một thời nôi giống xâm lược, máu và nước mắt, xấu ác hôi tanh ở trên mồ đồng đã nở ra đóa hoa tháng năm. Đóa hoa Tháng Năm đó đã sum-sê, phủ kín cái mồ đồng tội ác lịch sử kia. Đóa hoa ấy bón tưới bằng những chất tố lịch sử của mồ đồng đó.

“Tội ác của thực dân phải đền bù bằng một sự hối-hận thâm kín nơi đáy lòng. Có khi người ta phải tự trừng phạt mình cho khỏi cái hình bóng tối-tăm của tội ác cứ lớn-vỗn mãi trong hồn. Đó là trường hợp của 1865, Nam - Bắc chiến-tranh cho cái lý tưởng cởi mở dân tộc da đen.

“Cuộc chiến tranh ấy phải là thần thánh chiến tranh, thuần vì lòng yêu thương, và nghĩa công đạo. Cuộc ấy phải là vị tha chiến tranh, không tư lợi và không vị kỷ. . . Như còn muốn có chiến tranh phải ca tụng những cuộc chiến tranh thần thánh vị tha như thế. . .” “Thần thánh là đại biểu của lý tưởng, là hình tượng cao cả lý tưởng, cao-cả tuyệt đối, thật là lành và đẹp.

“Phải coi tự mình là một vật mình phải thờ phụng, và nâng lên thật lành và đẹp, đối với người cũng như thế. Nhưng mà lý tưởng đó vào đời phải trải qua đấu-tranh, sự đấu-tranh phải thắng cả tự mình với tất cả những ác thế lực nữa. Sự đấu tranh đó nổ bùng bằng sự phá vỡ ngục Bastille, kiến trúc của Phong kiến, chuyên chế, bất đạo đức, bất bình đẳng. Bastille là tượng trưng của tội ác. Phá vỡ Bastille là làm thức-tỉnh toàn thể dân Pháp với tất cả gậy gộc, xẻng, cày ra hoàn thành trận Valmy đuổi hết xâm-lãng. . .

“Có những tấm lòng thuần nhân ái to rộng

và lớn lao, nông nân và chân thật, cũng không phải là lối từ thiện, cũng không thể đem mua bán ngoài chợ được, ví như khó mà tả cho ra, vì đó là biểu hiện của Phạm (Brahma), không bờ, không bến, cùng trước, cùng sau, Phạm từ bi và hỷ xả. Cho nên Gandhi là Mahatma, là Thánh Hùng, là kỳ nhân đời nay, ví như Messie của Ấn Độ...”

Xét vì loài người kết-hợp nên bằng hai cơ bản: đàn ông và đàn bà. Sự phối-hợp của đàn ông và đàn bà là động-cơ của sinh-mệnh cơ-hội và tiến hóa. Cho nên, đàn bà với đàn ông, trên bản thể là đồng đẳng. Trên quan-hệ xã-hội có hai tác-dụng điều-tiết và phù thành lẫn nhau.

- Hôn nhân là nút thứ nhất tổ-chức của loài người.

- Sinh-dưỡng là mục-đích thứ nhất của hôn nhân.

- Cấp-dưỡng là mục-đích sau của hôn-nhân.

- Đàn bà với đàn ông trên hôn-nhân có nghĩa-vụ và quyền-lợi lẫn nhau mà **bình đẳng** ...

Suy ra, hợp lý trong xã-hội và hòa-bình trong quốc-gia là hiệu-suất xã-hội trong chính-trị.

. Tiến-bộ của văn-hóa và sáng-tạo của khoa học là hiệu-suất của lịch-sử trong chính-trị.

. Các thời-đại, dân-tộc và văn-minh chỉ có một mục-đích là cặm-cui chạy theo hình bóng của lý-tưởng với phạm-trù một “con người” trên một khái-niệm trọn-vẹn và mỹ-mãn.

Quan-niệm hủ-lậu, “Nam nữ thụ thụ bất thân” hay “Nam nữ bất đồng tịch, bất đồng sàng” (nhất nhất trai gái không được thân cận nhau, không được ngồi chung một chiếu, một giường) và “Giai cấp đấu tranh” là những quan niệm “**phi nhân bản**”, phi

xa-hội”, “mất quân bình”, “phi dân tộc”, “phi văn hóa”,... gây chia-rẽ, làm suy bại quốc-gia, xã-hội.

Từ những quan-niệm hủ-lậu, lệch--lạc mà sinh ra lối viết lách tuyên-truyền, như ở trang 247 trong Văn Học Dân Gian của Đình Gia Khánh!

“Trong thời-kỳ mà mâu-thuẫn giữa giai-cấp phong kiến và nhân dân ngày càng trở nên gay-gắt thì bộ mặt của bọn địa chủ phú ông, cường hào càng được văn học dân gian vạch trần, và hơn thế nữa được tô vẽ bằng những nét hiện thực.”

Người theo chủ nghĩa Duy Vật thường khoe khoang về “Duy Vật biện chứng”, “Duy Vật sử quan”,... nhưng họ đâu có hiểu rằng:

Sai lầm trên tư-tưởng, chủ nghĩa Duy Vật còn thất bại trên cơ bản lý luận ở ngay sự vận động biện chứng sai khớp với lịch-sử.

Sự thất bại của lý thuyết Cộng Sản ở ngay sự mù-tịt bản thể nhân loại trên kiến thiết xã hội.

Thất bại trong thực tế ở ngay cuộc cách mạng 1917.

Hoàn toàn thất bại vì chỉ là lý tưởng quá độ của vô chính-phủ chủ-nghĩa.

Sự tiến hóa lịch sử loài người là nhờ ở sự tu chỉnh tự nhiên (Tán thiên địa chi hóa dục.), đó là động -cơ tiến-hóa không ngừng. Chính tư tưởng đã làm cho nhân có khả năng chủ động đối với thiên nhiên. Nhân không thể sống ổn định bằng cách đồng hóa nhân với tự nhiên hay hủy diệt tự nhiên. Nhân sống ổn định khi nhân chủ-động đối với tự nhiên (thiên nhiên).

Về Chính trị: “Nhân giả nhân dã” (Người là “nhân” vậy). Nhân chính là vương đạo là lý tưởng

của ngàn xưa. *Những chủ trương lấy “nhân dân” phục vụ, tôi tổ cho nhà cầm quyền là “phi chính”, là vô đạo, phi nhân bản, phi chính trị,...*

Sự tương quan giữa người với người không thể gò ép vào một chế độ, vào một guồng máy hay luật pháp mang một thứ mặt nạ và đồ dùng áp bách.

Phải có một giáo dục thích hợp cho sự tự giác và hoạt-động trên thực hành.

Mối tương-quan giữa người với người ngày nay phải trông theo một ý nghĩa và tác dụng hết sức rộng rãi, nó gồm cả *nghĩa-vụ, quyền-lợi, và cơ-hội thống nhất; chính-trị, xã-hội, kinh-tế thống nhất; luân-lý, tôn-giáo và pháp luật thống nhất; lịch-sử, khoa-học và triết-học thống nhất.*

Về văn học, không thể khua môi, khoác-lác:

Trong “*Tục Ngữ Ca Dao Dân Ca Việt Nam*”, in lần thứ 11, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, năm 1998, trang 158, Vũ Ngọc Phan đã hý-hửng mà viết:

“Đến ngày cả hai miền Nam -Bắc đều xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì cũng là lúc

*Bốn mùa em chẳng phải lo,
Gạo Đồng Nai, vải Nghệ Tĩnh, em ấm no trọn đời.”*

Nếu ngày nào đó

“Khoa nghiên cứu văn hóa dân gian dần dần trở thành một khoa học. Và ngay từ khi bắt đầu trở thành một khoa học thì nó đã gắn liền với phương pháp luận Mácxít.”

Nếu xảy ra như thế, thì cũng từ ngày đó khoa “*Văn Hóa Dân Gian*” sẽ tàn lụi!

Như Lão Tử đã nói: “*Làm quân sự mà sai*

lầm, tất đi đến thua trận, quân lính tàn bại, tử vong.
- *Làm chính trị mà sai lầm thì chính quyền rơi vào tay người khác, đất nước nguy vong,...đặc biệt nhất là làm văn hóa, nếu sai lầm thì gây nguy hại cho nhiều đời.”*

Lời của Lão Tử, nếu đem đối chiếu vào lịch sử nước nhà trong thời gian từ 1945 đến nay, quả thật là điều đáng suy ngẫm.

“Từ sau 1945 đến nay những diễn-biến quân, chính bạo-tàn làm xã-hội Việt tan rã:

- Truyền-thống cân bằng giữa hai hình-thái “làng” và “nước” bị đập nát!

Xã-hội đa cơ-cấu cũ bị đảo lộn đến gốc rễ. Thay vào đấy là một cơ-cấu nguyên phiến (monolithe) của một đảng Cộng sản chuyên-chế suốt từ trung-ương đến xã thôn; văn-hóa nhân dân tự phát không còn đất dung-dưỡng và ý, chí người dân không còn nơi nung-nấu, mà trở nên thụ động, mất tinh-thần tự nhiệm.

- Một đức tin mới bùng lên sáng rực, đã tưởng là nền-tảng để xây-dựng một xã-hội mới đầy hiệu-năng từ nội-dung đến tổ-chức. Nào ngờ tất cả chỉ là những thủ đoạn xảo-trá, hư-ảo của độc-tài. Những đối gạt vỡ ra sỗ-sàng, gây choáng-váng, làm đức tin mới này sụp-đổ, tắt ngúm, đau-đớn tê-tái và thắm-thắm như một hố đen trong bầu vũ-trụ!

Xã-hội cũ tan, xã-hội mới chỉ là một quần sinh chợ búa, tồn tại dựa vào sức ép của quyền lực. Một xã hội mà trên dưới đều vụ lợi danh, ảnh-hưởng này do sức kinh-tế và chính-trị của Trung Cộng,

Hành diện vì “độc lập” và “thống nhất”; tập đoàn Cộng sản thường tự hào là “đỉnh cao trí tuệ” nhưng lại để dân đi làm thuê xứ người! Thật là điều

’sỉ-nhục cho “Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa” Việt Nam.

“- Ngoai-trừ những thành-phần đầu sỏ và đảng viên cao-cấp trong đảng cộng-sản, cả nước nghèo đói tả-tơi. Sự thật này đã được nói lên bởi chính người trong nước. Trong bảng sắp hạng quốc-tế, nước Việt-nam là một trong năm nước nghèo nhất thế-giới !

“Bất công xã-hội gia tăng. Thày giáo bỏ trường để chạy xe, học-trò bỏ học để đi ăn xin, hoặc lang thang vỉa hè, lề đường, quán ăn để chực chút cơm thừa canh cặn !

“Phần-uất và chán-chường về những ảo-ảnh của một thiên-đường không đủ cơm áo, đời sống dân chúng thiếu thành-thật và thiếu tình người!

“Giới trí-thức trong nước nổi dậy đòi-hỏi sự ngay-thẳng của nhà cầm quyền thì lập-tức bị công an điệu đi “làm việc”. Ngay cả các tầng-lớp cán-bộ trung-kiên của đảng cũng biểu-lộ sự bất mãn cùng-cực, các thành-phần kháng-chiến cũ ra mặt chống đối...

“Do kinh-tế suy-sụp, nạn cướp bóc, mĩi dâm, ma-túy, tham-những, hối-lộ, buôn gái ra ngoại quốc,... càng ngày càng gia-tăng, trầm-trọng. Thêm bờ vực thẳm qua hai mặt “quốc gia nạn” và “dân tộc nạn” do bọn cầm quyền Cộng Sản Việt.

“Bản-chất biến-cố lịch sử mà dân tộc Việt bị mắc vào trong thời gian cận-thị của triều đình Nguyễn (Nguyễn Gia Long), tiếp là thời-kỳ Pháp đô-hộ, chuyển sang thời gian đụng độ giữa hai siêu cường Nga-Mỹ lấy đất Việt làm trận tuyến, tệ hại hơn, ngày nay trên danh nghĩa độc-lập và thống-nhất,

nhưng thực-tế yếu-hèn, lệ-thuộc, van-xin, cầu-cạnh, băng-hoại, bất lực.

“Tinh thần tập thể sinh tồn tức là lòng yêu nước và tình tự dân tộc đã kiệt quệ! Kiệt quệ vì một mặt nhân dân thấy mình bị lường gạt một cách quá sức tưởng tượng, một mặt chính những tình cảm ấy tuy không chính thức bị cấm đoán, nhưng lại bị hướng đi một cách đến thành vô nghĩa với những dẫn giải “yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa”!

“Lòng nghĩa khí đã chết hẳn, và chỉ còn lại danh, dẽ-tiện, giáo-quyết. Càng trẻ càng điêu-ngoa, trâng-tráo. Tinh-thần dân-tộc đã hoàn-toàn bị pha hoại. Những ngôn ngữ, những việc làm liên-quan đến văn hóa, lịch-sử dân tộc chỉ là những công-tác hóa trang, tuyên-ruyền!

Trong sự tồn tại và tiến hóa của một dòng sống, trước khi nói đến tiếp-thụ ảnh-hưởng để phát-triển phải nói đến ý thức chủ thể mạnh và tinh-thần tiến tu bất hoặc cao, bằng không thì cuộc sống chẳng được như cây cỏ, mà chìm lắng triền miên, bởi cây vào đó, đời sống tinh-thần cả nước đang lún sâu trong vũng bùn: ly-tán, chán-nản, hoài-nghĩ, thiếu thật-thà, tham-lam, ganh-ghét, tầm hiểu-biết của người dân bị thu hẹp, phản-ứng dân chúng từ sợ-sệt, rụt-rè, biến thành thờ-ơ, tiêu-cực...

Tham-khảo qua lịch-sử, ta thấy trong thời-kỳ Tây Phương cường thịnh, các đế quốc thực dân như Anh, Pháp, Bồ, Tây Ban Nha, ... chiếm được nhiều thuộc địa. Đối với Anh, chính sách xâm-chiếm lãnh thổ chia làm hai cách:

Chiếm đóng di dân và chiếm đóng khai-thác. Loại chiếm đóng di dân thì họ dồn người thiểu số bản xứ vào một nơi, rồi dần-dần sự tranh sống tự

nghiêm nhiên sẽ đào-thải. Kẻ chinh phục chiếm lấy đất đai và lập thành những quốc gia mới.

Đối với loại chiếm đóng khai-thác, người Anh lấy kinh-nghiệm sự chiếm đóng của họ ở Bắc Mỹ. Lúc người Mỹ đánh đuổi dành độc-lập, và cho rằng nếu họ không loại được người bản xứ thì sớm muộn gì họ cũng phải có ngày trả lại độc lập cho dân bản xứ. Quan niệm này dẫn-dắt đến một chính-sách dài hạn, lưu lại được cảm-tình với dân bản xứ sau khi họ ra đi.

Đây là đặc-điểm khôn-ngoa và hiệu-quả của chủ-nghĩa đế quốc thực dân Anh.

Trái lại, đế-quốc chủ-nghĩa Pháp, Hòa Lan và Bỉ thì chỉ biết Thực dân khai-thác hiện tại. '

Chính-sách đế quốc kiểu này đã lưu lại cho các dân tộc bị trị những hậu-quả tai-hại, vì sau khi trả độc lập, sự thiếu người lãnh đạo các ngành là một trở-lực vô cùng to-tát cho công cuộc phát-triển đất nước cho dân tộc bị trị".

Nhìn lại lịch sử Việt, ta thấy:

Nhà Tây Sơn thống nhất nước ta được hơn 10 năm, lúc ấy thế lực Âu Châu đã tràn cả Á Châu, Nguyễn Gia Long với cơ-đồ yếu đuối phải thỏa-hiệp với Pháp. Sự thỏa-hiệp đó dẫn đưa nước ta vào vòng đô-hộ của người Pháp.

Thời kỳ I, từ 1800 - 1884, việc chống Pháp là của triều-đình. Thời II, từ 1885 - 1900, việc chống Pháp là do Văn Thân, vì lúc ấy triều-đình đã hàng Pháp."

Thời kỳ III, từ 1900 - 1945 việc chống Pháp hoàn toàn do dân chúng.

-Thời kỳ IV, từ 1945 - 1954 việc chống Pháp

do sự đóng góp của toàn dân, nhưng bị Việt Minh Cộng Sản lợi dụng danh nghĩa cầm đầu cuộc kháng-chiến.

Từ 1954 - 1975 cuộc chiến Tranh Nam - Bắc được ủy-nhiệm bởi hai thế lực: Quốc Tế Cộng Sản và Tự Do Tư Bản. Mẹ Việt Nam thăm bại. Hai đầu sỏ Cộng Sản và Tự Do chẳng bên nào thắng, bên nào bại, kết cục "chạy làng" để bày sang thế trận khác.

- Từ 1975 đến nay, tuy phe Cộng Sản Bắc Việt thống-nhất được đất nước, nhưng lạc-lõng trên đường xây-dựng, thay vì đời sống quốc dân được thịnh vượng, ngược lại ngày một xuống giốc!

Điều đáng tiếc và thê-thảm cho đất nước là bè lũ Hồ Chí Minh đã không thấy được cái gương của Trần Đức Thảo, một con người nổi tiếng trong thời du học tại Pháp, ông đã từng tranh luận với nhà văn -hào Jean Paul Sartre về lý thuyết Karl Max, và đã hằng say theo Hồ Chí Minh về nước, nhưng cuối cùng khi về già đã đánh giá lại tư-tưởng Marx về phương-pháp cách mạng đấu tranh giai-cấp, dùng hận thù giai-cấp đánh gục giai cấp tư sản, để xây-dựng thế-giới đại đồng với một xã-hội không còn giai-cấp bóc lột.!

Lénine, Staline, Mao rồi Hồ chí Minh, Kim Nhật Thành, Fidel Castro cho tới Pol Pot,... mỗi con người ấy, vị trí lãnh đạo, đã tùy tiện khai triển cách-mạng theo lời dạy của Marx. Qua những kinh nghiệm lịch sử ấy, cùng những di sản thảm khốc của nó để chỉ ra rằng ý-thức cách mạng đã sai từ gốc, nghĩa là từ Marx!.

Bởi cuộc cách-mạng này đã dựng lên cả một hệ thống chính-trị chuyên quyền, giam hãm, kìm kẹp con người. Hệ thống chính trị ấy lại còn bóc -lột giai

cấp lao động gấp bội phần so với sự bóc lột của giai cấp tư sản. Mà quyền lực chuyên chính không cho phép công nông phản đối sự bóc lột ấy...

\ Khỏi đầu, nhà tư-tưởng đã tung ra một học thuyết thật hấp dẫn, thật là cuốn hút nhân loại, nhất là thành phần lao-động nghèo khổ. Nhưng rồi học thuyết ấy, ý thức hệ ấy đã làm khổ con người, đã phản bội con người và đã không hề giải-phóng con người. Chính cái phần xây dựng mô hình thế giới đại đồng của Marx đã làm hỏng học thuyết ... Bước qua phần lý luận căn bản để xây dựng xã-hội mới bằng cách nêu mô hình thế giới đại đồng mà mọi người mơ ước, thì Marx đã lúng-túng trong biện-chứng. Vì cái mô-hình thế-giới đại đồng ấy là không có giai-cấp, không có bóc lột. Nó được coi là nền tảng của khái-niệm của ý-thức đấu tranh giai-cấp. Cái mô hình ấy thật ra là chưa hề thấy, chưa hề có ở đâu trong lịch sử. Nó chỉ là một ảo tưởng, một mong ước trong tương lai ! Đây là lối lý luận với nền tảng siêu hình, đúng là thứ biện-chứng của Hegel. Biện-chứng đó không có chút gì là Duy Vật sử quan nữa...

“Biến khái niệm, biến học thuyết đấu tranh giai cấp chống bóc lột thành ý-thức cách mạng, lấy hận thù giai cấp làm nền tảng phát động. Đây là một phát minh ý thức hệ vô cùng sắc bén và tinh vi! Bởi nó có sức bùng phát phi thường, khơi dậy tâm lý hận thù. Không cần lý luận sâu xa, chỉ nghe qua lý thuyết ấy, bất cứ người dân cùng khổ nào cũng tin như thế là đúng, như thế là sẽ thắng. sẽ là đại thắng!

“Với niềm tin tất thắng, ai cũng có thể tưởng tượng ra đủ thứ kết quả tốt đẹp... Để rồi cuồng tín đến độ sùng-bái ý-thức hệ ấy như là một thứ thánh kinh ‘đảng’ trở thành linh hồn của cách mạng, là ‘hội thánh’. lãnh-tụ là vị giáo hoàng ! Ý-thức-hệ ấy làm

cho con người sẵn sàng hy-sinh tất cả cho nó! vì nó!

“Thế nhưng cho đến nay, những ai đã từng sống cả cuộc đời trong sự vận hành cách mạng do Lenine phát-động, do Staline triệt-để khai-thác, do Mao hò hét vận-động. đều đã thấy rõ kết-quả tồi-tệ của một tổ-chức mang danh đảng của giai-cấp công nông. là một nhà nước chuyên-chính vô sản cầm quyền...

“Thực tại trong xã-hội chủ nghĩa vẫn còn giai cấp bóc lột. Đó là giai-cấp chuyên chính, chuyên quyền của đảng cộng sản cầm quyền! Lớp người vô sản vùng lên cướp đoạt chính quyền, đồng thời nó cũng đã cướp đoạt tài-sản của giai-cấp tư sản để tự nó trở thành một nhà nước tham lam sở hữu toàn bộ đất-đai, toàn bộ tư-liệu sản-xuất, nắm toàn bộ guồng máy quản-lý xã-hội, vừa nặng tính chuyên quyền, vừa toàn quyền lũng-đoạn kinh-tế!”

Triết gia Trần Đức Thảo, thời trẻ hoan-nghênh chủ nghĩa Karl Max bao nhiêu thì những năm cuối đời, ông đã bác chủ nghĩa Duy Vật một cách triệt-để.

“Nay tôi đã già rồi, gần đất xa trời mới có cơ-hội nói ra. Khổ thế đấy! Vì vậy mà quyền lực đã muốn bịt miệng tôi, đã xua đuổi tôi ra khỏi quê hương... Tôi đã chấp nhận ra đi, dù là vào lúc tuổi già, sức yếu, để có cơ-hội hét lớn cùng thế-giới rằng: **Thủ phạm gây ra đại bi kịch cho nhân loại, chính là Marx!**”

Trong thời kỳ III và IV, nếu Hồ Chí Minh thực sự là người tài, hiểu rõ thời thế, vận dụng thế cờ của thế-giới, có lòng trung kiên, gắn bó với dân tộc, thì đã không gây nhiều khổ đau cho đất nước, mà vẫn có thể tranh thủ cho Việt Nam được độc lập, không phải đổ máu...

Qua lịch sử Việt, trí thông minh, lòng dũng cảm của người Việt không thua một dân tộc nào trên thế giới, nhưng đem so sánh với dân Nhật ngày nay

, Nhật Bản thắng tiến, còn Việt thì thụt lùi! Phải chăng, nhiều thế kỷ qua, chúng ta đã lạc-lỡng về tinh thần dân tộc?

Các câu ngạn ngữ của tiền nhân đã cảnh giác điều vọng ngoại cho con cháu: *“chiền chiện nuôi tu hú”* hay *“mẹ gà con vịt”* hoặc

*“Mồ cha không khóc, khóc mả mối,
Mả mẹ không khóc, khóc bối bông bong”*

Tiếc hận thay, biết bao nhiêu người bôn ba, lao khổ, hy sinh tính mạng để lo giải cứu đất nước vì không vững tinh thần dân tộc nên đã *“hớp”* phải những tư tưởng ngoại lai, *“phi dân tộc”*, không những chẳng giúp gì cho dân mà còn gây nên nhiều tai ách cho quốc gia Việt!

Có yêu dân tộc mới có lòng tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, địa dư của dân tộc.

“Lịch sử là sự tiêu biểu toàn bộ ý chí sinh tồn và ý chí thực hiện của loài người.” Nói cách khác *“Lịch sử là chính trị đã qua”*, cho nên có học hiểu lịch sử mới đủ tư cách bàn về chính trị, mới thấu hiểu công lao của tiền nhân đã dày công xây dựng đất nước.

Có hiểu được những việc đã qua (lịch sử) mới lĩnh hội được những kinh nghiệm thương đau hầu vạch rõ cho đường hướng tương lai.

Xưa nay, *“Động lực sinh hoạt của loài người, diễn tiến của lịch sử dân tộc và nhân loại trong tương quan giữa người với thiên nhiên, giữa người với người là sự vận động hỗ tương giữa ba xu hướng: hướng tâm - hướng tha - hướng thượng của bản vị người qua nguyên lý tự kỷ - ỷ tha- hỗ tương vận động và kết hợp.”*

“Theo sử quan của DUY DÂN, y cứ trên kinh nghiệm tích-lũy của nhân loại, sự khảo sát về vũ trụ, ve

*lòai người nên cho rằng lịch-sử loài người có bốn thời kỳ: nhân đạo sơ khai, nhân đạo thành lập, nhận đạo tăng tiến và nhân đạo ổn định.”*¹

Cũng theo sử-quan Duy Dân: thời gian hiện tại chỉ là thời kỳ chuyển hình dưới áp lực của *“hướng tâm cách . mạng”* để hình thành một thế giới mới *“Quốc Tế Tập Đoàn An Toàn”* Quốc dân mỗi nước giác-ngộ nhân chủ mà tiến lên nắm giữ vận mệnh của nước mình, đó là khuynh-hướng *“Quốc dân dân-chủ chính trị”*.

Riêng nước Việt, toàn dân sẽ phản tỉnh. Bị tủi nhục đau thương dưới ách thống trị của đế quốc trắng cũng như đo, và nhất là *“thiên triều chủ nghĩa”* của Hán tộc, toàn dân thể nghiệm minh xác con đường đi đúng là *“Cách Mạng Tôn Chủng”*, và người dân Việt chỉ còn tìm thấy tin cậy ở chính mình, ở sức mạnh vô địch của toàn dân, ở chủ lực cách mạng đầy tầng là đại đa số dân chúng, là sức gốc, mặt trận gốc.

*

1- *Quy luật về vận động và kết hợp là quy luật tự nhiên ở trong vũ trụ. Do “vận động và kết hợp hỗ tương nguyên nhân”, vận động để đi đến kết hợp, kết hợp sẽ đi đến bản vị mới, hỗ tương tức là bản vị hình thành. Quy luật “hỗ tương nguyên nhân” chính là nguồn gốc của Đạo (Đạo Kỷ) khi đạo vận động.*

Mỗi bản vị khi vận động sẽ phát sinh ra một sức quy tâm và một sức ly tâm để tạo nên một quân hành trạng thái. Đối với trái đất, sức quy tâm là sức hút và sức ly tâm là sức đẩy của trái đất. Ở con người, sức quy tâm là sự hướng tâm (hướng về mình), sức ly tâm là sự hướng tha (hướng về người khác). Các sức hướng tâm và hướng tha vận động phát sinh cùng một lúc để phát triển, đồng thời tạo ra sức vươn lên của con người (vận động hướng thượng).

(Thái Phụng, *“Tìm Hiểu Chủ Nghĩa Duy Dân”*, Bản thảo 1990.)

Vấn-đề Đảng phái

Mỗi khi xã-hội hay quốc-gia lâm biến hoặc có biến cố lớn-lao ảnh-hưởng đến vận-mệnh dân-tộc, thường nảy sinh những nhân-tài, tổ-chức, đảng phái đứng lên đấu tranh và mỗi người, mỗi nhóm có mục-đích và hình thức khác nhau:.

1- Tư đảng

Là nhóm người đi theo một vị lãnh-tụ, đấu tranh chỉ vì danh vọng, quyền lợi trước mắt. Họ lợi dụng tình thế tranh tối tranh sáng, **không một chính-sách, không một chủ-trương**, hay nếu có cũng không có gì rõ-rệt. đúng-dẫn, thiết thực.!

2- Công-cụ đảng

Nhóm người này chỉ theo chủ-nghĩa của người ngoài đề-xướng ra, bị mê-hoặc vì cái choáng lộn của lý-thuyết, có lẽ chỉ hợp với điều-kiện địa-dư hay thời-đại nơi khác, nhưng lại rất sai lạc nếu thực-hiện trên đất đai nòi giống mình. Họ ít suy nghĩ, kém sáng kiến, cấp công cận lợi, dựa vào thế-lực, văn-hóa người ngoài, hòng làm lu mờ dân-tộc, mà thu-hút đem vào làm thế-lực cho mình. Thành ra cái tác-dụng vì dân-tộc mà làm chửa thấy đâu, mà thấy đảng của họ lập nên, **làm tay-sai cho ngoại xâm, thành một đồ dùng đắc lực, một khí-cụ sắc-sảo để lũng-đoạn dân-tộc mình.**

3. Công đảng

Cho nên, một đảng phái phải có ý-nghĩa thâm sâu, là **một công-cụ, là một tổ chức theo một kế-hoạch có dự-định đầy-đủ trước sau để làm việc, để thực-hiện mục-đích tối cao của nòi giống.** Nếu đi đúng với điều mong muốn của quần chúng, dân-tộc, trước xoay chuyển của thời-đại và lịch-sử, nếu

xét rõ được con đường đi có bước tiến chắc-chắn và tương-lai cho nòi giống thì gọi là công đảng.

Công đảng là đảng của toàn dân, của dân-tộc. Công đảng như thế không còn là một nhóm nào nữa. Nó **đứng trên các đảng phái khác.** Nó **không có sự phân biệt** đảng này, đảng nọ.

Công đảng như thế thành ra vô đảng. mà có vô đảng mới thực-hiện được **cách mạng gốc, thực-hiện được sự đổi đời từ dưới đáy tầng mà đi lên trên mặt iàng toàn-thế.**

Chủ-trương

Đứng trước thời-đại và tình-thế biến chuyển, mỗi đảng phái, mỗi nhóm người có một thái-độ riêng, một chủ-trương khác, tùy theo tính-cách với sự nhìn nhận đối với bốn phận phải gánh vác, hay đối với lợi ích công việc, ta có thể phân ra 5 chủ-trương như sau:

1- Phi cách-mạng

Có những người trước sự thôi-thúc của tình-thế, hoặc vì bông-bột sôi-nổi, hay có tà ý lợi-dụng, vội **hướng về ngoại lực, tìm phương cứu vãn.** Họ mong có một thế-lực để tuyên-truyền với dân chúng, những thực tế chỉ là theo đuôi ngoại bang chẳng phải là cách mạng phục-vì dân-tộc.

Thực ra họ chỉ **cốt mê-hoặc lòng dân**, lợi-dụng lúc còn đang yếu-ớt, đau nhức, u mê của dân chúng, **chăm-chú đến việc nắm chính quyền.** Chủ-trương như thế không thay đổi được gì cho đời sống dân-tộc.

Đó không phải là một chủ-trương cách-mạng, chỉ gọi được là một chủ-trương **phi cách-mạng.**

2- Phản cách-mạng

Những người chủ-trương như thế, nếu họ đi quá hơn nữa sẽ làm tay-sai cho ngoại quốc một cách vô-

.tình, hoặc thực tâm. Có bọn không còn nói gì đến dân-tộc, **dựa hẳn vào ngoại xâm mà dẫn đường chỉ lối cho địch nhân** trong đất đai dân tộc mình. Đó là chủ-trưởng **Việt-gian phản cách-mạng**

3- Bất cách-mạng

Có những người trông thấy sự hỗn-độn lắt-léo của những việc xảy ra, tự lấy làm ngại-ngùng, hay đã từng gặp nhiều thất-bại, những nỗi éo-le chua cay của công việc, hóa ra nản chí. Họ không dám có một ý chí cách-mạng. Họ chủ-trưởng **trung lập**. những thái-độ đứng trước trách-nhiệm phải làm, cần làm, chỉ là thái-độ ươn-hèn, cầu-thả, cam chịu làm nô-lệ. Đó là chủ-trưởng **bất cách-mạng**.

4- Lợi-dụng cách-mạng

Có thứ người lợi-dụng tình-thế xoay như chong-chóng, theo thời, **gió chiều nào ngả chiều ấy**, chỉ cốt sao cho an thân sung-sướng, không lúc nào bị những tai-vạ đáng lo, chỗ nào cũng có thể dễ chui dễ lọt. Chủ-trưởng như thế là **lợi-dụng cách-mạng**.

5- Chân-chính cách-mạng

Nhưng còn chủ-trưởng ăn khớp với những điều cần-thiết của dân-chúng, theo đúng lộ-tuyến và lập-trường của nòi giống, phục-vụ hẳn cho dân-tộc. Chủ-trưởng **trong mọi hành động, mỗi tuyên ngôn. mỗi cách định thành kế hoạch, đều biết chịu trách nhiệm với lịch-sử**. Như thế là biết lo biết liệu, biết rõ bước đã đi, bước sắp đi tới và cầu tiến của **dân-tộc** và **nhân-loại**. Chủ-trưởng đó chắc-chắn sẽ mang lại một cuộc đổi đời cho toàn dân. Chủ-trưởng đó là **chân-chính cách-mạng**.

Đường lối

1- Một chủ-nghĩa lập-trường nghiêm-ngặt Việt.

Một chủ-nghĩa nghiêm-ngặt Việt muốn tranh-đấu lấy độc-lập và sống còn cho nòi Giống Việt mãi-mãi, **phải đứng trên lập-trường nghiêm-ngặt Việt, hoàn-toàn tìm nền-tảng và điều-kiện trên đời sống của toàn dân Việt**. Mỗi bước đi, mỗi bước nhìn, làm cho tới thành-công, **đều vì nòi giống Việt mà hoạch-định, xếp đặt và tiến tới**.



Tinh tử
Nước -Non

*Yêu thương là
huyết tinh của loài người ?*

Nhân Ái Hoa

Trong “Sử Hồn”, nhà tư-tưởng Việt, Lý Đông A đã viết: “Tất cả những tài-năng đạo-đức chỉ là hương thơm của đóa hoa “Nhân Ái” nở mãi không tàn. Nhân ái một khi được sáng-suốt viễn kiến, chế-độ hóa, thực-tiễn hóa, quy-cử hóa mới chân-thực là nhân ái, có thực-hiện thực thể cho loài người và vũ-trụ. Đóa hoa nhân ái là cả một kiến-trúc lũy-lừng của lý-tưởng, cái lý-tưởng lập thể của nhân-loại. Đóa hoa nhân ái thấm vào thấu suốt mỗi sinh-mệnh làm những tiếng gọi sử mệnh, tiếng gọi vô thanh, vô hình. Chỉ có hương thơm, hương thơm của nhân ái. Nhân ái mà cũng bị bài-xích, bị lợi-dụng, bị chiêu-bài, bị đầu-cơ, thôi hết cả! Mà đến thế, trời đất mà đến thế! Ai là những người kỳ ưu thiện ý?”

Đóa ái hoa còn là đóa trí tuệ hoa. Bây giờ ta mới chân thực hiểu thế nào là sinh tri. Sinh tri chẳng phải là nghiêm-ngặt và ấu-trĩ để ra đã biết, biết từ mới để. Sinh tri là trí tuệ tự sinh, sinh ngay bằng sự bừng nở của trí tuệ. Chữ giác-ngộ của Phật cũng một ý ấy. Tịch chiếu, hội quan, quán thông, quán tưởng, trầm tưởng, mặc khải, đều là những thuộc từ của sự sinh, sự tri. . . Phải có một sinh-mệnh dần-dụa nhựa sống, đầy đầy ánh sáng của xuân tình mới nảy-nở ra cái cơ sinh tri đó được.

Đóa “Ái Hoa” còn là đóa ngữ hoa, giải ngữ hoa, giải hoa ngữ, ngữ giải hoa, hoa với ngữ như sát chặt với nhau trên sự thắng-hoa tuyết-diệu và tốt bậc của vóc tinh-thần thiết diện, linh-thiên ở những lời hùng-hồn của từ-bi hay của nhân ái hoa là tri âm hoa với tri âm ngữ, cái tinh-kết của sinh-mệnh đời-đời, khúc nhạc của vận-động thuở-thuở.

“Vườn xuân của nhân-ái hoa nở đầy lý-tưởng hoa: xuân thu hoa, ái hoa, tri âm hoa, trí tuệ hoa. Tiếng đồn

dậy: tri âm ngữ, đồng chí ngữ, ái ngữ, lý tưởng ngữ, vong quốc hoa (Nam thi) phải là nhịp uyển quỳnh, đủ cả tình tang của muôn tiếng...

“Dân tộc Do Thái đã được lãnh-đạo trong các cuộc cách-mạng dân-tộc, cách-mạng chính-trị, cách mạng Câu Rút là siêu thanh của 89 và 17. Sự thờ phụng đáng tối cao và lý trí trước bàn thờ Tổ Quốc đã cảm chiêu nên lá cờ ba sắc. . .”

“Chỉ có sự vất-vả bằng độc lực với tinh-thần mạo-hiểm và sáng-tạo khi tự mình mới thể-nghiệm thấm-thía được biểu hiện quyền sống còn, độc-lập, và tư cách sống còn, chính nghĩa thật đúng-đắn...

“Một văn-minh mới như đoá hoa tươi tốt và to tát sẽ nở bùng ra. Ví như thể nước Mỹ trải qua một thời nòi giống xâm-lược, máu và nước mắt, xấu ác hôi tanh ở trên mồ đóng đã nở ra đoá hoa tháng năm. Đóa hoa Tháng Năm đó đã sum-sê, phủ kín cái mồ đóng tội ác lịch-sử kia. Đóa hoa ấy bón tưới bằng những chất tố lịch sử của mồ đóng đó.

“Tội ác của thực-dân phải đền bù bằng một sự hối hận thâm kín nơi đáy lòng. Có khi người ta phải tự trừng phạt mình cho khỏi lớn-vồn cái hình bóng tối-tăm của tội ác cứ lớn-vồn mãi trong hồn. Đó là trường hợp của 1865, Nam - Bắc chiến tranh cho cái lý-tưởng cởi mở dân-tộc da đen.

“Cuộc chiến-tranh ấy phải là thần thánh chiến tranh, thuần vì lòng yêu thương, và nghĩa công đạo. Cuộc ấy phải là vị tha chiến-tranh, không tư lợi và không vị kỷ. . . Như còn muốn có chiến-tranh phải ca tụng những cuộc chiến-tranh thần thánh vị tha như thế. . .

“Thần thánh là đại-biểu của lý-tưởng, là hình tượng cao-cả, cao-cả tuyệt đối, thật là lành và đẹp.

Phải coi tự mình là một vật mình phải thờ phụng, và nâng lên thật lành và đẹp, đối với người cũng như thế. Nhưng mà lý-tưởng đó vào đời phải trải qua đấu tranh, sự đấu tranh phải thắng cả tự mình với tất cả những ác thế-lực nữa. Sự đấu tranh đó nổ bùng bằng sự phá vỡ ngục Bastille, kiến-trúc của Phong kiến, chuyên-chế, bất đạo đức, bất bình đẳng. Bastille là tượng-trưng của tội ác. Phá vỡ Bastille là làm thức-tỉnh toàn thể dân Pháp với tất cả gậy gộc, xẻng, cày ra hoàn thành trận Valmy đuổi hết xâm-lăng..

“Có những tấm lòng thuần nhân ái to rộng và lớn-lao, nồng-nàn và chân-thật, cũng không phải là lối từ thiện, cũng không thể đem mua bán ngoài chợ được, ví như khó mà tả cho ra, vì đó là biểu-hiện của Phạn (Brahma), không bờ, không bến, cùng trước, cùng sau, Phạn từ bi và hỷ xả. Cho nên Gandhi là Mahatma, là Thánh Hùng, kỳ nhân đời nay, như Messie của Ấn Độ...”

“Lịch sử phải nối-tiếp nhau liên-tục bằng những nút người thuế biến như thế.

“Gandhi dùng thủ-đoạn hòa-bình và tiêu-cực, bất hợp-tác (1925), bất bạo-động (1939). Tự xả và tuyệt thực là vũ khí chính-trị của ông, “Tự cấp” và “tự tạo” là công-cụ kinh-tế của ông, quân địch thù là tính hiếu chiến ở trong lòng ông và nòi giống ông. Trong Gandhi, mục-đích cho hết thủ-đoạn, thủ-đoạn ấy phải là mục-đích nhân ái trùm hết chính-trị, tinh-thần trùm hết lịch-sử và lý-tưởng Brahma trùm hết tương-lai...”

“Chỉ có nan hành khổ hạnh mới có thể cứu sống được đời. Chỉ có trở về đời sống dân chúng mới có thể phục-hưng được dân-tộc. Chỉ có lòng nhân ái vô biên mới có thể an ủi và tế độ được hết chúng sinh...”

“Xưa nay, người ta chỉ biết ca-tụng bài “Chính khí Ca” của Văn Thiên Tường là thứ chính-khí của Tàu.

Còn cái chính-khí của dân-tộc mình thì mặc kệ nó, vẫn mênh-mông cuộn-cuộn lan-tràn trong trời đất, rừng-rực sáng trong mặt trời, trong trăng sao vắng-vặc, và ấm-áp ngưng đọng trong lòng sông núi cỏ hoa; người mình thường mắc bệnh vọng ngoại! Hôm nay đọc bài “Chính Khí Việt” của tác giả Thái Dịch viết, mới sực tỉnh, khơi dậy được tâm hồn, hâm nóng bầu nhiệt huyết, nhờ đó mà nhận ra được chính mình.

“Ngòi bút của tác-giả vụt bày ra chín luồng hơi mạnh làm mờ-mịt ánh sáng của nhật nguyệt tinh-thần. Hơi mạnh qua bàn tay vỗ án làm rung-động đất trời. Thét lên những tiếng sấm động sét vang.

Khuấy lên những anh khí từ đáy sông hang núi, từ ngọn cỏ lá cây, từ muôn ngàn đời những anh hồn không sống chết, phổ nhập vào để thét vang lên lời ca chính khí. Đó là chính khí Việt từ năm ngàn năm trong mạch sống chan chứa, nhưng chưa từng ai nhìn thấy nói lên một cách hùng hồn như khóc như tố, như ghen-ngào, như uất-hận, như quật dậy hồn phục-hưng và khua lên loang-loáng hồn thép của thanh gươm Vạn Thắng.”

(Mãn Cầu, Bản thảo “Chú thích Đạo Trường Ngâm”, 2003)

Hoa Bát Tử

Tráng sĩ hãy ngâm câu:

“Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?”

Cũng bởi vì

Lòng quyết tử tiến lên đường gió bụi,
Hai bàn tay thề phục lại sơn hà.

Thái Bình Dương lấp bằng nguồn tử nhục
Lấy máu đào rửa sạch máu yêu ma.

Thế cho nên

Tráng sĩ hãy cùng ta, tay cầm tay
Thu năm hồ đúc lại một hồ say

Đêm xuân đầu với rượu nồng, pháo nổ,
Hãy vui đi cho đỡ buồn xa Đất Tổ
Rồi ngày mai, từ ngày mai
Lý tưởng Việt như trời xuân sáng tỏ
Chép sử Việt, ánh sương phơi màu đỏ
Tráng sĩ cầm thanh gươm của Ông, Cha
Phần hồn xưa, giết giặc đòi lại nhà

Tráng sĩ hãy tiến lên
Những xâm lược, bóc lột hại sinh linh
Những buôn dân bán nước cầu tư vinh
Hãy giết sạch chó gờm tay sợ ác
Cho trong trắng nòi con Hồng cháu Lạc.

Rồi ngày mai
Rồi ngày mai thắng nghĩa tiếng ca
Sẽ vang lừng đây đó quốc-gia
Và tráng sĩ lại cùng ta cùng hát
Câu “Sát Thát”, “Bình Ngô” của ông, cha.

Từ thuở nọ
“Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm Hồ Hàm Tử quan.”
Súng nổ ran!
Pháo nổ ran!
Cùng hân hoan!

(1942) Lý Đông A.

“Phải đối phó với một kẻ thù sát nách, vừa đông vừa mạnh gấp nhiều lần, chúng luôn-luôn nhòm nhó đất Việt chúng ta như hổ đói rình mồi. Các triều đại xưa kia chỉ cần thiếu cảnh-giác đôi chút là có thể tạo cơ-hội cho chúng thừa cơ xâm-lược.

“Trong lịch-sử kháng-chiến của dân-tộc ta, không thiếu gì những trận đánh làm cho quân giặc “thất điên bát đảo” vào những buổi “Sát Thát”, Bình Ngô,

dẹp Thanh, Phá Tống do những tướng tài dưới sự lãnh-đạo của các vị anh-hùng như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v...

“Quá trình lịch-sử Việt đã cho thấy: suốt một ngàn năm bị Tàu đô-hộ, với chính-sách cai-trị tàn bạo, tiêu hủy đền-đài di-tích lịch-sử, cộng thêm ý đồ thâm độc, chủ-trương Hán hóa. Để được tự-do và có chủ quyền cho vận mệnh mình, và cho dân-tộc. Không đổ máu, tuyệt không xoay chuyển được thời-đại. Cuộc đấu tranh sống còn của dân Việt với nòi Hán được thể-hiện rõ trong sáu chữ: “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt”. Người dân Việt ý-thức được và bảo nhau cứ đi ngang qua cột đồng của Mã Viện thấy một cục đá dưới chân đồng trụ thì không thể nào diệt được dân Việt, nó càng thể-hiện lòng yêu nước thương nòi của dân-tộc Việt. Lịch-sử Việt đã chịu biết bao vinh nhục để dân-tộc được sống còn. Nhờ tinh-thần dân-tộc và lòng quyết tâm sắt đá được un-đúc. Tinh-thần này đã bắt rễ trong tim óc, trong tâm-hồn và ý-chí của tổ tiên chúng ta, và tất cả con dân nước Việt chỉ vì không muốn trở thành dân Tàu.

Chúng ta có thể tự hào và hãnh-diện rằng: Chưa có dân-tộc nào đau khổ và nổi bật hơn lịch-sử dân Việt về sức mạnh chiến-đấu cho nền độc-lập tự chủ của mình. Một ngàn năm bị Tàu đô-hộ là một ngàn năm tranh đấu sống còn cho dân-tộc. Dân Việt vẫn bảo-tồn được gia-tài văn-hóa, ngôn-ngữ, và truyền-thống bất-khuất của Tổ Tiên. Việt vẫn là Việt, Hán vẫn là Hán, điều đã làm cho nhiều sử-gia cũng như những nhà nghiên-cứu cổ học, sử học trên thế giới phải ngạc-nhiên, và cho đó là phép lạ không thể nào giải-thích được.

*

* *Quơm Thiêng Ai Quốc Hoa*

Lấy lưỡi gươm biểu tượng cho tinh-thần dân-tộc, đó là thanh gươm có giá-trị về mọi mặt: Thể và dụng, hình-thức cũng như nội-dung, tất xứng-đáng làm tiêu biểu cho một dân-tộc.

Nguồn-gốc phát-sinh ra lưỡi gươm Việt: Thép Văn lang, lò Viêm Hồng là yếu-tố chủ-quan nung-đúc nên; được búa Lôi Truy, búa tâm xét nhà trời là yếu-tố tự-nhiên vũ-trụ khách-quan rèn giữa, dải dầu qua thời gian trải bao cuộc biến thiên dâu bể, được tưới dội thấm nhuần những tinh-hoa của núi sông. Ngần ấy yếu tố tổng-hợp lại trở thành lưỡi gươm sắc bén, tài năng, kỳ-diệu và uy-linh.

Theo huyền thoại, có ba loại kiếm:

-Bảo kiếm là những thanh gươm do tiên trao. Thần gửi vào tay những bậc anh-hùng cái thế, với một sứ mệnh thiêng-liêng là dùng nó để trở tài trí thánh hành vương mà cứu nước giữ nòi, dẹp tan loài cường-bạo ngoại xâm, giữ vững giang-sơn, dựng nền hòa-bình thịnh-vượng. Như thuở Vạn Kiếp tiên trao, mà người được ủy-thác là đức Trần Hưng Đạo, người đã vùng lưỡi bảo kiếm oanh-liệt rít gió gào mưa, tảo thanh quân Nguyên xâm-lược.

Cũng như ngày Lục Niên, gươm thần hiện ra nơi đồng nội để gửi vào tay người anh-hùng Lê Lợi. Ánh thép được vùng lên sáng ngời chính nghĩa, thét lên những trận quang vinh, nêu cao cờ Bình Ngô đại cáo.

- Đến như những khí kiếm là những lưỡi gươm có sức bén nhọn bằng khí tiết của lòng trung trực, khảng khái, kiên-cường bất-khuất của những bậc anh-hùng, lấy hùng khí áp-đảo quân gian, làm quỉ khốc thần kinh như Trần Bình Trọng nhơn-nhơn một mực, cũng như Lê Lai ngật-ngật xung chìn lần gươm giáo quyết chết vì dân-tộc.

“- Lưỡi tuệ kiếm: Bằng sức óc sáng-tác, chỉ dùng

một lời thơ đầy lui hàng vạn quân xâm-lược thế như hổ đói rình mồi. Những lời-lẽ trong bài “Bình Phú” của Giáp Hải thật xứng-đáng là một lời nói “hưng bang”. Cũng như lời văn “Phiến Minh” của Mạc Đĩnh Chi, có sức mạnh ghê-gớm như tuyết lửa thổi chập thành; hết làm tê-buốt lòng người bằng lời tuyết phủ trời đông, đến lượt làm toát mồ-hôi, ngạt hơi thở của đối phương bằng ánh lửa nóng trời hè chảy đá tan vàng. Còn làm rạng-rỡ nét vàng son trong trang sử ngoại giao. Kiếm gồm có ba loại: Bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm đã vùng lên, mở ra từng khoảng thời-gian oanh liệt, ly-kỳ và rực-rỡ lịch-sử Việt. Nét vàng son còn tươi thắm mãi muôn đời. Đó là những lưỡi gươm Việt phối-phối hồn ông cha. Là lý-tưởng Việt luôn-luôn ấp-ủ trong tâm-hồn tráng-sĩ Việt, những con người đường-đường mang chí đội trời đạp sóng một cách hiên-ngang.

“Dĩ vãng oanh-liệt là nhưỡng ấy; Hiện tại phải nên như thế nào? Còn tương lai? . . . Hãy nghe lời hiệu triệu: “Hỡi con nhà Lạc Âu giống trăm Việt! Hãy đứng dậy vùng gươm khoa nửa triệt” xông vào trong mặt trận “Quy Long” làm nổi mây mù, sấm sét, gió mưa ran. Cho cả vũ-trụ hết vang lên lời ca “Kỳ Tuyệt”.

(Quy : Rùa là con vật đứng hàng ba trong tứ linh: long, ly, quy, phụng).

* Rùa có lưng tròn tượng trời, bốn chân tượng đất, móng rùa là tinh hoa của đạo trời đất.

* Trong cách mạng, rùa biểu-tượng cho phần xây-dựng (kiến-thiết).

* Lưng rùa phát ra nguyên-lý của Lạc thư, là phần diệu dụng của Hà đồ. Có 9 phạm-trù, triển-khai ra Hồng Phạm (phép lớn), sách-lược lớn về đạo xây dựng.

Thần Rùa (Thần Kim Quy) giúp An Dương vương xây-dựng sách-lược phòng-thủ

* Tóm lại: Biểu-tượng, lý thuyết kiến quốc. Sách-lược thủ quốc, văn trị. Xuất thế: “Ra không huyền ảo biến”

đặc-tính âm.

Long: Rõng, đứng hàng đầu trong tứ linh.

* Long mã mang Hà-đồ (nguyên lý về bản thể của đạo trời đất)

* Rõng biểu tượng sức mạnh phá-hoại, là cách mạng bằng võ công đường lối:

“Nói chung: Quy Long trận là một trận lý-tưởng, là cách-mạng đại quy-mô gồm đả-phá đi đôi với kiến-thiết.

(Mẫn Cầu, Bản thảo “Chú thích Đạo Trường Ngâm”, 2003)

* *Đóa Hoa Kính Mẹ:*

Tình thương yêu trong gia đình

“Tôi mồ côi cha lúc còn trong bụng mẹ. Từ khi khóc oe-oe chào đời cho đến ngày khôn lớn. Tôi sống trong tình thương của mẹ. Nghĩa mẹ mang nặng đẻ đau. Nghĩa mẹ nuôi con nên người. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Và nghĩa mẹ là tất cả của đời tôi.

“Những gia đình không có cha thường nghèo khó. Như thế, có nghĩa tôi đã hiểu thế nào là thiếu thốn eo hẹp. Và tôi càng thương mẹ khi người tần-tảo nuôi chị em tôi. Tôi vẫn còn nhớ cái xóm nghèo trong hẻm Nguyễn Huỳnh Đức, Gia Định. Cái xóm lụp-xụp những mái nhà tôn, rác-rủi, sinh lầy. Nhưng chẳng bao giờ tôi ân-hận, tôi ra đời nhằm ngôi sao xấu. Bởi vì tôi còn có mẹ, có chị.

“Theo lời mẹ kể, bố tôi khi còn sống, người ao ước có đứa con trai. Nhà một trai, một gái thế mới vui. Mãi đến khi chị tôi ba tuổi thì mẹ tôi mới mang thai tôi. Nhưng bố chẳng được bế, bảo-bọc, và hướng dẫn tôi khi chào đời. Đáng tiếc thế nào mà nói!

“Bố tôi nghề lính, mất khi thi-hành công vụ. Tiền

tử tuất của bố không đủ nuôi mẹ con tôi. Vốn liếng của mẹ thì ít. Mãi người mới xoay sở làm nghề bán bánh mì đầu xóm. Từ sáng sớm tinh sương cho đến khuya, mẹ đầu tắt mặt tối kiếm miếng ăn cho gia đình. “Hàng bánh mì của mẹ chẳng đẹp gì cho lắm. Chỉ là cái xe nhỏ. Bốn cạnh phủ bằng bốn mảnh ván gỗ. Khi mẹ mở cửa hàng, mẹ chống bốn cạnh lên. Bên trong ba cạnh là mặt kiếng. Nhìn bên ngoài vào, những khoanh thịt ba chỉ, cuộn tròn bằng giấy lạt đỏ ươm. Vài đĩa xiu mại viên tròn-tròn. Bên cạnh tô nước sốt, hũ đồ chua cà-rốt, củ cải. Những trái cà chua mọng đỏ, những cọng hành xanh mơn-mởn, những quả ớt thoáng nhìn đã thấy cay dầu lưỡi.

“Mỗi khi mẹ bán hàng, mẹ lấy miếng bánh mì thơm ròn, hâm nóng từ lò than hồng đặt gần bên dưới. Mẹ xẻ giữa ra. Ruột bánh mì trắng phau, bốc khói mờ-mờ. Thịt ba chỉ xắt mỏng sắp đều trong ruột bánh. Những miếng thịt ngô-nghĩnh hấp-dẫn có sợi bì đỏ đỏ, xen lẫn viên mỡ, viên thịt ngà-ngà. Chưa ăn đã thèm nhỏ rãi. Mẹ rưới tị nước sốt, chưa nếm đã biết ngọt từ vị thịt. Tị đồ chua tăng phần tê-tê vị giác. Nếu khách hàng thích, mẹ bỏ thêm tị ớt. Ăn ngon làm sao!

“Tuy mẹ bán hàng đấy, nhưng mẹ chẳng bao giờ dám ăn cả, sợ lỗ vốn. Cùng lắm người chỉ ngậm miếng bánh mì không, rưới chút nước sốt cầm lòng. Chị em tôi còn bé quá, sao biết được điều ấy. Mỗi sớm khi đi học và những lúc bụng đói, chị em tôi thường vòi mẹ làm cho khúc bánh mì đặc biệt. Đặc biệt có nghĩa là nhiều thịt, nhiều nước sốt, nhiều đồ chua và cả nhiều tình mẹ. Mẹ chẳng bao giờ tiếc cả.

“Lớn lên chút nữa, chị em tôi bắt đầu biết giúp đỡ mẹ. Khi tan học về, gia đình tôi ăn trưa bằng bánh mì. Sau bữa ăn trưa chị em tôi trông cửa hàng cho mẹ. Mẹ đi chợ mua sắm thức ăn. Đi chợ ban trưa bao giờ cũng rẻ hơn. Chiều chiều học bài xong. Chị em tôi cùng

nhau nấu cơm. Nấu xong, tôi ra mời mẹ về. Bữa cơm chiều đủ cả ba mẹ con, vui biết mấy. Mâm cơm chẳng có gì, thường là rau muống hoặc rau cải luộc vắt chút chanh, đậu hũ chiên. Hôm nào sang, có thêm vài con cá hay thịt kho. Nấu cũng chẳng khó. Con nhà nghèo hay có tài vật.

“Mẹ thường ăn rất chậm. Người ưa ăn cơm với muối vừng hơn là thức ăn. Người tấm-tắc khen thế ngon chán, và nhường cả cho chị em tôi phần đậu, phần thịt. Sau học sách giáo khoa thư, chị em tôi mới biết thế nào là “ăn trông nồi, ngồi trông hướng”. Chị em tôi bắt chước mẹ, tập tành ăn cơm muối vừng, nhường phần ăn cho mẹ, nhưng mẹ bao năm trời đã thành thói quen. Người bắt chúng tôi ăn nhiều cơm, nhiều thức ăn. Người mong chúng tôi chóng lớn, có sức học.

“Ngày tôi lên mười, mẹ mua cho tôi cái xe đạp cũ. Yên sau có hai cái rọ. Sáng sớm trời tờ-mờ, tôi thức dậy trong khi mẹ tôi lúi húi dọn hàng ra đầu ngõ. Tôi đạp xe ra hàng bánh mì. Mẹ giao cho tôi việc ấy, tôi hãnh diện lắm. Bánh mì mới từ lò ra, nóng bỏng tay, phủ miếng vải bố lên giữ cho ấm hơi. Từ thứ hai đến chủ nhật, ngày ngày tôi lãnh bánh mì về cho mẹ. Mỗi lần tôi ngừng xe, chất bánh mì xuống hàng cho mẹ, bao giờ mẹ cũng xoa đầu tôi cười khen con của mẹ ngoan.

“Biết phận con nhà nghèo, chị tôi ham học. Mẹ dạy chỉ có học, đỗ đạt cao mới khỏi kiếp nghèo. Nên chị em tôi quý từng giọt mực, quý từng trang sách vở, nắn nót từng chữ viết. Khi tập viết, chị tôi thích ngồi bút lá tre. Nét viết mong-mỏng nhẹ tay hợp với con gái. Tôi thích ngồi bút lá bầu, hoặc ngồi bút hình con thoi. Nét viết mạnh hơn, hợp tính con trai.

“Cuối tháng, mỗi lần lãnh bảng danh dự đầu lớp, tâm hồn chị em tôi như mở hội, tung-tăng về khoe với

mẹ. Mẹ cười dịu-dàng ôm chúng tôi vào lòng. Cho bố những lúc mẹ thức khuya dạy sớm. Chắc hẳn mẹ quên đi tất cả những nhọc-nhần. Niềm vui độc nhất của mẹ tôi đấy.

“Có bạn trong lớp, có đứa theo ghẹo tôi mãi. Tôi ghét nó lắm. Ra về tôi rủ nó đánh tay đôi. Trưa đó, mặt mũi tôi lấm lem, áo quần rách bươm. Mẹ vừa thấy tôi về, trong người đang mệt, mẹ bực mình cho tôi mấy cái roi vào mông, rồi bắt tôi quỳ úp mặt vào tường. Khi nguôi giận, mẹ tôi bắt tôi đứng khoanh tay nghe người khuyên nhủ, phải tập nhường-nhịn...

“Tết đến, túng thiếu đến mấy, bao giờ mẹ cũng rán dành dụm chút tiền may quần áo mới cho chị em chúng tôi. Một hai bó giò lụa, vài con gà, sửa soạn những món ăn ngon dầu năm, để cho đúng câu:

Thịt mỡ dưa hành, câu đối đỏ,
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

“Mẹ tôi muối vài hũ dưa hành. Nấu một nồi bánh chưng, gói trong lá giong. Đặc biệt không bao giờ mẹ thiếu nồi thịt kho. Mẹ kể đó là món ăn bố thích nhất trong ngày tết. Mẹ cắt những miếng gừng nhỏ cỡ ngón tay út. Một miếng thịt mỡ ba chỉ quăn quanh miếng gừng. Bên ngoài cùng thêm một lớp thịt bò. Mẹ dùng chỉ quăn lại cho chắc. Rải dưới đáy nồi một lớp mía. Mẹ cho thịt vào kho mặn. Ăn thịt kho với bánh chưng. Vị thịt beo-béo, gây gây mùi gừng cay, ngon ngọt vị thịt bò. Chị em tôi vừa ăn vừa khen lấy khen để, cho bố tôi là người sành ăn.

“Niềm vui sướng nhất của chị em tôi. Mẹ nghỉ ba ngày tết, ở nhà với chúng tôi. Sớm mừng một tết, chị em tôi háo-hức dậy. Mẹ đã để sẵn bộ quần áo mới đầu giường. Ngày chị em tôi còn bé bỏng, mẹ thường mặc cho chúng tôi mỗi người một bộ quần áo mới. Mãi những

năm về sau như trở thành lệ, tôi luôn đem chiếc áo của tôi nhờ mẹ mặc cho ngày đầu năm.

“Sau đó, mẹ đưa chị em tôi ra bàn thờ bố cúng vái tưởng niệm. Nhớ đến bố, nước mắt mẹ rưng-rưng. Sau cùng nghe mẹ kể chuyện bố... Thời ông Diệm hay có những tranh ảnh triển lãm chống cộng. Bố được đặc-cách đứng canh trước phòng triển lãm. Lần cuối cùng, một trái lựu đạn của phe bên kia tung vào phá rối. Dân chúng xem triển lãm đông như hội. Bố ôm trái lựu đạn vào lòng. Bố chết, bỏ mẹ, chị em tôi bơ-vơ. Tâm-hồn bố cao-thượng, đẹp như hoa hướng dương, nên đời mẹ đơn chiếc, chị em tôi lạc-loài. Nhắc đến bố, chị em tôi đứng thẳng người hãnh-diện.

“Lễ bố xong, mẹ đốt phong pháo trước nhà mừng năm mới. Mẹ lì-xì nhả nhủ chị em tôi năm mới ngoan-ngoãn, học hành tấn tới không phụ lòng mẹ. Chị em tôi khoanh tay cảm ơn mẹ. Có tiền, chị em tôi xin phép mẹ đi xi-nê. Mẹ không thích đi xem. Mẹ ở nhà nấu ăn, hoặc đi thăm họ hàng...

“Hết tết, đếm lại tiền lì-xì họ hàng cho. Chị em tôi thăm bảo nhau nhiều tiền lắm chẳng làm gì, đưa mẹ giữ hết. Nuôi chị em ăn học. Giao tiền cho mẹ, chị em tôi nuôi hy vọng mẹ năm mới buôn bán phát tài mua cho chúng tôi đủ thứ.

“Nào lá máy truyền hình cho chị em tôi xem chương-trình “Đố Vui Để Học”. Cho mẹ xem những tuồng cải-lương do Bạch Tuyết Hùng Cường đóng. Có thể, chị em tôi khỏi phải đi xem nhờ nhà hàng xóm. Chị em tôi thêm áo mới, giày mới, ăn ngon mặc lành quanh năm. Nhưng chẳng bao giờ nói ra sợ mẹ buồn vì không lo đủ cho con. Chị em tôi ráng giữ nề-nếp của con nhà nghèo “đói cho sạch, rách cho thơm.”

“Những ngày vui thường ngắn. Mừng bốn mẹ mở

cửa hàng. Chị em tôi ngõ-ngàng. Thức ăn ngon hết, còn sót lại vài bánh chưng xanh. Chị em tôi đem chiên lên. Ăn ngon ra phết.

“Trong năm có lúc mẹ bị ốm, chị tôi phải nghỉ học ở nhà trông hàng cho mẹ. Vừa bán hàng, chị thỉnh thoảng vẩy tay chúng bạn đi học ngang qua thêm thuồng. Mẹ vì làm việc quá sức, bị chứng tê thấp nhức mỗi chân tay. Khi tôi đi học về, cất sách vở, tôi kiếm lọ dầu con hổ bóp chân tay cho mẹ. Những ngày mẹ bệnh, nhà im lặng buồn hẳn. Về đêm, dưới ánh đèn mù-mờ, chị em tôi nhặt tóc bạc cho mẹ. Khi lòng bàn tay mẹ đầy tóc bạc, mẹ cầm từng sợi tóc thâm-thì. Tóc này cho con gái của mẹ. Này cho con trai của mẹ. Này vì mẹ mong cho các con có cái ăn cái mặc... Lúc ấy chị em tôi dựa sát đầu vào vai mẹ ôm chặt người. Chị em tôi bám-víu, cần tình thương mẹ hơn bao giờ hết.

“Theo năm tháng, chị em tôi lớn như thổi. May mắn trời không phá vỡ tổ ấm gia đình tôi. Chị em tôi có đủ thời thơ ấu đầy kỷ-niệm, tình thương. Cho đến ngày hỗn loạn tháng tư 75. Cậu tôi, em ruột mẹ, là quân-nhân theo đơn-vị di-tấn từ miền Trung về. Tối cậu thường ghé qua mẹ, bàn chuyện. Lớp lôm nghe được dăm ba tiếng. Cậu hỏi miền Nam mất, mẹ có muốn cho tôi theo cậu không?

“Mẹ buồn thừ người, có lẽ mẹ thương nhớ lại những ngày tháng xa-xôi. Di cư từ Bắc vô Nam. Thoảng đã hai chục năm trời. Chiến tranh chẳng có dịp mơ tưởng về thăm họ hàng quê cũ. Quê hương, phần mộ của bố giữ chân mẹ, mẹ không thể ra đi lần nữa. Bây giờ tôi ra đi, có nghĩa mẹ sẽ mất tôi. Tôi ở lại, sẽ giúp mẹ được gì trong chế-độ cộng sản. Những người nhả tâm mang đi mất người chồng thân yêu của mẹ. Trán mẹ tôi hằn ưu tư.

“Tôi không muốn là con bất hiếu. Tôi thưa với

mẹ với cậu tôi thích sống nơi quê hương, được ở gần mẹ. Cậu tôi khuyên mẹ bắt tôi đi. Tôi cãi lý lại. Mẹ gắt lên, tôi mới im.

“Trưa 30-4-75, miền Nam mất. Nghe tin bến Sài Gòn có tàu, cậu tôi lái chiếc xe Honda ngang nhà giục mẹ tôi bắt tôi đi. Tôi bỏ ra sau nhà. Một chốc chị tôi kiểm, khoác vai bảo tôi lên gặp mẹ. Mắt chị rơm-rớm nước mắt. Hai chị em nhìn nhau buồn-bã.

“Lên đến nhà trên, thấy mẹ ngồi thần-thờ trước bàn thờ bố. Nước mắt mẹ dàn-giụa. Người chẳng nói gì cả. Tôi cũng vậy, một lúc lâu sau, mẹ kéo tôi vào lòng, vuốt mái tóc tôi. Mẹ mở cái rương gần đó lấy ra một chiếc áo xanh mới, không biết mẹ may từ khi nào. Mẹ ướm vào người tôi, mặc cho tôi như những ngày còn bé bỏng. Mẹ hôn lên trán tôi. Tôi ứa nước mắt vì tôi biết tôi sắp phải xa mẹ và xa chị. Mẹ nói nhẹ như hơi: “Nhớ đến mẹ và chị luôn nhé”. Rồi mẹ khoác lên vai tôi gói quần áo nhỏ, đẩy tôi ra cửa. Tôi không cưỡng lại vì đời tôi chửa làm mẹ buồn bao giờ. . .”

(Trích “Bông Hồng Cho Mẹ” của Đức Chính trong Tạp Chí Truyền Thông).

Quả thật “Lòng Mẹ” bao la như biển cả. Mất Mẹ như cả bầu trời sụp đổ. Đúng như câu ca-dao:

“Còn Mẹ ăn cơm với cá.

‘Mất Mẹ liếm lá đầu đường’!

Đêm mưa nhớ Mẹ

*Mô cõi thân phận thật bơ-vơ!
Rười-rười lòng con những thần-thờ;
Nhớ Mẹ khôn quên dòng lệ thấm!
Thiếp hồn, mong gặp Mẹ trong mơ.*

*Mẹ nhí, con chờ Mẹ tới nay.
Dù trong chốc lát thoáng mây bay.
Cũng dịu hồn con trong nốt nhớ,
Chút giọt “Cam Lộ” đủ ngất-ngây.*

*Con khóc nhiều đêm, Mẹ có hay
Bâng-khuâng tìm Mẹ tháng, năm, ngày...
Biết đến bao giờ với nhớ Mẹ
Chức kiếp con lùn, họa có may?*

*Đêm qua chắc Mẹ chốn Phật Đà
Nghe kinh, dự pháp độ Ta Bà
Vội niềm đau khổ nơi trần thế
Nhân ái, tình người rộ nở hoa.*

*Con tin như thế dạ con khuấy,
Thoáng nhẹ hương sen quanh đó đây.
Con ước theo hầu bên cạnh Mẹ,
Đắp đèn ăn đức chín lòng mây.*

*Tháng 7 năm 1983.
My Hằng.*

*** Tri Âm Hoa**

Tình Bạn Bè.

Nói đến tình thương yêu bạn bè, đa số người Việt đều biết đến truyện “Lưu Bình - Dương Lễ”.

Truyện xưa kể lại: “Lưu Bình và Dương Lễ, hai người là bạn tâm giao từ thuở thiếu thời. Dương Lễ nhà nghèo, Lưu Bình con nhà giàu có, đem bạn về ở cùng nhà, ăn học cùng nhau rất là tương đắc. Dương Lễ biết phận mình, nên chăm chỉ học hành, còn Lưu Bình ỷ mình giàu có, thường lười biếng, ham chơi.

Đến khoa thi, Dương Lễ thi đậu, được bổ dụng làm quan. Lưu Bình thi rớt, và gia cảnh lại gặp hỏa nạn, sinh ra chán-nản, thoái chí, thi mãi không đậu!

Sực nhớ đến bạn ngày trước là Dương Lễ, nên tìm đến để nhờ giúp đỡ.

Dương Lễ hiểu bạn mình Lưu Bình, sợ tính lười và ỷ lại xưa tiếp diễn, bèn nghĩ ra kế để khích bạn mình. Dương Lễ bèn tránh mặt, không tiếp. Cho dọn cơm hầm

với đĩa cà mận để đãi, có vẻ khinh-mạn.

Lưu Bình tức giận, tủi-nhục, ôm hận ra về, tự nhủ mong có ngày trả hận Dương Lễ.

Trong khi đó, Dương Lễ bàn với người vợ thiếp là Châu Long nên đi theo để giúp đỡ Lưu Bình thành danh.

Trên đường đi của Lưu Bình, Châu Long mở một quán trọ, giả gái đang kén chồng.

Trong cơn chán-nản, Lưu Bình ghé quán trọ, được Châu Long lựa lời an-ủi, khuyến-khích chàng cố công đèn sách, và còn giao hẹn khi nào Lưu Bình thi đậu sẽ kết duyên vợ chồng.

Nhờ sự giúp đỡ và khuyến-khích của Châu Long, Lưu Bình ráng sức học hành, nên đỗ đầu khóa thi năm sau. Khi vinh quy bái tổ, Châu Long đã biến mất. Lưu Bình đau khổ, nhớ thương, sự nhớ tới nỗi nhục mà Dương Lễ đã đối xử, bèn tới nhà Dương Lễ mong trả nỗi nhục xưa.

Lần này, Dương Lễ vui-vẻ đón tiếp. Đúng lúc Lưu Bình toan mở lời trách móc thì Châu Long từ trong nhà bước ra chào. Dương Lễ mới giới thiệu nàng là thiếp của mình. Lưu Bình hiểu ngay rằng trước đây Dương Lễ sợ dĩ bạc-dãi là để khích-lệ mình, sợ mình không có nơi nương tựa mà bỏ dở việc học hành, rồi sai vợ lẽ là Châu Long thay mặt đi giúp đỡ mình ăn học cho thành tài.

Từ đó Lưu Bình và Dương Lễ sống với nhau thân tình, khăng-khít hơn xưa.

Ta thấy tình yêu thương của người Việt qua các bài: “Bông Hồng Cho Mẹ”, “Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh” và Truyện Lưu Bình Dương Lễ” trên thật là “nhân bản”, không quá xa thực-tế như từ-bi để xả thân nuôi thú dữ, hoặc muồn vào cửa “thiên đàng” phải yêu người

và đưa luôn cả má phải cho người ta tát! hay “ngụy quân tử” kiểu Nhạc Bất Quần trong truyện “Đào Viên Kết Nghĩa”. Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi, tình bạn lại lỏng vào nghĩa vua tôi đề cao Hán tộc; thiếu thành-thực; Lưu Bị kém tài, không leo cao được, đứng dưới gốc để lý luận cây nhờ gốc mới lớn được, mà cho Trương Phi leo được lên cao là ngọn (vai út). Ba người chống với Tào Tháo, đâu có chống nhà Hán - Thế mà khi bị thua với Tào Tháo. Rõ ràng là thua Tào Tháo, còn lý luận “Hàng Hán bất hàng Tào! - Thật là giáo quyệt, thiếu chân tình!).

* ***Ai Chúng Hoa***

Rộng tới nhân quần, xã-hội:

Để thương tiếc đến những vong hồn không người
kế tự!

“Tiết thẳng Bầy mưa dầm sùi-sụt
Gió heo may lạnh buốt xương khô
Nào người thay buổi chiều thu
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.
Đường bạch dương bóng chiều man mác
Dặm đường lê lác-đác sương sa
Lòng nào lòng chẳng thiết-tha
Cõi dương còn thế, nữa là cõi âm
Trong trường dạ tối tăm trời đất
Cô hồn thiêng phảng-phất u minh!
Thương thay thập loại chúng sinh
Phách đơn hồn chiếc lênh-đênh quê người...”

Đối với những bậc tài năng, mộng lớn, ấp-ủ trong tâm,

“Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh,
Chỉ những toan cất gánh non sông
Nói chi những buổi tranh hùng,

Tưởng khi thất thế, vận cùng mà đau!
 Gặp vận cùng, thời thế đổi thay, tro bay ngói lở:
Khôn đem mình làm đũa thất phu
Cả giàu sang nặng oán thù
Máu tươi lai-láng xương khô rã-rời...

Thương đến tiểu thư đài các, gặp buổi loạn ly:
Một phen thay đổi sơn hà,
Tám thân chiếc lá biết là về đâu?
Trên lầu cao dưới dòng nước chảy
Phận đã đành trâm gãy, bình rơi
Khi sao đông đúc vui cười
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương!
Thấm thiết nhẽ không hương không khói
Hồn thần-thơ dòng suối ngàn sim...

Nào những người công danh, quyền trọng:
Kìa những kẻ mũ cao, áo rộng
Ngọn bút son sống thác trong tay
Kinh luân chất một túi đầy...

mà nay:
Ngàn vàng khôn đổi được mình,
Lầu ca viên xương tan tành còn đâu!
Kẻ thân thích vắng sau, vắng trước
Biết lấy ai chén nước nén nhang
Cô hồn thất-thiếu dọc ngang
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh...

Hàng tướng lãnh, oai thét một thời:
Gió mưa sấm sét dùng dùng
Phơi thầy trăm họ, nên công một người,
Khi thất thế, tên rơi đạn lạc
Bãi sa trường, thịt nát máu rơi
Mênh mông góc bể chân trời
Nắm xương vô chủ biết rơi chốn nào?...

Càng thương cho những kẻ cả đời chỉ biết ký
 cốp sao cho bạc lăm, tiền nhiều:

Cũng có kẻ tính đường tri phú
Làm tội mình nhịn ngủ, bớt ăn
Ruột rà không kể chi thân
Dầu làm nền nã, dành phần về ai?
Khi nằm xuống không người nhấn nhủ
Của phù vân dầu có như không
Sống thời tiền chảy bạc ròng
Thác không đem được một đồng nào đi!

Cũng không thiếu những hạng người vì danh
 lợi, bôn-ba khắp chốn:
Cũng có kẻ vào sông, ra bể
Cánh buồm đời chạy xế gió đông
Gặp cơn giông tố giữa dòng
Dem thân vùi lấp vào lòng kinh ngư!

Tiếc thương nhiều hơn nữa cho kiếp “buôn nguyệt
 bán hoa”

Ngẩn ngơ khi trở về già
Ai chồng con tá, biết là cậy ai
Sống đã chọn một đời phiến nảo
Thác lại nhờ hộp cháo lá đa!...

Còn nhiều nữa, những âm hồn đau khổ: những
 người khát thực, lê lét góc đường, xó chợ; những trẻ sơ
 sinh đã lìa cha mẹ, những người bị thú dữ vồ mồi...

Cũng có kẻ nằm cầu gối đất
Với tháng ngày hành khát ngược xuôi
Thương thay cũng một kiếp người
Sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan.
Cũng có kẻ thác oan, tù rạc
Gửi mình vào chiếu rách một manh.
Nắm xương chôn rấp góc thành,
Kiếp nào cởi được oan tình ấy đi?

*Kìa những đứa tiểu nhi, tấm bé
 Lỗi giờ sinh lìa mẹ, lìa cha
 Lấy ai bông bế xót-xa
 U-ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng.
 Kìa những kẻ đắm sông chìm suối
 Cũng có người sẩy cỗi sa chân
 Có người leo giếng đứt dây
 Kẻ trôi nước lũ, người lây lửa thành...*

*Sống đã chịu một bề thảm-thiết,
 Ruột héo khô, dạ rét căm-căm
 Dãi dầu trong mấy mươi năm
 Thở than dưới đất, ăn nằm trên sương.
 Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
 Tắt mặt trời lẩn-thẩn tìm ra
 Lôi thôi bông trẻ, dất già
 Có khôn thiêng nhẽ, lại mà nghe kinh...
 Kiếp phù sinh như hình như ảnh
 Có chữ rằng: “Vạn cảnh giai không”...*

(Trích Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh -
 Nguyễn Du)

*** Hoa Bách Niên**

Sự hòa-hài giữa con người với thiên nhiên được thể hiện cụ-thể trong những ngày “Tết”, hội xuân.

Các trò vui xuân như “đánh gòn”, “bắt chạch trong chum”,... đủ chứng-tỏ văn-hóa Việt khác với văn hóa Tàu. Ở Tàu cho đến ngày nay, vì cốt lõi tinh-thần gốc du-mục, nên “trọng nam khinh nữ” (Vẫn còn nạn đem trẻ gái sơ sinh ném ra ngoài đường).

Xưa kia, Khổng Tử đã cho rằng: “Phụ nữ khó cảm hóa, thân cận thì nhờn, mà xa lạ thì oán”.

Đối với Hán Nho, không nhìn phụ nữ trên con

người toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính với vai-trò nội trợ và sinh đẻ! Chính ở điểm này mà ta thấy mặc-dầu tán-tụng Khổng Tử là “*bậc thầy muôn thuở*” (Vạn Thế Sư Biểu), mà không một lời nói đến Khổng phu nhân!

Việt phong khác với Nho phong đã được vạch rõ trong bài thơ “*Đu Xuân*” của nữ-sĩ Hồ Xuân Hương:

*Tám cột khen ai khéo khéo trồng,
 Người thì lên đánh, kẻ đứng trông:
 Trai đu gối hạc khom-khom cật,
 Gái uốn lưng ong, ngửa-ngửa lòng.
 Bốn mảnh quần hồng bay phát-phới,
 Đôi hàng chân ngọc duỗi song-song.
 Chơi xuân mới biết xuân chẳng tá
 Cọc nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không!*

“Tuy không lý-thuyết thành giáo lý minh bạch, nhưng những sinh-hoạt hồn-nhiên như trò vui đu xuân này đã nói rõ cho thấy nhân dân Việt thường sinh-hoạt theo nhận thức khác-biệt với những giáo điều Khổng học.

“Ta thử nghĩ liệu một cô gái con nhà gia thế có bao giờ dám trèo lên cây đu mà nhô-nhún hớ-hênh, dầu chỉ làm một mình ở nơi vắng-vẻ, nói chi đến chuyện cặp đu với một chàng trai giữa nơi đông đảo. . .

“Việt phong không chia cắt xã-hội con người thành giai-cấp (quân tử, tiểu nhân), quý tiện giữa đàn ông với đàn bà. . .

“Khi một cặp nam nữ rủ nhau đánh đu trước công chúng thì đương-nhiên không có phân-biệt quý tiện giữa hai người và cả trong cái nhìn của công chúng, khán-giả tán thưởng trò vui. Một hội hè đình đám là tổ-chức vui chung. Ai muốn vui và truyền vui cho người khác đều được tán-thưởng... Trò vui trong các hội xuân vừa là cơ-hội để mọi người vui hòa trong cuộc sống cộng đồng, giải-tỏa bớt những căng-thẳng tích góp trong

những sinh hoạt thường nhật, vừa là cơ hội dành cho nam nữ gặp-gỡ, trao tình, trao ý với nhau.

“Tạo cơ hội để nam nữ gặp nhau, trao tình, trao ý rõ-ràng là nghịch với những giáo-điều của Hán Nho : “Nam, nữ thụ thụ bất thân”, hay “Nam nữ bất đồng tịch”. Việt phong nhìn vấn-đề nam nữ luyện ái là một sinh-hoạt tâm lý tự nhiên và cần-thiết khi đã đến tuổi trưởng-thành.

“Khi chưa có tập quán Nho phong do bọn quan lại Tàu như Nhâm Diên, Sỹ Nhiếp du nhập, áp đặt thì trên dưới xã hội Việt đều trọng tự do luyện ái (truyện Tiên Dung và Chử Đồng Tử). . .

“Như vậy, Việt học là một sự-kiện có thực, nội dung khác-biệt với mọi học-thuật đã du nhập và thống trị xã hội Việt. Từ những học-thuật cũ như Nho học, Phật học,... đến những học-thuật mới như Christo-grec-Latin, và Mác-Xít - Lê-Nin.”

Để nói lên tính cách phóng-khoáng giữa trai và gái của giới bình-dân, ta có thể tìm thấy trong các bài ca-dao:

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây
Xây dọc, rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.

Hay:

Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà
Áo anh sút chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sút chỉ đã lâu,

Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng,
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến khi lấy chồng, anh lại giúp cho:
Giúp cho một thùng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm,
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo,
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới, lại dèo buồng cau.

(Ca Dao)

Trai đã không e-ngại mượn cơ “quên áo” để ướm tình, thì gái cũng mạnh-dạn:

Vào vườn hái quả cau xanh,
Bỏ ra làm tám, mời anh xơi trâu.
Trầu này tằm những vôi Tầu,
Ở giữa đềm quế, hai đầu thơm cay.
Mời anh xơi miếng trầu này.
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng.
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Xơi dăm ba miếng kẹo lòng nhớ thương.

(Ca Dao)

Yếu tố thứ nhất của xã-hội sinh-hoạt là “hôn nhân”. Đề cập tới hôn nhân là đề-cập đến xây-dựng gia-đình. Muốn xây-dựng gia-đình, công việc trước tiên là phải giúp cho nam nữ có cơ-hội giao-tiếp, gần bó trước khi kết-hợp vợ chồng, nghĩa là nam nữ giữ **vai trò chính yếu, có quyền lựa chọn**. Có lựa chọn mới có trách nhiệm và trọn nghĩa vợ chồng. Chính nhờ ở tinh thần phóng-khoáng và tự-do luyện ái, mà khi thành đạo vợ chồng, tình nghĩa càng keo-sơn, chung-thủy, và cùng nhau chia-sẻ trách-nhiệm:

Yêu anh cốt rữ xương mòn,
Yêu anh đến thác cũng còn yêu anh.

(Ca Dao)

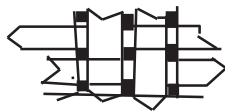


Đan quyền & Cơ năng hiển-pháp.

Nước có quyền dân, nước mới còn.

Đan quyền với Cơ-năng hiến pháp

Đan : Đan lát như đan rổ, đan giá, đan nong nia, vv.... (Đan giải nan nọ với nan kia để được bền chặt.).



Theo nhà tư-tưởng- Việt Lý` Đông-A:

“Cơ-năng hiến pháp là pháp-độ hiến-chương, an thích đời sống dân sống với danh nghĩa người..

Xã hội là một nhân sinh tổ-chức - Chính-trị là điều-lý nhân-tính.

Gọi xã-hội là tư-lương (kinh-tế) Cho nên xã hội là nền-tảng, chính-trị là kiến-trúc, văn-hoá là kiến-trúc-thuật, mà kinh-tế là tài-liệu kiến-trúc.

“Cơ-năng hiến-pháp (Functionnel) quy-định quyền-hạn bằng nguyên-tắc **đan quyền** (Không phân quyền mà cũng không tập quyền,, không quân quyền (chia đều quyền), mà là đan quyền (quyền nọ gài với quyền khác để tránh sự lạm dụng quyền hạn, và bảo toàn sự bền-vững cho toàn thể.)

“Dân sự thì chia các cấp tự-trị (giữ theo truyền thống, phép vua thua lệ làng), nhưng các mặt hành chánh đều chia thành các khu-vực trực tiếp đặt dưới quyền trung-ương. Mục-tiêu của cơ-năng hiến-pháp là một mặt phải thích-ứng nguyên-tắc **tam phân tứ công** (phân mệnh, phân công, và phân hưởng - tứ công: công bản, công lao, công phối, công độ.) trong cơ-cấu bình sản kinh tế, một mặt phải thích ứng với **tam**

phân chế độ đạt hết thấy các sinh-hoạt quốc-gia theo ba tiêu chuẩn: quốc kế - dân sinh và nhân cách.

“**Cơ năng quyền chế** : (Đan quyền), y-cứ vào **quốc-gia cơ-năng**, chú ý tung-hợp **quốc-gia quyền lực, nhân dân ý chí và nhân sự luật tắc**. Quốc gia lập quốc phải có quy-mô, chia ra pháp-trị và nhân sự, hai hệ tung-hợp lại thành một **cơ năng sinh hoạt**, tung hợp chính quyền và trị quyền thành chính trị nhất nguyên, tung hợp động và tĩnh thành động tĩnh nhất khu, tung hợp quyền và năng thành quyền năng nhất thống, tung hợp chính trị và hành chánh thành quốc gia tổ-chức hòa-hài.

“Cơ-năng hiến-pháp thành lập trên hai triết học của **sinh-mệnh** và **công-việc** để đạt tới dân sinh và thực-hiện của công việc trên khoa học quản lý.

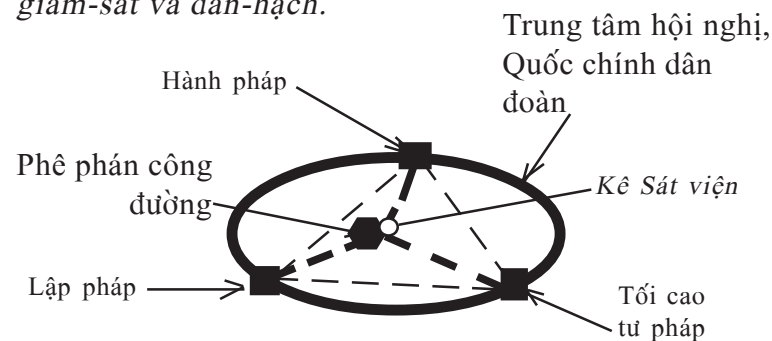
Ví dụ:

-* Tổng thống : Chính trị tối cao quyền lực (Quốc dân đại hội công cử), lại có

Phê-phán công đường: quyền phản-tỉnh, quan sát, và phê-phán.

* Lập pháp viện (350-400 vị), tối cao quyền lực chế, do quân chính công dân tăng công cử. Có **kê sát viện giám-sát**.

* Tư pháp viện (Quốc trưởng không có quyền tuyển miễn), bị kê sát viện và Phê phán công đường giám-sát và đàn-hạch.



Cơ-cấu tổ-chức.

Theo Bách Khoa Toàn Thư, “*Hiến Pháp là một hệ-thống qui-định những nguyên-tắc chính-trị căn-bản và thiết-lập kiến-trúc, thủ-tục, quyền hạn và trách-nhiệm của một chính quyền.*”

“*Căn-bản của Hiến-pháp là đề cao nhân phẩm, nhân quyền của người dân. Hiến-pháp là một văn bản pháp luật, có giá-trị cao nhất trong hệ-thống pháp luật của một nước.*

-Hiến-pháp là một văn bản quy-định về chế-độ chính-trị, kinh-tế, văn-hóa, quốc phòng,...lợi-ích và nghĩa-vụ hợp lý cơ-bản của công dân.

-Hiến-pháp quy-định điều gì chính phủ có thể làm và điều gì không được làm để bảo-đảm dân quyền.

- Nguyên-tắc xây-dựng định chế:

*. Thực hiện **cơ năng hiến pháp**.*

*. Thi hành nguyên tắc **đan quyền**.*

Hiến Pháp- ĐẠI VIỆT (Việt Nam) tương lai:

“Đời sống quốc dân cần có sự tổ-chức một cách khoa-học, nhân-bản, dân-bản và thích-hợp.

Mục-đích của tổ-chức là hiệu-năng chỉ-huy, phải căn-cứ trên hiến-pháp của quốc-gia.

*Theo quan-niệm nhân bản, kết-cấu chính-phủ và hành-chính toàn quốc ví như **thần-kinh-hệ** của đời sống quốc dân. Hiến-pháp phải dẫn-giai được sự thích-hợp các cơ-cấu trong sinh-hoạt quốc dân.*

- Nội-dung của hiến-pháp phải nắm rõ những nguyên-lý cơ-sở về tinh-thần làm việc của quốc dân.

Hiến-pháp là pháp-độ hiến-chương, là cương-thường (mối liên-hệ giữa người với người), không phải là giao-kèo giữa nhân-dân với nhà cầm quyền.

*Hiến-pháp nên coi như một **cơ năng**, một bộ-phận có thể kiến tạo năng-lượng để hoàn-thành danh nghĩa **người**. Dùng chữ cơ-năng để chỉ tính-cách **linh-động, thống-nhất, hòa-hài như hệ-thống thần-kinh-hệ nơi con người**. Quan-điểm này đưa vào tinh-thần nhân bản, nhân chủ khác với các quan-điểm dựa vào **duy** (Duy Tâm, Duy vật, Duy sinh,...) thiên-lệch.*

*Hiến-pháp tôn-trọng nhân-bản và dân quyền phải là một hiến-pháp qui-định rõ-rệt quyền lực quốc-gia. Các lực chính như hành-pháp, lập pháp, tư-pháp và kiểm-soát (Giám sát) **giằng-kéo nhau**, giữ công-bằng trong tương-quan đối lập. Trung-ương, địa-phương, đoàn thể, đoàn viên, gia-đình gia tộc... giằng kéo lẫn nhau, liên hệ chặt-chẽ, nhưng không mất riêng tư trong dạy-dỗ, khu-xử với cái lý của nghĩa, tình ơn ích chung của tập thể. Linh-động như hệ-thống thần-kinh của con người, đối-lập thống-nhất để không mất tính-chất hỗ-tương hài-hòa, giằng néo nhau. **đan quyền** để được vững-chắc, và cũng không lấy cộng kỷ tiêu-hủy tư-kỷ, hay ngược lại không lấy tư kỷ mà quên đi cộng kỷ.*

*Như trên đã nói. nhân bản là nền-tảng xây-dựng xã-hội người. Do đó hiến-pháp phải sản-sinh ra các cơ-cấu thích-hợp cho sự hoạt-động giữa người với người nên gọi là **cơ năng hiến pháp**. Những quốc-gia và quốc-dân phải có sự qui-định và trọng-yếu làm máu chốt. Đó là căn-bản quốc sách..*

Sinh-mệnh con người phải có tổ-chức mà tác-dụng và mục-đích của tổ-chức là chỉ huy. Sự chỉ-huy phải căn-cứ trên cương-thường và chủ-đạo nhân-loại.

Chính-phủ phải thành lập bằng **nguyên-tắc công-chế**.

Trong nguyên-tắc công-chế:

- Nhân-quyền là xã-hội tự tính trên sự tự động điều-tiết của nhân sinh.

- Nhân cách là điều-kiện toàn-bị cuộc sống.

- Tự- do là sự điều-tiết thích nghi của cá-thể với cá-thể, cá-thể với đoàn-thể trên các ngành nghề-vụ, quyền-lợi à cơ hội.

- Bình-dẳng là sự đồng đẳng trên lập-cước-điểm của bản-thể sinh-mệnh. \

- Bác-ái là sự công chính của chế-độ trên sự phân-phát cơ-hội....

*** Cơ-năng quyền chế (Quyền lực quốc-gia.)**

“Quyền chế của cơ-năng hiến-pháp không phải tập quyền (Centralisation), cũng không phải là phân quyền (Decentralisation), thực cũng chẳng như học-thuyết quân quyền (đều quyền) của Tầu.

- Cơ-năng hiến-pháp quy-định quyền hạn bằng nguyên-tắc **đan quyền**. Dân sự thì chia các cấp tự trị, xong tất cả các mặt hành-chánh khác đều chia thành các khu-vực trực tiếp, đặt dưới quyền chỉ-huy trung-ương. Đây là truyền-thống lịch-sử của Việt trong các đời thịnh-trị như Lý, Trần, Lê Thánh Tông. Đan quyền là vạch chia quyền hạn ra. Phạm việc phải tùy. Đặc cách thì thuộc địa-phương, còn có tính cách đều cho hành sử các chức quyền giám đốc lập pháp và lãnh đạo quốc gia với dân chúng.

Đan quyền là nội đề cử sáng-suốt theo mục-tiêu của cơ-năng hiến-pháp, một mặt phải thích-ứng với tính-chất chính-trị là liên-hệ, trọn vẹn và hai chiều của Duy Dân Dân Chủ; một mặt phải thích-ứng với nguyên-tắc **tam phân tứ công** trong cơ-cấu bình-

sản kinh-tế, còn một mặt phải thích-ứng với **tam phân chế độ**, đặt hết thảy các hoạt động của quốc gia lên ba tiêu-chuẩn: quốc kế -dân-sinh và nhân cách.

*** Chính-trị cơ cấu.**

1- Công-dân y pháp-luật từ cơ tầng định tư cách truat lạc lên đến thượng tầng, tổ chức lên trung ương.

2- Các tầng công dân đoàn tổ-chức và công cử lên trung tâm hội nghị làm đại biểu cơ quan hành sử quyền lực lập pháp.

3- Các trung-tâm hội-nghị phải thỉnh thời thượng ở công-dân-đoàn.

4- Các tầng công dân đoàn thành một dãy chuỗi quán-xuyến từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới.

5- Quốc dân trung-tâm hội-nghị là lãnh-tụ của quốc dân

6- Toàn xã công dân đoàn chính lại là cơ-tầng ý chí và quyết-nghị sau rốt của các công việc quân quốc trọng sự.

7- Từ tổ-chức và lập một chương-trình, các tầng công-dân đoàn do quốc dân trung tâm hội-nghị thảo ra và quốc dân công dân đoàn hội-nghị quyết-nghị thi-hành.

8- Dân tầng trên tiêu tức và thẳng giáng chính là cái tiềm cơ và hoạt lực duy nhất của quốc gia, là dẫn đạo của chính trị tổng cơ, nên nước suy thịnh là ở đó.

*

*** Tối-cao quốc thể (Thi hành quyền lực).
Hành pháp:**

1- Từ tối-cao lập-pháp cử, trao toàn quốc-dân tuyển-cử chính-thức.

2- Tối-cao quốc thể là một bộ-phận của tối-cao quyền-lực, bộ-phận tĩnh định và thực-tiến.

3- Tối-cao quốc-thể đại biểu cả toàn quốc đối nội, đối ngoại trong hạn chức.

4- Tối cao quốc thể gọi là Đại Việt Quốc Trưởng.

5- Đại Việt Quốc Trưởng do trung-tâm hội-nghị tối cao, đa số công cử lên.

6- Kỳ hạn nhậm chức là chín năm, được liên nhiệm một lần.

7- Lĩnh trung-tâm trách-nhiệm trước trung-tâm hội-nghị toàn-quốc.

8- Tổng lý các chức quyền quân quốc, không được kinh-doanh tư tài.

9- Được phản bác lại các quyết án của trung-tâm hội-nghị ba lần.

10- Được miễn truy-tố trong nhiệm kỳ, trừ phạm phản quốc.

11- Được đàn-hạch bởi **phê-phán viện** trước trung-tâm hội-nghị.

12- Được đàn hạch bởi **Kê Sát viện** trước tự mình.

13- Không được thoái chức trong nhiệm-kỳ, trừ chết, cố tật. Khi vắng, do hành chánh viện trưởng tạm thay sáu tháng.

14- Không được giải tán Trung-Tâm Hội-Nghị.

15-Được giới nghiêm, giải nghiêm khi được Trung-Tâm Hội-Nghị truy nhận và thừa nhận.

16- Được tuyên chiến, đình, hòa khi được Trung-Tâm Hội-Nghị đồng ý hay truy nhận.

17- Được ân xá, đặc xá hay chung quyết các án tư-pháp, kê-sát.

18-Tuyển-bổ các viện-trưởng các viện, các bộ của tối cao quốc quyền (*trừ lập-pháp, nghiên-cứu, kê-sát, tư-pháp được đề-nghị tuyển bổ*).

19- Được triệu-tập Trung-Tâm Hội-Nghị thường kỳ hay lâm-thời.

20- Đề nghị dự toán với Trung-Tâm Hội-Nghị.

21-Ban ân quan, quân, dân.

22-Được có quyền hạn khác do Trung-Tâm Hội-Nghị qui-dịnh.

Tối cao lập pháp.

1- Từ quốc dân đoàn xã chính-quyền tới quốc chính dân đoàn, đó là tối cao quyền lực thể.

2- Do quốc chính công dân tàng công cử. Trung-Tâm Hội-Nghị là trung-kiên của tối cao quyền lực thể, đại -iểu toàn-thể Đại Việt hành sử quyền tối cao luật pháp.

3- Các sự nghị sáng-chế, phác quyết,, tuyển quan, bãi quan hoặc tự hành-động, hoặc có thể từ hạ cấp dân đoàn thảo-luận đề lên quyết-định làm hay không làm.

4- Trung-Tâm Hội-Nghị từ 350 đến 400 người.

5- Bốn năm làm nhiệm-kỳ, được liên nhiệm hai lần.

6- Quyết-nghị của quốc-gia chính-sách, dự-toán án. quyết-toán án, pháp-luật cương

linh, hiến-pháp nguyên-tắc.

7- Quyết nghị tuyên chiến, đình, hòa, động viên, kết-ước.

8- Thụ lý các án đàn-hạch của phê-phán viện.

9- Tín-nhiệm hay không tín-nhiệm tổng-tư-lệnh.

10- Tín-nhiệm hay không tín-nhiệm các viện, bộ-trưởng.

11- Đề-cử người bầu tuyển quốc-trưởng, ba người do toàn quốc thảo-luận từ dưới lên trên, lấy quốc-chính dân đoàn tuyển-cử làm quyết.

12-Điều-lệ tổ-chức lấy pháp-luật mà định, tự chế ra do phê-phán đồng ý.

13- Được bàn khi có 3/5 người dự kiến.

14-Không được thay đổi hiến-pháp, nhưng có thể đề ra hiến-pháp án trước quốc dân đoàn mà thủ quyết từ trên xuống dưới, lấy quốc dân đoàn xã-chính quyết làm chuẩn.

15- Nghị-viên phải từ 40 trở lên, 60 tuổi trở xuống, đầy đủ các tư-cách quốc chính công-dân.

16- Được chiêu tập quốc-dân đoàn lâm-thời khi được 3/5 người đồng ý trong số họp.

17- Được triệu tập lâm thời hội-nghị của mình khi được 3/5 người đồng ý.

18- Không được phục-vụ trong hành-chanh cơ-quan.

19- Không được chủ-trưởng trong kinh-tế đoàn nghiệp.

20- Quyết nghị các điều lệ tổ-chức, hội nghị của các tầng quốc dân đoàn, xã công dân đoàn, hạt

chính, huyện chính, tỉnh chính và quốc chính.

21- Được chiếu qui định thi-hành các liên vận hay đề cử do các tầng công dân thi hành (điều tra, kiểm thảo,...)

22- Được bí mật hội nghị, được không bị can thiệp bởi hành chánh.

23- Được phác thảo, quyết nghị các quốc gia kế hoạch cho tới 10 năm một kỳ.

24- Được tu cải các quyết nghị án lớp trước khi được quốc chính dân đoàn đồng ý

25 Được phê chuẩn pháp luật hay tu cải do lập pháp viện đệ lên.

Hình thức **Đan quyền**:

*** Cơ quan hữu trách:**

1- Chính lý cơ là cơ-quan khu mật và phù bật cho quốc trưởng trên các quân quốc trọng sự.

2- Chính lý cơ gồm 7 phòng: Chủ kế, chủ pháp, chủ viên, chủ binh, chủ công, chủ địa, khách kế.

3- Bảy tham chính viên coi 7 phòng, do quốc trưởng chọn 7 nguyên lão ủy-nhiệm.

4- Chủ kế cơ thành lập quốc kế, thống nhất các việc: Tuế kê, hồ kê, thống kê trong quốc gia.

5- Chủ pháp cơ trông coi các nguyên tắc lập pháp, mưu-lược, nghi-thức.

6- Chủ viên cơ trông coi các việc quan lại, động viên nhân lực.

7- Chủ binh cơ trông coi mưu lược, hành binh, quân chính.

8- Chủ công cơ trông coi nguyên-tắc, kỷ-luật, sinh-sản.

9- Chủ địa cơ trông coi chính-sách thổ địa.

10- Khách kế trông coi tình thế sự thực mưu-

lược quốc-tế.

*** Cơ quan phù trợ:**

1- Tham quan cơ là cơ-quan khu mật và phù-bật cho quốc trưởng trên các sự nghị hành binh, phòng quốc.

2- Tham quan cơ gồm 5 phần vụ: Hiệp động, lục động, không động, hải động, tiềm động.

3- Năm tham quan viên do quốc trưởng chọn các quân giỏi có thực tài và cao cấp ủy nhiệm.

4-Hiệp động cơ coi về sự nghị toàn diện chiến tranh. Viên tham mưu hiệp động là toàn quốc tham-mưu tổng trưởng.

5- Lục động cơ là toàn-quốc tổng tham-mưu-trưởng của lục quân và lục quân hàng không.

6- Hải động cơ là toàn-quốc tổng tham-mưu-trưởng của hải quân, hải quân hàng không và hải quân tiềm đội.

7- Không động cơ là toàn-quốc tổng tham-mưu-trưởng của không quân.

8- Tiềm động cơ là toàn-quốc tổng tham- mưu-trưởng về tiềm đình quân.

9- Các phần-vụ trên, các sự nghị chiến-tranh, quốc-phòng, quân chính, quân lệnh đều theo kiến chế mà đặt thuộc liêu.

Cơ-quan giám sát, Phê-phán (Đan quyền):

*** Phê-phán công đường.**

1- Phê-phán là quyền phản-tỉnh trên sự nắm giữ vận-mệnh.

2- Phê-phán công đường là cơ-quan tối cao cho quyền phản-tỉnh, quan-sát và phê-phán

3- Phê-phán công đường là cơ-quan siêu-việt

bất khả xâm phạm.

4- Phê phán công đường do các tầng công dân liên hợp, tổ lại từ 300 đến 500 người, từ 55 tuổi trở lên, 79 tuổi trở xuống. trong dân chúng phải là thạc đức. do trung tâm hội nghị hợp với Kế Sát viện chủ tuyển. Hạn tuổi từ 60 trở lên, 75 tuổi trở xuống trong hiện chức.

5- Quan tuyển hạn 1/3 - dân tuyển hạn 2/3.

6- Mỗi nhiệm kỳ là 10 năm.

7- Mười năm một kỳ đại hội , 3 năm một lần tiểu hội.

8- Thường hội xét các án hành-chánh tố-tụng tâng.

9- Ba năm một lần hội nghị thường-trực.

10- Tiểu hội xét các án hiến pháp tố tụng.

11- Đại-hội bình-luận quốc chính, kiểm-thảo tình-thế, kiến-nghị hưng cách.

12- Đại-hội nhiều nhất là một tháng.

13- Kỳ đại hội Trung Tâm Hội Nghị phải thỉnh lệnh ở phê-phán công đường.

14- Kỳ đại hội, quốc trưởng phải xuất tịch báo-cáo và chịu huấn giới.

15- Kỳ đại hội, dân chủ công, chủ địa, khách chúng được tự-do dự-thính.

16- Được bí-mật hội-nghị khi quân quốc trọng sự.

17- Được đề-nghị tu cải hiến-pháp, mà không được quyết-định tu cải.

18- Được kiểm-thảo các pháp-luật.

19- Được đàn-hạch toàn quốc trên dưới do Trung Tâm Hội Nghị chấp-hành.

20- Được truy hạch các quốc-trưởng trước.

21- Ba mươi năm một lần khoáng-trưởng hội-nghị ba tháng.

22- Khoáng-trưởng được quyền triệu-tập hội-nghị toàn quốc tu-cải hiến-pháp khi được 4/5 người đến họp đồng ý.

23- Các kỳ hội phải có 2/3 người đến họp mới được bàn việc.

* Khảo-hạch bộ-phận.

Tư-pháp viện.

1- Tư-pháp viện là cơ-quan tối cao thừa-hành và giải thích dân dụng pháp-luật, điều lệ, nghi-thức trong quốc-gia.

2- Tư-pháp viện gồm chung-thẩm-viện là tầng tối cao tư-pháp phù-bật Quốc Trưởng trên phá án xét hình.

3- Phàm án-luật đều từ hạ cấp, sơ cấp, trung cấp, thượng cấp thẩm-phán.

4- Tư-pháp viện trông coi cả dân luật, quan luật, quân luật và hình luật.

5- Pháp quan được độc-lập thẩm-phán, và có pháp-luật bảo-chướng.

6- Pháp quan không được kiêm nhiệm.

7- Pháp quan được tuyển, có định ngạch theo pháp-luật. Quốc Trưởng pháp-luật không có quyền tự tuyển miễn.

8- Chung thẩm viện đặt năm viên tối cao pháp quan, một viện trưởng ở trong.

Kê sát viện

1- Kê sát viện, cơ-quan tối cao thừa-hành về giám-sát, thẩm kêĐàn hạch công việc pháp-luật, tiền-tải, quan lại trong quốc-gia.

2- Kê sát viện đặt các phân viện toàn quốc.

3- Kê Sát viện đặt năm cao cấp kê sát viên tổng quản, một viện trưởng ở trong.

4- Kê Sát viện đặt các phân bộ: Giám-sát, thẩm-kê và đàn-hạch.

5- Ngôn luận trong viện, ra ngoài không chịu trách-nhiệm.

6- Kê Sát viện không được kiêm nhiệm.

7- Kê sát viện là định ngạch, y pháp-luật tựu chúc, Quốc trưởng có quyền tự tuyển miễn.

8-Kê sát viện phụ-trách với Trung-Tâm Hội Nghị.¹



1- Trích dẫn theo “Duy Nhân Cương Thường” của Lý Đông A, Nhà xuất bản Gió Đáy, 1969 tại Sài Gòn

Vịnh Biển Đông

Thái Bình Dương, Long vương tiềm ẩn,
Vốn xưa nay, chẳng vấn sự đời.
Cớ sao, ma quỷ đương thời,
Kéo nhau đùa giỡn, coi trời bằng vung.

Này ta bảo: Chúng bay lũ cướp.
Trời ra oai, sấm chớp dùng-dùng,
Đại-dương sóng dậy chín tầng
Quét đảo nhân-tạo khắp vùng Trường Sa.

Hạm **Liêu Ninh** đem ra hù dọa.
Thành **liều mình** rước họa vào thân.
Bảo cho dân Chiệc ngu đần,
Bướng ngang, trơ-tráo, bất tuân pháp đình.

Lại to gan dự trình thù-dệt,
Với manh tâm tiêu-diệt lân bang.
Trộm văn, đổi sử ngang-tàng
Đại Hán đúng nghĩa điểm-đàng gian-manh.

Dân trộm cướp không màng danh-dự,
Luật phán rồi vẫn cứ tỉnh-bơ.
Chủ quyền bãi Ca-Bô-Rô
Nhận đại là bãi 'ao nhà' quá trơ!

Thêm Hoàng, Trường nhận vợ hai đảo,
Lại tráo-trâng, 'cãi cối cãi chầy' !
Manh tâm Hán hóa xưa nay,
Vì dân vì nước, ra tay anh-hùng.

"Cây nhờ gốc, xanh cành tươi ngọn,
Nước có nguồn, biển cả sông sâu".
Cần thức-tỉnh trước Ba Tàu,
Chủ-động văn-hóa đúng đầu đấu-tranh.
Đừng gục mặt trở thành cầm thú;

Đừng hóa thân làm lũ tay sai.
Để rồi chuốc lấy mả-mai,
Tôi đòi bán nước, là loài chó săn!
Để hối-hận, ăn-năn quá muộn!
Máu đồng bào đổ nhuộm nơi-nơi!
Sống dê nhục, kiếp tôi đòi,
Khéo che, khéo đẩy, cũng lòi cái đuôi!

Trại giới sử, để nuôi hồn nước,
Nền sáng soi từng bước, từng câu.
Xưa nay, ý đẹp cao sâu
Không nằm trước mắt, mà cầu ngoại ngôn.

"Đường lịch sử mùa tuôn văn-vũ
Nòi Rồng Tiên thác lũ bao phen.
Cùng về ôn cuộc trăm năm
Đuổi quân xâm-lược, duyên tròn lại duyên.

Trăm con một bọc
Nòi giống Rồng Tiên,
Nghìn năm sau trước một thuyền
Nghĩa thì non nước tình nguyên nước non.

"Vâng, hôm nay cười ngựa thần lên đỉnh Sóc
Ngựa phi nhanh lên tận chín tầng trời.
Lật thiên thư, mấy lời:chi chép :
"Có sông nào không kết ra khơi?,
Biển nào chẳng bốc thành hơi.
Hơi lên kết đọng mây trời, mưa tuôn.
Gió đưa mây lượn non ngàn.
Mưa tuôn ào-ạt, tạo nguồn suối trong." ¹

Rồi vận nước, long-dong phải trái,
Quanh lưng đèo vách đá cheo leo!
Gặp phẳng lặng, bình nguyên, ra biển
Bước thẳng hoa là để về nguồn.

Duy Khang

1- Ý thơ Nguyễn Thù.

Thời Đại Mới, Ý Thức Mới.

Từ đầu thế-kỷ XX tới nay, hơn 100 năm, thế-giới đã trải qua hai lần đại chiến! Sau đó, tuy có hòa-bình, nhưng chỉ là nền hòa-bình mong-manh! Các thế-lực siêu-cường vẫn còn hầm-hè, đe-dọa, chứa ẩn những vũ-khí rùng-rợn có thể đi đến tận thế bất cứ lúc nào nếu loài người chưa sớm tỉnh-thức về “*nhân bản*” và tìm được một học-thuyết mới xây-dựng trên hòa-hài.

Lịch-sử của loài người là lịch-sử phát-triển hội nhập để tiến tới một thế-giới an-lạc, khai-phóng và sáng-tạo. Qua các thời-đại, con người tiến từ những đơn-vị lẻ-loi tới các thị tộc, bộ tộc, lãnh địa và quốc-gia. Các tập hợp vượt lên trên đơn-vị quốc-gia là tiêu-đích phải đạt tới vì nhu-cầu tiến bộ và thịnh-vượng chung của cả loài người. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn đang chập-chững vì quá trình phát-triển đã tiến hành qua hai đường lối xung khắc: *Kết hợp đồng thuận và chiếm đoạt bức bách*.

Thế-giới loài người từ 5 thế-kỷ nay bị chia làm hai: một bên là các đế-quốc, xứ sở của những tập-đoàn bóc lột, một bên là các nước nhược tiểu, xứ sở của những dân-tộc bị bóc lột.

Tình-trạng phát-triển chênh-lệch dựa vào vũ-lực và kỹ-thuật đã đưa loài người vào những mâu-thuẫn không thể không giải-quyết bằng chiến tranh: mâu thuẫn đế-quốc với đế-quốc, và mâu-thuẫn đế-quốc với nhược tiểu.

Trước năm 1945, nhân tố đưa đến các cuộc chiến tranh lớn là vì các đế-quốc trên đường chiếm đoạt và bóc lột phải va chạm quyền lợi và xô-xát để tranh quyền bá chủ. Hàng ngũ đế quốc thừa dần vì các đế-quốc nhỏ bị hủy-diệt trên đường bành-trướng của đế-quốc lớn.

Sau thế chiến 2, sự thất trận của một số đế-quốc

cùng với sự trưởng-thành ý-thức độc-lập nơi các thuộc địa là động lực làm bùng nổ mâu-thuẫn đế-quốc với tiểu nhược. Các dân-tộc bị trị theo nhau vùng dậy đánh đế-quốc, giành quyền làm chủ đất nước và vận mệnh của mình. Các đế-quốc còn tồn tại hay vừa phục-hoạt sau 1945, một mặt phải đối phó với cuộc quật-khởi quyết liệt của các dân-tộc bị áp bức, một mặt tiếp-tục bành-trướng. Vì những thắng lợi lớn lao về phía các nhược tiểu và sự thức-tỉnh của lương tâm loài người, đường lối bành-trướng của đế-quốc chủ-nghĩa đã phải chuyển hướng: bớt thô-bạo nhưng thêm phần quỷ-quyệt. Vũ khí, chiến cụ chỉ được sử-dụng trong những trường-hợp đặc-biệt (Tây Tạng, Hung, Tiệp, Việt Nam...). Các dụng-cụ xâm-lược mới là viện-trợ, hiệp-ước liên-minh, ý-hệ,...giữ vai-trò chính yếu. Nhưng chính đây mới thực-sự là bộ mặt hiểm độc, lợi hại của chủ-nghĩa *tân đế-quốc thực-dân*, vì nó trở nên khó nhận diện, khó khám phá và do đó cuộc đối phó càng khó-khăn hơn.

Chủ-nghĩa tân đế-quốc thực-dân mới ra đời sau thế chiến 2, quy tụ vào hai khối mang màu sắc ý-hệ và thể-chế khác nhau, nhưng cùng duy-trì then chốt hiếu chiến, bóc-lột và gian-trá. Các dân-tộc nhược tiểu bị dùng làm con cờ, đất nước biến thành chiến địa và gánh chịu mọi tai họa. Không có kẻ thắng người bại trong cuộc chiến giữa các dân-tộc nhược tiểu. Sau mỗi cuộc chiến, hai phe đế-quốc đều thắng và hai phe tiểu nhược đều bại.

Cục diện mới đã giúp các dân-tộc nhược tiểu nhìn mặt kẻ thù rõ hơn: *Các chiêu-bài và mặt nạ lý tưởng chủ-nghĩa đã tan vỡ khi các đế-quốc dàn hòa, phân trị*.

- Đế quốc Hoa-Kỳ: Thành viên giàu mạnh nhất trong hàng ngũ đế-quốc. Đặc-tính của đế-quốc này là làm giàu bằng chiến tranh cũng như hòa-bình, thiên về khuynh-đảo hơn là công-khai xâm-lược và triệt-để lợi dụng ưu-thế vật-chất trong công cuộc bành-trướng như bản những lại chuyên viện dẫn các lý-tưởng đạo đức. Gọng kìm kinh-tế và quân-sự của Mỹ đè nặng trên rất nhiều khu-vực rộng lớn trên thế-giới. Là kẻ chủ xướng “*thời đại thương thuyết*” nhưng vẫn duy-trì thái-độ cứng rắn tới đa trong việc bảo-vệ quyền

lực đế-quốc của mình. Sức mạnh của Mỹ là khả-năng quân-sự, kinh-tế và văn-hóa đồng đều vào bậc nhất thế-giới.

Thế yếu của Hoa-Kỳ là sự tranh chấp quyết-liệt trong nội bộ giai-cấp tư-bản lãnh-đạo và sự phân hóa khó có thể hàn gắn được phát sinh từ xung khắc giữa giàu nghèo, màu da, thế-hệ, v.v...

- Đế quốc Trung Hoa, một cường quốc có khối dân số khổng-lô nhất, và đang phát-triển mạnh-mẽ về quân-sự và kinh-tế. Đế-quốc này từ xưa không ngừng mở rộng ảnh-hưởng và đã thi-hành tính xâm-lược lớn lao. Tham vọng đế-quốc bị đè-nén sau một thời-gian bị Tây phương xâu xé, nay đã phục-hoạt dưới mặt nạ chủ nghĩa cộng sản theo kiểu Mao. Trung Hoa đã chủ-động nhiều cuộc khuynh-đảo ở một số quốc-gia nhược tiểu, đặc-biệt đã chi viện cho các lực-lượng địa-phương để bành-trướng thế-lực đế quốc. Tuy thế, Trung Hoa vẫn tự nhận thuộc hàng ngũ “*nhược tiểu chống đế quốc*”, với ý-đồ nắm quyền lãnh-đạo các dân-tộc bị áp-bức làm vây cánh cho mình trên trường quốc-tế. Dù sao thực-chất Trung Hoa vẫn là một đế-quốc, địa-vị vẫn là một siêu-cường, không vì lý-do gì có thể đứng chung trong hàng-ngũ các dân bị áp-bức.

- Đế quốc Nhật đã chuyển tham-vọng đất đai sang tham-vọng kinh-tế từ khi bị tước-bỏ mọi thuộc-địa cướp được trong lục địa Châu Á. Rập khuôn lề-lối phát-triển và thao-túng kinh tế của Hoa-Kỳ, Nhật bám vào thế-lực đế quốc Hoa-Kỳ để xây-dựng riêng một đế-quốc kinh-tế ở Đông Á. Đế quốc Nhật khai-thác mọi tình-thế để làm giàu. Tài thao-túng của Nhật ngày càng tinh-xảo, đến nỗi Nhật có cả khả-năng vơ-vét, bóc-lột các dân-tộc nhược tiểu ngay trong chiều-bài “*trợ giúp*”. Phong-trào quân-phiệt và công-cuộc tái vũ trang đang tiến-hành ở Nhật với khích-lệ của Hoa-Kỳ là một hiện-tượng đáng quan-ngại đối với các dân-tộc Đông Nam Á.- Tập-đoàn đế-quốc Tây Âu: Gồm các cựu đế quốc thực-dân châu Âu bị loại khỏi hàng-ngũ đế-quốc sau thế chiến 2. Các đế-quốc này đã tổ-hợp lại thành khối EURO. Tuy sức mạnh chưa thể tung ra ngoài châu Âu, nhưng

tiềm-năng đế-quốc của tổ-chức này rất đáng ngại vì ảnh-hưởng, cơ-sở và tay-sai còn đầy-rẫy ở các cựu thuộc-địa...

Chung sống hòa-bình là nguyện-vọng của mọi dân-tộc trên thế-giới. Phát-xuất từ nhận-định loài người chỉ tiến-bộ trong sự hòa điệu của các đơn-vị quốc gia. Con người không thể sống an-toàn và hạnh-phúc trong một thế-giới đầy hận thù, chém giết. Đã đến lúc phải ý-thức rằng sự thịnh-vượng của dân-tộc này có tương-quan nhân quả với sự thịnh-vượng của dân-tộc khác.

Tuy nhiên, chung sống hòa-bình không phải là các dân-tộc nghèo yếu cam phận làm tôi-đòi cho các dân-tộc giàu mạnh. ***Nền hòa-bình bền vững và chính đáng chỉ hình-thành trên căn-bản bình-đẳng, tương lợi, bất tương xâm, và bất can-thiệp vào nội-bộ của nhau...***

Ý-hệ và tổ-chức xã-hội là những niềm tin, những quan-niệm của một dân-tộc về các vấn-đề của chính mình. Không được dùng áp-lực hay vũ-lực bắt-buộc dân-tộc này chấp-nhận ý-hệ và mô-thức xã-hội của dân tộc khác.

May-mắn thay vào những năm 1945, nhà tư-tưởng Việt Nam Lý Đông A đã hình-thành “***Bản Vị và Cơ Năng***” học-thuyết. Học-thuyết này nhằm xây-dựng cho dân-tộc và Thế-giới một mô-hình “***Nhân Bản Hòa Hài***”, một ý-thức mới cho thời-đại mới.

* **Bản Vị:** Bản có nghĩa là gốc, “vị” là ngôi (*thứ-vị, địa-vị*). “Bản vị” là một đơn-vị căn-bản.

Bản-vị học-thuyết là một học-thuyết giải-thích một uyên-nguyên, hình-thành, kết-cấu, vận-động của các đơn-vị căn-bản trong vũ-trụ.

Vạn-vật, nhân-loại y-cứ trên *luật hỗ-tương của vũ-trụ và con người*.

Trong chủ nghĩa Duy Dân, nói đến “*bản vị*” là nói đến một đơn-vị cơ-bản, tự nó tồn-tại, tự nó có khả-năng vận-động và kết-hợp với bản-vị khác để hình thành một bản-

1- Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt, “Con Đường Văn Hóa Việt”, Tập II, tr. 65, xb tại Hoa Kỳ, 2006

vị lớn hơn. Các bản-vị hydro, oxy, nam, nữ khi vận-động thì hỗ-tương, suy-động để kết-hợp thành bản-vị mới (nước H₂O, gia-đình). Trong bản-vị mới ấy, các bản-vị cơ-bản trở thành cơ-năng, đồng-hóa mình trong bản-vị mới, và coi bản-vị mới như chính mình. Mỗi vận-động của cơ-năng trở thành mỗi tương -quan của bản-vị mới. Ngược lại, bản-vị mới khi vận-động phải hỗ-trợ các cơ-năng vận-động có hiệu-quả hơn và không sai khớp với bản-vị (*thí-dụ mỗi hành-động của vợ, chồng, con cái phải phù-hợp với hướng tâm xu-thế của gia đình, nghĩa là phải đem lại hạnh-phúc cho cả gia-đình*). **Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương để tồn-tại và phát-triển.** Đó là chân ý nghĩa của sự hình thành và phát-triển trong vũ-trụ.

* Nguyên lý hình thành bản-vị:

Về vũ-trụ-luận, quan-niệm truyền-thống của Đông Phương là không chủ-trương có sự sáng-tạo ra vũ-trụ do một thế-lực nhân-cách-hóa ngoài vũ-trụ, mà chủ-trương sự *sinh sinh bất tức* của vũ-trụ là **“thái cực”**.

“Thái cực”, chỉ là cái nguyên-lý của trời đất muôn vật. Trong “thái cực” tiềm-tàng cái lý động tĩnh âm dương để biểu-hiện ra thiên hình vạn trạng. Do đó, không nên gượng ghép coi “thái cực” như đáng thượng đế, hay Chúa Trời! Thượng đế chỉ là nguồn sinh của vũ-trụ, ở khắp vũ-trụ, là bản-thể của vũ-trụ muôn loài. Vũ-trụ và muôn vật chỉ là những hình-tượng biến-thiên, những phần tử nhỏ-nhỏi của đại thể vô-biên.

- Lão Tử nói : “*Đạo pháp tự nhiên*”, và tất cả đều sinh ra một cách tự nhiên, không có dụng ý của trời đất về sự tốt xấu gì đối với chúng, theo nghĩa tốt xấu của nhân văn.” (*khác với tư tưởng Thiên Chúa giáo: “mọi vật đều do Thiên Chúa tạo dựng, riêng con người mắc tội tổ tông*).

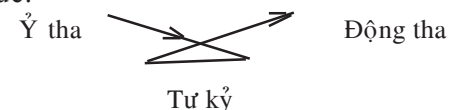
- Tương tự, Trang Tử không thừa-nhận có “*tạo hóa*”, có chủ-thể sáng tạo, mà ở mỗi vật đều có cái sức *tự sinh, tự hóa bên trong*. Sự biến-hóa là do từ cơ-vi mà ra...

Mỗi sự vật trong trời đất khi tự thành đều do nguyên-ủy:

A/ Lực duy-trì, tác-hợp và phát-triển:

Mọi sự vật, khi vận-động sẽ phát sinh ra các lực *qui tâm* và một lực *ly tâm* để tạo nên một quân hành trạng-thái, để bản-vị tồn tại và phát-triển. Đối với trái đất, lực qui tâm là sức hút và lực ly tâm là sức đẩy của trái đất. Ở con người, lực qui tâm là sự hướng về mình, lực ly tâm là hướng về người khác. Lực hướng tâm vận động và hướng tha vận động phát-sinh cùng một lúc để phát-triển, củng-cố và bảo-toàn bản-vị, đồng thời tạo ra sức vươn lên (*hướng-thượng*) của con người. Như vậy sức qui tâm và ly tâm của mỗi bản-vị khi vận-động hỗ tương tác-động vào nhau (*đối lập thống nhất*), giống như một thổi nam-châm, một trục mà hai đầu đối nhau.

Quá trình “*hỗ tương nguyên nhân*” này có thể diễn ra thành công-thức:



(*Tự kỷ là tự thân, tự mình; y tha là vận động từ ngoài vào mình; động tha là vận động tự mình ra ngoài. Nói cách khác, y tha chỉ sức hút vào trong, động tha chỉ sức đẩy ra ngoài*).

Tự kỷ, y tha và động tha hỗ-tương vận-động và kết-hợp mà sinh ra vạn vật, đó là nguồn-gốc của sự hình thành các bản-vị trong vũ-trụ, vạn vật và nhân-loại, mà trong kinh Dịch gọi là “*Sinh sinh chi vị Dịch*”, hay Phật học gọi là “*trùng-trùng duyên khởi*”, “*vô hạn cứu cánh*”. hợp nên nhân-loại.

Hy-vọng, ngày nào nhân-loại sớm ý-thức về “*nhân bản*”, và áp-dụng “*bản-vị học-thuyết*”, tổ-chức thế-giới sẽ thực-hiện được giấc mơ đại-đồng của loài người một cách cụ-thể và đúng thực.

Thế-giới đại-đồng có thể thực-hiện được nếu tiến tới bằng con đường “*nhân loại bản vị*”, “*dân-tộc bản vị*” hỗ-tương vận-động và kết-hợp qua các trung-gian cộng-đồng dân-tộc.



Nước, nguyên-lý sống của dân-tộc Việt.

Viết để kính nhớ quý vị: Lạc Nguyên Chương, Hoài Nguyên,, bác Cả Chính , Lê xuân-Mai, Lữ tấn-Hồng, Nguyễn Hữu-Phường,...

**Nước, phân, cần, giống, theo cung bậc
Cho nhà nông, trong việc cấy cày
Trải nắng mưa, tháng ngày dầm-dải.
Kinh-nghiệm truyền, từng trải nhiều năm.**

**Điều thứ nhất, không làm chia cách
Dù phép nào, rút kiếm lại liền.
Rắn, lỏng hơi, nước kiêm ba thể
Theo tiết trời: Xuân, - hạ -thu - đông.**

**Tính kiên trì, lòng không đổi dạ,
Câu ca dao, nước chảy đá mòn.
Tinh vuông tròn, nét son đạo sống
Cây nhờ gốc như nước có nguồn.**

**Đối đất nước một lòng dũng cảm,
Mạnh vô song, nước lửa hai điều.
Dù một vùng chia nhiều ruộng nước
Phá bờ đi, nước lại chan hòa,**

**Điều đáng ca tham gia việc nước,
Chẳng ỷ công, cầu tước thăng quan
Khi nợ nước lo toan đền đáp,
Nợ tang bằng vay trả, trả vay.**

Thái Việt,

Chính-nghĩa ở đâu?

Tuổi niên thiếu, sinh thời tao loạn:
Chống thực dân, hoạn nạn muôn dân!
Phát Xít Nhật vì cần chiến liệu,
Bất trồng đay, gây triệu thương tâm!

Quốc hay Cộng chẳng cần phân-biệt?
Giai-đoạn đầu miễn diệt thực-dân.
Quốc-dân đảng, bị ngăm ám toán
Cùng Đại Việt tán loạn tiêu vong!

Trên chính trường oai phong chễm-trệ
Lũ Cáo Hồ, bệ-vệ độc tôn!
Thờ tư tưởng Mác Lê chủ chốt
Chẳng còn coi Tổ Quốc vào đâu!

Ngọn giáo Việt, nguyện làm xung kích,
Cho Nga xô, Tàu Cộng quan thầy!
Việt Cộng, bọn tay sai ngoại thích
Đấu tố khủng, dứt Bỏ tình người !

Lịch sử Việt đời đời anh dũng
Giang sơn còn, kiếp kiếp vững bền
Hãy vạch mặt sâu dân hại nước
Nguyễn Tất Thành, Hồ cáo xú danh.

Đón xuân 2022,
Thái Việt,

Hình Tượng Sống:

Cá Nhân và Dân Tộc, Hai Đơn-Vị Chính-Yếu

Theo ông Hoài Nguyên: “ Dân tộc là một tổ chức sinh-thể tương-đương với mọi tổ-chức sống khác, một bầy mối cũng là một sinh-thể như một con mối ; một rừng tre cũng là một sinh-thể như một cây tre. Bầy mối, con mối, rừng tre, cây tre,... là những đơn-vị căn-bản của sống mối và sống tre,... thì một dân-tộc cũng hiện hữu, còn mất, thịnh suy, ...như một người cũng đòi-hỏi mọi săn-sóc cần thiết, và cá-nhân, dân-tộc là hai đơn-vị căn-bản của sống người.

Cũng là tổ chức sống, là hiện hữu cả, nhưng sống dân-tộc là một sống lâu-dài, sâu-rộng hơn cuộc đời của mỗi người (một người chỉ như một giọt nước trong một dòng nước). Nhiều dân-tộc đã có lịch sử từ nhiều ngàn năm và vẫn còn tồn tiến, nhưng cũng rất đau lòng có nhiều dân-tộc đã tịch-diệt hay đang lâm thế tịch diệt. Nhờ vào sống dân-tộc mà cá nhân lưu truyền được lâu mọi hình tích của mình trong cuộc sống., từ bóng dáng cơ thể đến tính tình đến tâm tư, sự nghiệp. Có nghĩa là hữu danh hoặc vô danh, cá nhân vẫn tồn tại dưới một thể trạng khác trong dòng tộc của mình. Dòng tộc còn thì cá nhân còn, cá nhân chỉ thật sự tiêu ma khi dòng tộc của mình đã tịch diệt. Cũng chính vì thế mà cá nhân đóng góp trên cả hai chiều xây và phá vào thể sống của dòng tộc. Khác với sống muôn loài, nhất là ở

những tổ-chức chặt-chẽ như côn trùng - Ở sống người, cá nhân không phải chỉ là một đơn vị đếm trong một dân số đông đảo. Mỗi người là một “**nhân vật**” ảnh-hưởng không lớn cũng nhỏ, không hữu danh cũng vô danh, không chiều thuận cũng chiều nghịch tới thể tồn vong của dòng sống, là căn cước gốc của mình. **Làm lợi hay làm hại cho dân tộc cũng là làm lợi hay hại cho bản thân. Không thấy biết dân tộc là không thấy biết căn-cước của mình, tức là không thấy biết bản thân, và là tự loại mất đi sức hỗ tương làm bằng khai những tiềm-năng nơi bản thân** (những ai đã dự những cuộc ganh đua quốc tế biết rõ sự kiện này hơn ai hết) và **mất đi ánh sáng soi đường dẫn tới những thành quả tiến hóa mà tinh thần và lợi danh chỉ lo cho một bản thân hay gia đình không đạt nổi.**

Đó là một trong mấy trọng yếu phân biệt giữa “sống người” với “sống muôn loài”. Càng ở vị trí trọng yếu trong guồng máy xã hội, ảnh hưởng cá nhân càng mạnh.

Như vậy giữa hai “sống dân tộc” và “cá nhân” có liên hệ hỗ tương trên cả hai chiều xây và phá.

Nhưng chẳng phải chỉ có vậy, những sống tập thể nhất là “sống dân tộc” nếu được ý thức sáng sủa còn đưa cá nhân thoát vòng sinh hoạt độ nhật, kể cả cuộc sống danh lợi, xênh-xang, hợm-hĩnh hay bi-lụy vong thân giữa thời, không vô hạn.

Những sống tập thể, nhất là “sống dân tộc” một khi được ý thức thành khẩn còn là nguồn nghị-lực phi thường cho con người, thấy say sưa, hào-hùng đương đầu với mọi thử thách không phải với thái-độ vong mạng của kẻ dửng phu, mà với một tập-trung sắc bén của hàng thức giả. Như vậy ở người, ta thấy trên một nếp sống tập thể, mỗi chi nhánh và mỗi cá nhân nảy-nở một bản-sắc của mình, và góp ảnh-

hưởng vào thế thịnh hay suy chung của tộc loại. . .

Chính nhờ có nối tiếp rộng và lâu nên cuộc đời cá nhân không thật sự là chấm dứt. Dòng sống còn thì cá nhân còn. Cá nhân chỉ thật sự chết khi dòng sống truyền từ trước đến nó về sau đã bị chấm dứt.

Những trình bày trên dựa trên câu hỏi then chốt, thế nào là sống, thế nào là chết? Cái gì tồn tại, cái gì tịch diệt?

Sống và chết ở đây đồng nghĩa với tồn tại và tịch diệt, nhưng không phải sự tồn tại hay tan biến của một vật vô tri, mà là sự tồn tại hay tịch diệt của một tổ chức có ngã thức (self conscience) hoạt động thấu phát đồng quy vào một chủ trương. Chủ trương này chính là sự tồn tiến của tổ chức giữa tất cả những liên hệ của nó với những tổ chức khác. Nhận thức này áp dụng cho một sinh vật, kể cả một người cũng như cho mọi loại tập thể trong đó sinh vật ấy là một thành phần. Nên biết một cơ thể sinh vật đã là một kiểu tổ chức hoạt động thấu phát như vừa nói. Những tổ chức khác đều có những hoạt động tương tự nên gọi là sinh hoạt. Có sinh hoạt và nhất là sinh hoạt nhắm rõ vào chủ hướng tự tồn tiến một cách thông minh, đấy là có sống. Sống càng yếu, càng dần tịch diệt khi sinh hoạt lờ-mờ, thoi-thóp và nhất là mất chủ hướng thống nhất tuần tự và sâu rộng. Nói chi một tập thể xã hội, ngay một cơ thể là một tổ chức chặt-chẽ và tinh-vì mà chừng nào thống nhất sinh hoạt lung-lay hay chỉ còn là những sinh hoạt vô thức (vie négative) thì cũng là lúc cơ-thể lâm vào thế tan-rã. Như vậy ta biết một người không phải chỉ là một cơ thể di động nhằm tự sinh, tự dưỡng mà có nhiều sinh mệnh như sinh mệnh xã hội, sinh mệnh chính trị, sinh mệnh nghề nghiệp, trong đó cái sống của cơ thể là sinh mệnh sinh lý.

Tuy là sinh mệnh cơ bản, nhưng sinh mệnh sinh lý lại là sinh mệnh tốt nhất. Nhiều trường hợp mất cả quyền sống nữa, chẳng hạn như một bào thai có thể bị hư, một phạm nhân có thể bị hành quyết, một thuyền nhân trôi dạt trên biển cả có thể bị bỏ mặc cho chết,... những quan sát này cho ta mấy nhận thức quan trọng:

Thứ nhất: Ngoài cái “ta” sinh lý ở một cơ thể, con người đều thụ đắc trên đường trường sinh hoạt với xã hội. Thí dụ như cái ta thụ đắc trong những sinh hoạt kinh tế, cái ta nghệ sĩ thụ đắc từ những thưởng thức nghệ thuật của xã hội, cái ta danh nhân thụ đắc trong những sự nghiệp mà xã hội ghi công....Nói chung danh phận của một người đều được xây dựng trong khuôn khổ xã hội. Khuôn khổ này sinh động và luôn luôn là những hệ số hoặc thuận hoặc nghịch cho công việc và kết quả của những xây dựng ấy. Trong xây dựng, chủ yếu vẫn là ở con người tự xây trong chọn lựa những đường hướng mà xã hội vạch lên và những chất liệu do xã hội cung ứng. Không có cung ứng thì sinh hoạt tê-liệt, không có vạch lên đường hướng thì đầu óc bơ-vơ, không phát triển cả hai đều là những báo hiệu của hủy diệt.

*Ngay cả những con người phi thường có thể làm thay đổi bộ mặt xã-hội cũng không vượt ngoài những vấn đề mà xã hội đặt lên và những dữ-kiện mà xã hội đưa ra. **Danh nhân là danh nhân trong một tình thế của xã hội.***

Thứ hai: Tất cả những cái “ta” của một người (tức là những sinh hoạt) thống nhất ảnh hưởng lẫn nhau, hiện xuất lên một nhân vật với trọn vẹn tướng mạo của nó, khác nào những giẻ của một giây chao xoắn vào nhau tạo nên đặc sắc của giây ấy.

Thứ ba: Những cái “ta” có thể mất đi từng cái một, cũng y như giẻ giấy chao có thể đứt từng đẽ một, tương tự một nhân vật có thể mất sinh mệnh chính trị chỉ vì lầm lỗi trong sự gian dối; một thày thuốc mất sinh mệnh nghề-nghiệp chỉ vì chẩn bệnh bất cẩn. ... Chúng ta thấy ngay mỗi mất ấy là một sự suy yếu quan-trọng cho cuộc đời, dẫn tới gần sự hủy-diệt. Khác với ở muôn loài, mọi đặc-sắc đều nằm trong cái ta sinh-lý. Cơ thể chết, cá vật không còn hình tích, mọi đặc sắc nhập trở vào chung loại. Ở người, trừ cái “ta” sinh lý, mỗi cái “ta tập thể tính” nói trên mất đi vẫn có thể phục hồi hay phát triển một cái “ta” khác thay thế - Tất-nhiên là phải có một xã-hội hỗ trợ cho nó trong chọn lựa tái tạo và phát-triển.

Mọi điều ít được chú ý là cái ta sinh lý mất đi vì lẽ này hay lẽ khác, nhưng thường những cái “ta tập thể tính” vẫn tồn tại trong ký-ức của tập-thể và vẫn có những sức tác động mạnh. Hồn danh nhân thường là chất men làm hăng say cả một dân tộc trong đấu tranh sinh tồn. Hiện-tượng “hồn thiêng” không phải tồn tại trong mây gió như Thúy Kiều tưởng tượng “Trông ra ngọn cỏ lá cây, Thấy hiu-hiu thổi thì hay chị về...” mà tồn-tại ngay trong tâm khảm chung của tập-thể, tức là trong cõi “vô thể chất” (le mode immatériel), nếu mượn từ-ngữ của khoa điện toán thì ta gọi là “memory” của một dân tộc, còn từ-ngữ văn-chương thì gọi là “**hồn dân-tộc**” hay “**khí thiêng sông núi**”.

Ở những xã-hội mà hai ngành học này lu mờ, mất vai trọng tâm của học thuật thì nội lực xã-hội bạc-nhược, dễ tan-nát, nhất là không có khả-năng tự chủ,....

Xã-hội và dân-tộc, hai ý-niệm này luôn-luôn

lồng lẩn vào nhau và trong đời sống ngày nay, trong vòng ảnh hưởng của những dân tộc mạnh, người ta thường nói đến xã hội nhiều hơn là dân tộc! Muốn rõ sự khác biệt giữa hai sống tập thể này, ta nhìn vào sự khác biệt giữa một dòng sông và một khúc của sông đó. Đứng trước một khúc sông Hồng, ta có quyền chỉ: Đây là sông Hồng. Xin đơn-giản hóa cho dễ nhận. Dân-tộc là một dòng sống đi từ quá-khứ tới tương-lai.

Lịch-sử của nó là những ghềnh thác đã phải vượt qua, những khúc đã phải quanh . Hiện tại của nó là xã-hội đương thời như một khúc sông trước mặt, hiện tại của nó có nhiều vấn đề, cũng như khúc sông trước mặt cũng có một số vấn-đề, chẳng hạn như nạn ô-nhiễm, hay những cồn cát làm nghẽn dòng sông.

Với những dân tộc đang đà tiến phát mạnh, nguyên cả dòng lịch sử đã được bảo đảm thì quá khứ vẫn phát triển trong hiện tại, và tương lai cũng theo nguyên cái đà đang có mà đi tới. Vì vậy họ nhìn xã-hội cũng là nhìn dân tộc, nói hiện tại cũng là nói nguyên dòng sống. Những dân tộc nhỏ yếu đang dẫy-dụa, ngất ngư để sinh tồn, lịch sử không thẳng dòng đương nhiên như vậy. Những giải-pháp cho mọi vấn đề, nếu chỉ là những giải-pháp cục-bộ, cơ-hội thì không đáp ứng đúng được vấn đề chính yếu là sự tồn tiến của dân-tộc. Vấn đề nào cũng phải được đặt trong tầm nhìn suốt dòng sống, không thể đi mô phỏng, chấp vá mà giải quyết được. Không thể vin vào thái độ vụ thực để chỉ chú mục vào những chuyện trước mắt. Nếp nghĩ “pragmatisme” chỉ đủ cho những dân tộc vững vàng trên quỹ đạo của họ - Với những dân tộc này dòng sống được bảo đảm liên tiếp xưa nay mai là một.

Tới đây, chúng ta cũng cần minh-bạch

sự khác-biệt giữa dân-tộc và quốc-gia....

Trước hết, nói đến quốc-gia, ta phải nói đến ba thành-phần chính-yếu và pháp quyền của nó. Thành-phần căn-bản là một quần sinh (agglomeration) đang sinh hoạt - Thứ hai là lãnh thổ cho quần sinh ấy sinh hoạt - Thứ ba là một guồng máy điều lý các ngành sinh hoạt của quần sinh, trong đó việc bảo-vệ lãnh thổ và an ninh trật tự là tiên quyết. Phải có sự điều lý này thì quần sinh mới kết nên được thành một xã-hội, tức là một tập thể sinh tồn có sinh địa được bảo đảm, có tổ chức và an-ninh trật tự - mọi ngành sinh hoạt, xã hội cùng với mọi thành phần của nó có thể để trường tồn. Vì nhu cầu chung ấy mà việc điều lý trở nên một pháp quyền gọi là chính quyền. Việc điều lý chính quyền gọi là việc chính trị. Guồng máy này hoặc do nhân dân công cử qua một số đại diện, hoặc do nhân dân hoan-hỷ chấp nhận. Như vậy, chủ quyền chính trị quốc gia đúng lý phải là chủ quyền của nhân dân, guồng máy cầm quyền là guồng máy bởi nhân dân mà có, và làm việc cho nhân dân. Không có nhân dân không có quốc gia.

Chúng ta vừa hình dung lên một quốc gia đúng nghĩa của nó tức là một xã-hội có pháp quyền trên một lãnh thổ, và có một guồng máy chính quyền để điều lý việc phát triển và trường tồn của xã hội.

Trong tiến hóa phát triển của quốc gia, guồng máy chính quyền với tầm quan trọng của nó cũng phát triển và tiến hóa theo, dần-dần dẫn tới rất nhiều lạm dụng mà đại thể là sự chiếm đoạt chính quyền của tập thể làm chính quyền riêng của một người, của một dòng họ, một đảng! Tình trạng này tách xã hội thành hai tầng lớp cách biệt nhau một thống trị ngự trên mặt tầng,

và một bị trị sống lầm than dưới đáy!

Thông thường, chúng ta gọi quốc gia là “nước”. Hễ xã-hội mất tầng mất quyền thống trị và bóc lột nhân dân thì gọi là “mất nước”. Thực ra nhân dân mất nước ngay từ khi mặt tầng chiếm đoạt xã hội thành của riêng mình.

Ở trên, chúng ta đã thấy “quốc gia” là thành quả việc một dân tộc tự tổ chức lên thành một thực thể chính trị trên vùng sinh địa của mình để duyên trường và phát triển. Nhưng đây chỉ là vào thời nguyên khởi. Khi đã có những chuyên quyền lạm dụng và quốc gia chỉ còn là thực thể chính trị của xã-hội mặt tầng thì xã hội này sử dụng thế lực trong tay đi thôn tính những quốc gia khác. Những quốc gia thống trị những quốc gia khác thường cần có một nền văn hóa để “gói” quốc gia bị trị làm một. Nền văn hóa này là “**văn hóa thống trị**”, quốc gia bị trị lâu ngày bị triệt tiêu mất nền văn hóa dân tộc của mình, mất dân tộc tính, và mất cả đến tiếng nói, chữ viết.

Nhiều dân tộc tại Mỹ Châu và Phi Châu đã tịch diệt hay đang ngắc-ngỏi với nền văn hóa còn leo-lét của họ!

Tóm lại, một dân tộc mất “nước” thì văn hóa lâm nguy, mà văn hóa lâm nguy thì dòng sống suy yếu, không phát triển, tiến hóa được, chóng chày sẽ bị tàn lụi.

Vấn đề sai khớp quốc gia một đảng, dân tộc một nẻo ngày nay là một vấn đề rất bề-bộn, phức-tạp, giải pháp tùy mỗi cảnh ngộ.



Thế nào là **DÂN CHỦ**

Nhìn vào dòng sống sử, “Nhân Chủ” bao giờ cũng là nguyện-vọng thiết-tha của con người. tuy nhiên “nhân chủ” đòi-hỏi phải đấu-tranh - Đấu-tranh nơi chính mình để tự thắng, đấu-tranh với tà thuyết, nguy nghĩa để làm sáng ngời **Thắng Nghĩa Duy Dân**, đấu tranh với mọi thế-lực đi ngược lại xu thế **sống, còn, tiến, nối, hóa** của loài người. Văn minh **nhân chủ** luôn-luôn hàm ý **cách-mạng và kiến-thiết**.

Trước khi nói đến “Cách Mạng”, chúng ta cần chỉnh lý một số danh-từ “dân chủ”, “chính trị” và “cách mạng” đã bị “méo mó” qua thời đại!

* **Dân chủ:** “Dân chủ thường được ca ngợi trong thế-giới Tự Do ngày nay là hình ảnh của giàu có, bình đẳng và khoa học. Tiếc rằng, thực sự căn-bản dân chủ ngày nay là chủ nghĩa cá nhân, cho nên chính thể dân chủ là kết quả chính trị của chủ nghĩa cá nhân - Có tiền mới có bình đẳng!”

Muốn co dân chủ chân chính phải hiểu rằng trong “dân” có “nhân”. “Nhân” là con người, mà nói đến con người thì phải nói đến “nhân tính”. Sống là tiến hóa, nên mỗi cuộc sống cần được thăng hoa và là một đóng góp cho xã hội. Xây dựng xã hội là xây dựng trên nhân tính, y cứ trên điều kiện thực tại của xã hội, trên nguyện vọng và nhu cầu hiện tại cũng như tương lai. Do đó, chính trị và cách mạng phải đi đôi với nhau. Chính trị không thể là sự áp đặt một chủ-thuyết, cũng như không thể là sự thi-hành những mưu-lược, sùỵ đồ cá nhân...

“Nói đến dân chủ không thể nói một cách mơ hồ trống rỗng, mà phải cụ thể hóa đến lý tắc, đến chủ trương xây dựng xã hội, quốc gia như thế nào?”

“Muốn có chân ý nghĩa “dân chủ”, về mặt thực hiện cần có 4 điều kiện:

1- Dân chủ trực tiếp là tự nơi người dân hiểu một cách căn bản và nắm vững về bầu cử, ứng cử, tu chính hiến pháp mà không bị lợi dụng, lừa dối hoặc bị uy hiếp.

2- Dân chủ toàn dân là quyền dân chủ ở trong tay đại đa số dân chúng, chứ không phải ở một nhóm, một giai cấp, hay một đảng.

3- Dân chủ thực tại là ngay từ trong xã hội, người dân được thực sự bình đẳng trên điều-kiện kinh-tế, và giữa nam cũng như nữ có sự hợp tác ngang hàng.

4- Dân chủ nhân chủ là khi thực quyền của con người không bị ràng buộc, lệ thuộc dưới bất cứ hình thức nào. Tự giác ngộ quyền lợi chân chính của mình mà nắm giữ và có đủ khả năng để duy trì,

Để đạt được 4 điều kiện này, chính phủ phải đặt giáo dục nằm trong chiều hướng phục-vụ nhân sinh làm cốt cán.

Kế hoạch và chế độ dân chủ xã hội hóa phải tránh được những lũng đoạn về kinh tế trong tay một cá nhân hay bè nhóm. Động cơ tâm lý của kinh tế là “**nhu yếu**” chứ không phải là “dục vọng”.

Tổng quát, muốn dân chủ phải hiểu thế nào là “dân” (xã hội tính), trong xã hội yếu tố nào là “bản vị”, cá nhân hay gia đình? Trong dân lại có “nhân” nên cũng phải tìm hiểu thế nào là “nhân tính, “nhân sinh”, “nhân đạo”.

* **Chính trị:** “Danh từ chính trị gần đây thường bị hiểu một cách “méo mó, trào lộng, chính trị đồng hóa với “chính chị, chính em” và “chính trị gia” thành “chính khứa”!

“Chính trị theo nho học “chính giả chính dã”, chính trị là ngay thẳng. nói cách khác chính trị là thiết lập một kế hoạch, chương trình cho sự sống còn của quốc dân sao cho thật xứng đáng nhân chủ và dân chủ chân chính.

“Chính trị theo quan điểm nhân bản là công việc điều lý nhân tính trong sinh hoạt quốc dân, lấy giáo dục làm khởi điểm và cũng là chung điểm.

*** Cách Mạng:** *“Nhiều người thường hiểu lầm cách mạng là một vận động chiếm lãnh chính quyền và sử dụng chính quyền để thi hành một chính sách.*

“Cách mạng nên quan niệm là một vận động tiến hóa, một nỗ lực hòa nhập giữa những thực tại đối lập để thiết dựng một sống mới tốt hơn cho cái chung và riêng, Nói cách khác, cách mạng là một nỗ lực đưa ta vào người, đưa người vào ta, đưa chủ vào khách, đưa khách vào chủ, đưa đơn vị vào toàn khối, đưa toàn bộ vào đơn vị, đưa hiện tại vào tương lai hay ngược lại.

“Trên phương diện đấu tranh, cách mạng là do nhu cầu của quốc dân không còn chịu đựng nổi những bất bình, phải đứng dậy để tu cải đời sống, lập nên một cuộc đời mới hơn, tiến hóa hơn, thích hợp hơn sống cũ....”

Cách mạng là công cuộc xoay đổi thời đại trên một giai đoạn diễn tiến xoáy tròn ốc có nút tết; ý nghĩa và tác dụng của cách mạng là tu chỉnh và cải tiến xã hội cho hợp lý hơn, tiên bộ hơn.

Cách mạng có văn hóa của cách mạng. Cách mạng cần phải có một tinh thần siêu nhiên và tiềm tàng tinh thần lãnh đạo để đợi thời cơ thực hiện lý tưởng và nguyên tắc của cách mạng.

Để có một chủ trương dân tộc thích hợp, ta cần phải truy cứu lịch sử về truyền thống dân tộc

cách mạng với nhu yếu của ngày nay. Những chủ trương của Bùi Viện, Nguyễn Trường Tộ với dấu tích của hiến pháp vận động phải lực lợi ra, những văn tập tản mác của Sào Nam và Tây Hồ phải sưu tầm lại; các cuốn “Việt Văn Minh Khởi Điểm Sử” và “Pháp Việt Đề Huê” đáng cho chúng ta nghiên cứu, phân tích và bình giải lại. Tất cả những văn hiến cách mạng và kháng chiến, khởi nghĩa, Sát Thát, Bình Ngô, Tây Sơn, Cần Vương v.v... phải chỉnh lý lại, sao cho có một ý nghĩa và giá trị thích đáng, thu góp lại thành một hệ thống sử tranh đấu của nước nòi.

Còn phải phát quật “Anh Khóa” với tất cả linh hồn của xã hội cũ và nông thôn, biểu hiện tự cường vận động trong dân gian. “Chiêu Hồn Nước”, “Dạy Con”, “Gọi Tỉnh Quốc Dân”,... chan chứa những phần nộ ái quốc và những cái tiếc dân tộc tự sâu trong đáy lòng của dân chúng. Những ca, vè, sấm ký đào dưỡng cho lòng người một lý tưởng, một cảm giác biết bao sâu xa, ngấm ngấm, sáng láng, bởi đấy là những khúc hy vọng, những khúc đau thương động ngừng lại của cả một thế hệ của lịch sử tinh thần.

Những thi ca diễn giảng trong Đông Kinh Nghĩa Thực, những chiếu Cần Vương, phát biểu tuyên ngôn, những gắng sức của những nhà văn hóa muốn tái kiến lại cái mô hình của toàn bộ lịch sử hùng tráng và vĩ đại của dân tộc ta trong những cuộc vận động phục hưng tinh thần dân tộc, đó là những tài liệu có giá trị làm phong phú cái kho báu của văn hóa chúng ta. Nó là “huyết thai” của Cách Mạng Duy Dân.

Thực hiện cuộc cách mạng đòi hỏi phải hai tầng 3 mặt (2 tầng: phá hoại đi đôi với xây dựng (kiến thiết); 3 mặt: toàn diện - triệt để và hướng

thượng.)

Như trên đã trình bày có cách mạng mà không thành công trên kiến thiết thì cũng chỉ là trong vòng lẩn quẩn! Kiến thiết là mục đích tích cực của cách mạng. Kiến thiết thành công cũng là chân chính cách mạng thành công. Có cách mạng và phá hoại mới có y cứ mà kiến thiết. Nhưng nếu kiến thiết thất bại còn quan hệ hơn là cách mạng thất bại vì nó là lịch sử thất bại, thái-bình thất bại!

Tất cả những thảm thương mà quốc dân Việt đã và đang gánh chịu là do bởi những cái bất hợp lý của đế quốc thực dân, những đòi hỏi của văn hóa cũ, những lầm lạc của những người tưởng mượn được tư-tưởng ngoại lai là có thể giải-phóng cho dân-tộc, nhưng thực-chất lại biến cuộc chiến dành độc-lập cho dân tộc, vì dân tộc lại trở thành **mũi xung kích, chiến đấu cho tân đế quốc Cẩm Linh hay Trung Cộng !**

“Dưới trạng-thái cực tàn hoại của văn hóa, một tình cảnh cực hỗn loạn của xã hội gây ra bởi bao nhiêu cuộc chiến tranh trên đất nước, chúng ta phải xây đắp một kiến trúc đồ xộ...Chúng ta phải xúc tiến một sự nghiệp gian nan. Đem tất cả những năng lực còn thấp kém của dân tộc văn hóa ra, .. Đối phó với tất cả thử thách trên, chúng ta bằng cứ vào cái thể nghiệm phi thường, sâu sắc của quốc dân, giác ngộ vì lam lũ, cheo leo; lớn lao lên qua những thử thách vàng đá, thành thực lại trong những phản tỉnh uyên thâm gắng sức lên, cần cù thêm lên sau cơn táp lốc. Chúng ta còn nhớ được hoàn cảnh trong và ngoài vì chưa ổn định mà có lợi cho ta. Chúng ta tự trong mình quyết tâm “thiên vạn cổ” bằng cái bối cảnh sơ phác mà thu hết sức lực mà đi lên.

Nền tảng kiến thiết cách mạng Việt là nền

tảng của quốc gia. Đất đai, dân chúng, tư nguyên, trí lực,... đều là nền tảng của kiến thiết,

Đất đai làm cho cho màu mỡ, dân chúng làm sao cho sinh động lên, tư nguyên làm cho đầy đủ hơn, trí lực và sức lực sao cho cường kiện lên,... Nền tảng thể bị tĩnh trệ, mà vận động theo phương hướng duy nhất của hướng tâm và hướng thượng, vận động lên của chúng ta bằng yêu cầu vào kiến thiết, vận động lên bởi chúng ta giác ngộ được triết học của kiến thiết, chúng ta chinh phục được bối cảnh... Hành động của cách mạng phải y cứ vào chủ nghĩa, kiến thiết của cách mạng cũng không vi bội với chủ nghĩa...

Ta phải lợi dụng kinh nghiệm loài người sống tiến bộ qua cải tạo tự nhiên để ứng dụng vào kiến thiết của cách mạng nên gọi là “kiến chế”. Nhưng trung tâm của kiến thiết vẫn là lấy xã hội quốc dân làm đối tượng vì theo nguyên tắc quốc gia là của nhân dân, quốc gia thành lập bằng nhân dân.

Cũng không thể nào theo trình tự quân chính, huấn chính hay hiến chính của “Tam Dân chủ nghĩa” hay “quá độ Cộng sản chủ nghĩa”. Chúng ta cần ý thức rõ rệt quyết định thời-cơ của kiến-thiết ở ngay chấm dứt quá độ thời cơ mà thành cái trực biện-chứng.

Chúng ta cũng đừng tưởng rằng tuyệt đối của phá hoại là phá hoại vô hạn định. Nếu tất cả cỏ cây và nhân dân đều là địch nhân, cách mạng sẽ chỉ còn kiến thiết bằng gạch ngói điêu tàn. Cũng đừng tưởng lầm rằng sau cuộc tuyệt đối phá hoại là liễu sự, như thể cách mạng sẽ chỉ là phong-kiến thống-trị. **Cách mạng là cứu dân, cách mạng là xây-dựng bằng dân, cho dân một đời mới...**

Lấy quốc dân làm mục-đích của kiến thiết, lấy kiến-thiết làm mục-đích của phá-hoại .”

Vinh Dân Chủ

Chủ của dân, ngược lời Dân chủ
Thế cho nên, mới - cũ phải bàn.
Xưa nay, trong chốn trần gian
Biết bao lời lẽ những toan dạy đời.
Khổng, Mạnh xưa nhiều lời lệ ước :¹
Ví nhân dân như nước, chở thuyền;
Thuyền kia là thế cầm quyền
Tung hoành mặt nước, thường quên sóng ngầm.
Sức sóng đáy âm thầm lắng-lặng
Khi dội lên lật đắm thuyền tàu
Cuộc đời xoay chuyển, biển dâu²
Giàu đâu ba họ, khó đâu ba đời.
Chiến sử ta, dưới thời Đông Hán
Giặc bạo tàn, oán thán dân ta.
Hai bà nổi trận phong ba,
Chém đầu Tô Định, quét tan mây mù.
Thời Lý, Trần rạn ngời sử sách:
Độc lập ta đạt cách **siêu nhiên**.³
Hòa đồng Tam giáo đồng lưu⁴
Trên căn bản Việt, chẳng ưu tiên nào.

1- Uớc lệ: Uớc =thắt buộc, quy ước; lệ = đẹp (diễm lệ);

2- Do câu 'Tang điền biến thương hải, thương hải biến tang điền'
= Ruộng dâu biến thành biển cả - Biển cả biến thành ruộng dâu -

3-Độc lập siêu nhiên là nói về mặt văn hóa không bị lệ thuộc
hay ảnh hưởng bất cứ bởi một nền văn hóa ngoại lai nào.

4- Phật - Khổng Lão, ba tôn giáo cùng lưu hành trên căn bản Đạo
cổ truyền (Đạo Thờ cúng Tổ Tiên) Việt.)

Diên Hồng quyết nêu cao **đoàn kết**.¹
Toàn dân ta **trực tiếp** đấu tranh.
Ba phen Sát Thát² tan tành,
Ngàn thu rạn-rỡ tinh anh giồng dòng.
Tiếp hậu Lê, anh hùng Lê Lợi,
Việc **nhân nghĩa** cốt vụ **yên dân**...³
Đấu tranh diệt bạo vì cần,
Giặc tan, ta lại lấy **nhân**⁴ khoan hòa.
Khác Mỹ Châu ba-hoa dân chủ
Tưởng hay ho, phù thủy cử tri.
-ng cử viên phải **bộ chi**,⁵
Thử đến phe cánh, thực thi tuyên truyền.
Chọn thua-được, **Siêu Quyền**⁶ quyết định..
Nói theo thời, hòa thịnh mà thôi.
Mua vui, góp nhặt đôi lời,
Chờ khi '**nhân chủ**' đổi đời mới vui..

Portland, ngày 10 tháng 8, 2014.

Duy Khang.

1- Thời Trần để có hiệu năng toàn dân chống giặc, triều đình đã triệu tập hội nghị các trưởng lão khắp nước về họp ở hội nghị Diên Hồng. Các trưởng lão đã đồng thanh quyết chiến đăc. Nhờ vậy mới hô hào được toàn dân chống giặc.

2- Sát Thát = 2 chữ trên bả vai chỉ sự quyết tâm diệt quân Mông Cổ.

3- Mở đầu bài 'Bình Ngô Đại Cáo' Việc nhân nghĩa cốt yên dân, nêu rõ tính thần nhân bản và quyết tâm Cứu quốc t chủng.

4- Sau khi thắng trận, triều đình lại lo cho bại quân đã đầu hàng được an toàn hồi hương.

5- Muốn ra ứng cử phải giàu có mới có tiền để chi phí..

6- Thực tế giường máy định đoạt chính sách đối nội, đối ngoại ở Hoa Kỳ là do nhóm Siêu Quyền Lực định đoạt.

Tưởng tượng đang thành-tâm đứng trước bàn thờ thiêng-liêng của các vị anh-hùng dân tộc, tất rung-cảm những tiếng vọng của **Tổ hồn, Quốc hồn, sử hồn** theo dòng sống sử vọng lại hiện tại, để thấy quanh mình những:

- Tiếng vun-vút của roi sắt, ngựa phi, và tre Đằng Ngà của đức Phù Đổng trên đường dẹp giặc Ân,

- Âm-âm tiếng sóng vỗ trên sông Bạch Đằng (*Bạch Đằng giang sông hùng dũng của nòi giống Tiên Rồng Nam Bắc Trung...*)

- Những lời thơ âm vang của muôn quân, tiến về Ung châu, Liêm Châu phá hậu cần của nhà Tống:

*Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
hư hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

(Lý Thường Kiệt)

*(Núi sông nước Nam, vua Nam ngự
Sách trời vạch định rõ rành-rành
Có sao địch dám lấn bờ cõi
Tất bại mà thôi, lẽ tất nhiên.)*

- Cùng những dư âm của muôn ngàn lời hô : **“quyết chiến”, “quyết chiến”** - Thế nước yếu lấy gì lo chiến-chinh - **“Hy sinh”, “Hy sinh”**...tại hội-nghị Diên Hồng,- Và quanh ta:

*....Ôi người xưa, Bắc Bình vương!
Đống Đa một trận trăm đường giáp công
Đạn vèo năm cửa Thăng Long
Trắng gò xương chất, đỏ sông máu mòng.*

*Giờ đây lại đã xuân sang
Giữa cố quận, một mùa xuân nghịch lũ
Ai kia lòng có chợt mang-mang
Đầy vơi sầu xứ!
Hãy cùng ta, ngẩng đầu lên, hướng về đây tâm sự
Nghe từng trang lịch sử, thét từng trang.
Một phút oai thần dậy sóng
Tan vía cường bang
Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng
Cao chót-vót mây năm mầu chiêm-nguỡng
Dài mệnh-mông một giải tới Nam Quan
Bóng ấy đã in sâu vào tâm tưởng
Khắc sâu vào trí nhớ của dân gian
Một bành voi che lấp mấy ngai vàng*

...

(Vũ Hoàng Chương)

Dân-tộc vốn là một dòng sống kết-hợp từ nhiều nguồn, hay từ một nguồn chính-yếu. Dân-tộc có một đời sông tập-thể riêng, một cộng-đồng có nếp sống văn-hóa đặc-thù, và một lịch-sử chuyển biến thịnh suy;

Dân-tộc lâm nguy khi tinh-thần tập-thể tức ý chí **sống - còn - tiến - nổi - hóa** chung bị rã-rời, tinh-thần bảo-toàn nếp sống văn-hóa bị suy yếu, và tinh-thần tự-hãnh ở nếp sống không còn. Nếu tình-trạng này đi đến kết-thúc, tức là dòng sông dân-tộc tịch diệt, mặc-dầu về mặt chủng-tộc tuy vẫn còn, những con người mang huyết chủng của dòng sông cũ đang sinh-hoạt trên lãnh-thổ cũ hay tại một nơi nào khác, chỉ là **những xác cũ hồn mới!**

Những sinh-hoạt không hồn nếu có chỉ

là những váng bọt vật-vờ trên dòng nước chảy, trước sau những huyết chủng này cũng tan hóa, biến mất trong dòng mà chúng bị cuốn theo. Đó là tình-trạng những dân-tộc đã bị tịch diệt!

Bản-chất biến-cố lịch-sử mà dân-tộc Việt bị mắc vào trong thời-gian cận-thị của triều đình Nguyễn (Nguyễn Gia-Long), tiếp là thời-kỳ Pháp đô-hộ, chuyển sang thời-gian đưng độ giữa hai siêu cường Nga - Mỹ, thâm độc nhất là Tàu Cộng, chúng lấy đất Việt Nam làm trận tuyến. Tệ hại hơn ngày nay, bước vào thế-kỷ 21, trên danh nghĩa tuy độc-lập và thống-nhất, nhưng thực-tế **yếu hèn, lệ-thuộc, cầu-cạnh, băng-hoại, bất lực, . . .**

Tinh-thần tập-thể sinh tồn tức là lòng yêu nước và tình-tự dân-tộc đã kiệt quệ ! Kiệt quệ vì một mặt nhân-dân thấy mình bị lường-gạt một cách quá sức tưởng-tượng. Chính những tình-cảm ấy tuy không chính-thức bị cấm- đoán, nhưng lại bị vận dụng sang chiêu-bài “**Yêu nước là yêu xã-hội chủ-nghĩa!**

Lòng nghĩa-khí đã chết hẳn, và chỉ còn **lợi danh, đê tiện, giáo-quyệt**. Càng trẻ càng điêu-ngoa, trâng-tráo. Tập đoàn Cộng-sản đã đào-tạo cho lớp trẻ, thay vì nuôi-dưỡng **nghĩa-khí, hào-hiệp** thì lý-tưởng khao-khát của thanh-niên thời-đại là làm sao được tuyển vào hàng-ngũ tổ-chức gọi bằng danh-từ **đảng**, và khi được tuyển vào đảng chỉ biết bảo-vệ quyền

lợi đảng trên hết, dù đi ngược lại quyền lợi dân-tộc và đất nước!

Tinh-thần dân-tộc đã hoàn-toàn bị phá-hoại; những ngôn ngữ, những việc làm liên-quan đến văn-hóa, lịch-sử dân-tộc chỉ là những công-tác hóa-trang, tuyên-truyền!

Tất cả những nét văn-hóa truyền lại từ ngàn xưa tại nông thôn như tổ-chức thôn, ấp, đình miếu, tộc đường ,... thậm chí đến cả gò, đồng, cây đa, con ngòi cùng với danh hiệu, tất-cả đều bị triệt phá, thay hình đổi dạng, khiến một người đi xa lâu ngày trở về không khác nào đến xứ lạ, và tất nhiên **những thế-hệ trẻ lớn lên là lớn trong một khung cảnh hoàn-toàn không còn liên-quan gì đến quá khứ!**

Những cú-điểm văn-hóa dân-tộc đã đương đầu với cả ngàn năm đồng hóa thời Bắc thuộc và hoá giải cả 8, 9 trăm năm cái học-thuật mị ngoại của thời vua chúa, và cũng chối-bỏ được cái văn-hóa lai-căng, bồi-bấp thời *Pháp thuộc*.

Những cú điểm làng mạc quê-mùa ấy đã bị triệt hạ! Trọng tội này, tập-đoàn cộng-sản Hồ Chí-Minh phải chịu hình phạt nào cho đúng tội đồ của chúng đối với lịch-sử dân-tộc Việt ?

Những nguy kịch này, không riêng ở trong nước, mà còn ở thành-phần dân-tộc nơi hải ngoại. Chỉ trong vòng vài chục năm tới đây,

sáng cho con đường đi của cách mạng và kiến quốc. Vì vậy, lịch sử là quyển truyền phả và là môn học cao sâu duy nhất cho nguyên-tắc lãnh-đạo. Chính trị là lịch sử ngày nay, mà lịch sử là chính trị những ngày qua. Thời đại là cuộc sống bây giờ, lịch sử là cuộc sống những buổi qua. Sự vận hành của hai thời gian đó kết hợp nên và quy định ra con đường của ngày mai.

“Tất cả những lời ca dao, những việc làm của dân chúng bằng sinh sống đều là những mục-tiêu nền tảng cho những phương-lược kiến-thiết lâu dài mọi mặt cho nước nhà.

“Chỉ có thế-hệ thực tiễn-tiến mới đủ đại-biểu cho tương-lai.

“Chỉ có tầng cấp đại-đa-số mới đủ đại-biểu cho dân-tộc.

“Tương-lai tỏ lộ trong óc mới của thời-đại và viễn kiến,

Thế-hệ của thanh-niên và tầng cấp 98% của quốc-dân Việt chính là đáy tầng dân-tộc Việt, là sức gốc của Việt.

“Sự thống-trị của dị tộc bàn-cứ trên mặt tầng thỏa-hiệp với đặc quyền. **Mạch máu và tâm hồn của nòi giống vì thế tránh mặt tầng và đặc quyền mà trở về đáy gốc.**

“**Sự thống-trị của dị tộc thành-lập trên sự cần-cỗi của nòi giống. Mạch máu và tâm-hồn của nòi giống vì thế tránh hết cần-cỗi**

mà chìm xuống đáy rễ để đâm lên những chồi mới.

“**Làn gió phục-hưng dân tộc không thổi trên mặt tầng, trái lại chỉ thổi dưới đáy tầng để cuốn dậy làn sóng đáy.** Những gió ấy và sóng ấy duy nhất có lực lượng để lật đổ hết thấy những thứ gì trên mặt tầng.

“Không gì thổi réo-rắt, nghiêng rít bằng làn gió đáy. Nó như thổi hết thấy 5000 năm, tất cả những hơi lạnh người chết và hơi rợn linh hồn của toàn thể thiêng liêng chồng chất. **Gió ấy như một chiếc roi thép quất chúng ta dậy, đau buốt tới xương tủy, thấm tận đáy hồn dân tộc và đáy lòng mọi người. Sự phục hưng ở đó mà ra, làn gió ấy tự ở đáy sử mà thổi, sẽ lôi cuốn hết đáy tầng, đoàn kết lại một mặt trận gốc,**¹

Biết thay đổi cách nhìn về cuộc sống và lịch sử sẽ mang lại nhiều bài học, nhiều phong-cách tích-cực mới-mẻ và khoáng-đạt. Diễn biến phức-tạp của lịch sử và văn hóa là mấu-chốt của cuộc thăng tiến trong cuộc sống loài người. Vì điều này mà người ta đưa ra nhiều cách nhìn, nhiều diễn giảng về văn hóa, lịch sử dẫn đến những chướng-ngại, xung đột kéo dài có khi hàng thế-kỷ, cùng hàng triệu người gục ngã, lịch sử loài người

1- Lý Đông A, “Bông Lau”, 1943.

đã và đang trải nghiệm điều này., Lắng tâm suy nghiệm là một cách nhìn văn-hóa lịch sử tương-đối khách-quan đúng đắn.

Đây là phương cách gạt bỏ những rối-rắm trong tâm hồn để từ đó có cái nhìn chính-xác. Lắng tâm suy nghiệm là một cách nhìn văn-hóa lịch sử tương-đối khách-quan đúng đắn. Đây là phương cách gạt bỏ những rối-rắm trong tâm hồn để từ đó có cái nhìn chính-xác về quá khứ, hiện tại và tương lai, tránh được hời-hợt, hồ-đồ theo thời.

Lắng tâm suy nghiệm về cách làm sáng cái tâm, biết cách mở lòng mình còn gọi là thức tâm. Suy nghiệm không hẳn là suy-tư, vì suy-tư nhiều khi ngả về cái lý xa-rời thực-tế, quên mất cuộc sống đang sinh động trước mắt, khi suy nghiệm phải nhìn vào thực tại, vào vấn đề truy tìm về quá khứ để rút ra kết luận cho tương lai.

Lắng tâm suy nghiệm là cách suy nghĩ lấy mục đích là sự thức tâm để không bị lừa gạt, phỉnh nịnh. Cuộc đời này có làm việc, thoạt nhìn thấy tốt đẹp, nhưng khi có thời gian suy nghiệm, đối chiếu vào thực-tế thì lại hoàn toàn không như ta tưởng-tượng.

Người xưa còn đưa ra cách nhìn những việc và người của quá khứ để rồi suy nghiệm cho hiện tại. Đây cũng là cách giúp ta tránh được cho tá những lầm lẫn.

Khi nói đến sai lầm, chúng ta lại thấy

có những sai lầm nhẹ-nhàng thoảng qua, song cũng có những sai lầm mà di hại lâu dài, và nặng-nề nhất là những sai lầm về văn hóa, lịch sử. Cứ lấy ngay cuối thế kỷ 19, và thời kỳ đầu thế kỷ 20, chúng ta đã thấy có biết bao nhiêu là những sai lầm về lịch sử, về văn hóa dẫn đến những hậu quả tai hại cho dân tộc. Vì vậy, ngoài ra cho rằng nếu như ta mất tự chủ về kinh tế thì chỉ vài ba kế-hoạch ngũ niên là có thể đổi mới; nếu mất tự chủ về chính-trị thì chỉ vài ba cuộc đảo chính là phục hồi, nhưng nếu mất tự chủ về văn hóa thì điều này phải mất nhiều đời, nhiều trăm năm chưa chắc. Cho nên nhà tư tưởng Việt, Ly Đông A đã cảnh-giác: “Nuôi trí sinh nhân tài, nuôi tâm sinh thiên tài, nuôi thân sinh nô tài”. Trong tác phẩm “Huyết Hoa”, người đã nhắc-nhở:

“Nội dung và kết cấu của văn hóa, tự thân nó là tổng nghiệp của toàn thể loài người trong dòng sống lịch sử xã hội và thời đại.” Cũng trong dòng suy nghĩ đó, người đã quảng diễn là lịch sử văn hóa của loài người có đặc-trưng là “Viết bằng máu”, sự tiến triển của xã hội loài người được thể-hiện qua biện-chứng khoa học, từ quy luật kinh tế của xã hội phát-triển không ngừng ảnh-hưởng tới những suy tư của thời đại,

Đó chính là nhân của tương-lai. Việc “

thay cũ đổi mới” diễn tiến theo chu-kỳ vòng xoáy tròn ốc có nút tết. Từ hạt nhân của thời đại để diễn tiến theo đường vòng đi lên mở ra một xã hội mới “Xuất lộ cho dân tộc, quốc gia, xã hội...” Như thế, ta thấy những bế-tắc của xã hội sẽ là “xuất lộ” cho xã hội thăng tiến hơn.

“Lịch sử cuộc cách mạng 1789 ở thế kỷ 18 tại Pháp đủ bắt đầu nảy mầm từ những thế kỷ trước với các nhà tư tưởng, các triết gia như Diderot, Montesquieu,

J. J. Rousseau,... Những cuộc cải tổ vươn lên đó phải là tiến trình tư-tưởng quan niệm của người dân phối hợp với những điều-kiện bên ngoài xã hội gồm cả chủ quan lẫn khách quan dẫn tới cuộc bùng nổ rũ sạch cội đời cũ đầy mục nát, thối rữa của những tệ đoan, “chọc thủng màn đen bằng đấu tranh, hy sinh và vun bồi mà đưa lại những hương thơm, ánh sáng và gió thoảng... Ánh sương mai đã thấm-nhuần những tia sáng bình-minh lóng-lánh, sóng tân sinh đang dạt-dào khắp trong lòng người.”

“Tinh sương nguyệt ánh điểm hưng thì.”

(Ly đơng A)

(Ánh sáng sương mai chiếu lóng lánh, m đó là điềm báo thời hưng thịnh gần kề)



Các Chế-độ gây phân cách loài người !

Trong thời-kỳ Tây Phương cường-thịnh, *các đế-quốc thực-dân như Anh, Pháp, Bồ, Tây Ban Nha, ... chiếm được nhiều thuộc-địa.*

Đối với Anh, chính-sách xâm-chiếm lãnh-thổ chia làm hai cách:

Chiếm đóng di dân và chiếm đóng khai-thác. Loại chiếm đóng di dân thì họ dồn người thiểu-số bản xứ vào một nơi, rồi dần-dần sự tranh sống tự-nhiên sẽ đào-thải. Kề' chinh-phục chiếm lấy đất-đai và lập thành những quốc-gia mới.

Đối với loại chiếm đóng khai-thác, người Anh lấy kinh-nghiệm sự chiếm đóng của họ ở Bắc Mỹ. Lúc người Mỹ đánh đuổi dành độc-lập, và cho rằng nếu họ không loại được người bản xứ thì sớm muộn gì họ cũng phải có ngày trả lại độc-lập cho dân bản xứ. Quan-niệm này dẫn-dắt đến một chính-sách dài hạn, lưu lại được cảm-tình với dân bản xứ sau khi họ ra đi. Đây là đặc-điểm khôn-ngoan và hiệu-quả của chủ-nghĩa đế quốc thực-dân Anh.

Trái lại, đế-quốc chủ-nghĩa Pháp, Hòa Lan và Bỉ thì chỉ biết thực-dân khai-thác hiện tại.

Chính-sách đế-quốc kiểu này đã lưu lại cho các dân-tộc bị trị những hậu-quả tai-hại, vì sau khi trả độc-lập, sự thiếu người lãnh-đạo các ngành là một trở-lực vô cùng to-tát cho công-cuộc phát-triển đất nước cho dân tộc bị trị”.

. * Chế độ quân chủ cha truyền con nối như ở Trung quốc và Việt Nam trước đây.

Chế-độ này bắt nguồn từ “thần quyền” sang

đế quyền. Vị vua coi như “*thay trời trị dân*” và là một chức-năng thiêng-liêng của một dòng tộc. Gặp một vị vua tài-giỏi, dân-chúng đỡ khổ đối. Chẳng may bị kẻ bạo-ngược, ngu-dốt cai-trị thì vận mạng của đất nước thật là bi-đát!

* Chế độ “*Quốc Dân Đại Biểu*” (Khởi từ cuộc Cách Mạng Pháp 1789).

Các đại biểu thay mặt quốc dân đưa ra những kiến-nghị, quyền quyết-định vẫn thuộc thẩm quyền của nhà vua.

* Chế-độ “*Quốc Hội Lập Hiến*” , chế độ phân quyền: Lập pháp, hành pháp và tư pháp cũng như những quyền tự-do căn-bản của cá-nhân.

* Chế-độ “*Quốc Hội Lập Pháp*” (được thành-lập ngày 1-10-1791 thay thế cho Quốc Hội Lập Hiến, trong thời cách-mạng Pháp 1789).

* Chế-độ “*Quốc Ước Hội Nghị*” , bầu theo phổ thông đầu phiếu.

. * Chế-Độ “*Tự Do phủ quyết*” Liberation veto.

Chế-độ này đã thực-hiện ở Ba Lan từ năm 1652. Chính vì “*tự do phủ quyết*” các nghị-viên có quyền ngưng cuộc thảo-luận, hủy-bỏ các quyết-định trong khi hội-thảo. Hậu-quả gây ra nhiều hỗn-loan, suy-nhược, nên đến năm 1791 chế-độ này bị phế bỏ.

* Chế-độ “*Dân chủ nghị viện*”, Có từ sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh trong thế Chiến II.

Nhật Hoàng là vị hoàng-đế đại-diện quốc gia về mặt nghi lễ.

Đứng đầu hành pháp là thủ-tướng.

Lập pháp có hai viện thượng viện và hạ viện.

* Chế độ “*Cộng Hòa Pháp*”.

Đứng đầu quốc-gia: Tổng-Thống.

Cầm đầu hành-pháp: Thủ-tướng (chia sẻ quyền hành với tổng thống).

Cơ-quan lập-pháp gồm Lưỡng viện quốc-hội.

* Chế-độ “*Tổng-thống chế Hoa Kỳ*”.

Đứng đầu quốc-gia và cơ-quan hành-pháp là Tổng-thống do bầu-cử. Nhiệm kỳ là 4 năm. Tối đa 2 nhiệm-kỳ (8 năm). Các viên-chức trong hành-pháp do tổng thống đề-cử nhưng phải thông qua cơ-quan lập-pháp.

Lập-pháp gồm lưỡng-viện quốc-hội, và cơ-quan tối-cao pháp viện.

* Chế-độ “*Cộng Hòa Nhân Dân*”, hay “*Độc Tài, độc đảng*” như Trung quốc Cộng sản và Việt Nam (mệnh-danh *Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa*).

Trong khi thế-giới đã tiến xa trên bước đường “*dân-chủ*” và “*hòa-hài*” thì Trung Cộng và Việt Nam lại thụt-lùi, dậm chân tại chỗ ở chế-độ “*độc tài*”, “*độc đảng*”.

Trong quốc gia chỉ có một đảng duy nhất nắm quyền thống-trị quốc dân.

Cầm đầu một nước là vị “*chủ-tịch*”, do đảng tôn cử.

Cầm đầu cơ-quan hành-pháp là một *thủ-tướng* (cũng do đảng đề-cử), **nhưng mọi chính-sách quốc-gia do tổng bí-thư đảng đề ra.**

Gọi là “*quốc-hội*” hay *cơ-quan lập-pháp* nói là dân bầu, nhưng thực-sự chỉ là chấp-nhận những người được đảng chọn lựa, đề-cử, giống như hội-đồng nhân-dân xã là do đảng chọn người và tổ-chức bầu ra, đồng-thời lại dùng hiến-pháp để tôn lên là “*một cơ-quan quyền-lực cao nhất*” trong nước ! Cách tổ-chức, và cầm quyền của đảng đã trói

các cơ-quan ở mọi cấp của chính quyền, mọi cơ-cấu xã-hội vào vòng thao-túng của “*đảng*” qua sự bố-trí:

* Quyền-lực tập-trung vào Quốc-hội dưới sự lãnh-đạo của “*đảng*”!

* Đảng quyết-định đường lối, chính-sách, phương-hướng hoạt-động của nhà nước, bộ máy nhà nước phải phục-tùng và thực-hiện mọi đường lối, chính-sách và chỉ-thị của “*đảng*”!

* Đảng lãnh-đạo các cơ-quan đại-diện nhân dân từ việc bầu-cử cho đến các phiên họp, từ việc chuẩn-bị các dự-án pháp-luật cho đến việc thông qua các dự-án đó, khiến cho các cơ-quan là một tập-thể thi-hành đúng như sự chỉ-dẫn của đảng !

* Tổ-chức cán-bộ là nhân-tố quyết-định việc thi-hành. Do đó, đảng lãnh-đạo nhà nước là dùng lực-lượng cán-bộ của “*đảng*” làm nòng-cốt cho nhà nước!

Nói tóm lại, tuy nói nhân-dân “*làm chủ*”, nhưng dân chẳng khác “*bù-nhìn*” giữ dưa, Quốc-hội, chính-phủ đều là công-cụ của đảng. “*Đảng lãnh-đạo, nhân-dân làm chủ, nhà nước quản-lý*” quả là mỹ-từ chua-chát về chính-trị của thời-đại !!! Nhà nước Việt-Nam ngày nay có thể nói là một nhà nước “*Phi Hiến*” (Có quốc-hội mà cũng như không có).

Ngay trong hiến-pháp của CHXHCN Việt-Nam, điều 4 đã quy-định: “**Đảng cộng-sản Việt-Nam là lực-lượng lãnh-đạo nhà nước và xã-hội**”. Do đó, tất-cả các hệ-thống văn-bản pháp-luật bao gồm lập-pháp hành-pháp và tư-pháp, kể cả định-hướng cơ-bản cho chính-sách đối ngoại cũng do nơi các nghị-quyết, các chỉ-thị của bộ Chính-trị và ban bí-thư đảng.

Qua các chế-độ nêu trên, ta thấy chế-độ dân-chủ tương-đối đem lại lợi ích hơn các chế-độ khác.

Chế-độ đó làm cho đời sống xã-hội thêm hứng-thú, cho ta sự tự-do cần-thiết cho sự phát-triển của tư-tưởng, khoa-học và kinh-doanh, đồng-thời cũng đã phá được những hàng rào đặc-quyền và giai-cấp, và trong mỗi thể-hệ tạo cơ-hội cho hạng người tài-giỏi xuất đầu lộ diện bất-kỳ ở trong giai-cấp nào...

Ngày nay ở Anh, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Gia Nã Đại, Pháp,... chế-độ dân-chủ mạnh-mẽ, vững-vàng... Chế-độ này đã can-đảm, cương-quyết chống lại sự tấn công của các chế-độ độc-tài. Nhưng nếu chiến-tranh tiếp-tục phá hoại đời sống các quốc gia trên, hoặc nếu tham-vọng xấu-xa muốn chiếm cả thế-giới làm cho nó quân-đội-hóa hơn nữa, thì rất có thể các tự-do dân-chủ lần-lượt mất hết. Nếu các chiến-tranh chủng-tộc, giai-cấp chia rẽ thành những phe đảng thù nghịch nhau, thì rất có thể một trong những phe đảng sẽ thay chế-độ tuyển-cử bằng uy-lực của lưỡi gươm. Và nếu chế-độ kinh tế tự-do không phân-phối tài-sản một cách “bình” và “hòa” thì con đường độc-tài sẽ mở rộng cho kẻ nào khéo thuyết-phục quần-chúng rằng mình có thể bảo-đảm sự an-toàn cho mọi người.

Sự bất-bình-đẳng coi như là bẩm sinh. Thực-tế, bất-cứ một phát-minh nào, hoặc khám-phá nào cũng đều do những cá-nhân xuất-sắc tạo ra và lợi-dụng khiến cho người khỏe lại khỏe thêm và kẻ yếu hóa ra yếu hơn. Phát-triển kinh-tế gây ra sự chuyên-môn-hóa các chức-vụ, dị-biệt-hóa khả-năng. Do đó mà có kẻ quý, người hèn đối với tập-thể ... Cuộc sống và lịch-sử đã thể-hiện ra như vậy!

Phải chăng: Cuộc đời thật là trở-trêu khi nói

đến tự-do và bình-đẳng. Được cái này thì cái kia phải mất? Như đã xảy ra ở Anh và Mỹ vào thời-kỳ tự-do kinh-doanh trong thế-kỷ XIX.

Tương-tự: Muốn duy-trì sự quân-bình giữa nhân số với thực-phẩm thì nạn đói, bệnh dịch, và chiến-tranh cần được duy-trì ?

*** Quan Điểm của nhà tư-tưởng Lý Đông A:**

-Một thể-hệ trọn-vẹn gồm hết các kết-cấu thành-phần, từ quy-nạp đến diễn-đạt và cả hiệu-quả, một thể-hệ triết-học mà chưa đầy-đủ, trọn-vẹn được các điều-kiện đó chỉ có thể gọi là **chủ-thuyết**, chưa mệnh-danh là **chủ-nghĩa** được.

Muốn thẩm-thấu một chủ-nghĩa cần phải khám-phá ra những luật-tắc căn-bản, cốt nghĩa được, nắm giữ và vận-dụng được.

Xét về lịch-sử triết-học:

- Hegel cho rằng: “*Lịch-sử triết-học là biểu-hiện lịch-sử tối-cao và tối vĩnh-viễn của tuyệt-đối tinh-thần.*”

Theo quan-điểm của Duy Vật: “*Lịch-sử triết-học là sự mâu-thuẫn đòi-đòi của hai trận doanh Duy Vật và Duy Tâm.*”

Nếu xét về Hegel, ta thấy nhiều trận-doanh triết-học đấu-tranh lẫn nhau, không có cái nào là biểu-hiện thống-nhất của tuyệt-đối ý-chí, tuyệt-đối tinh-thần.

Nhược điểm của Duy Vật là trong các đấu-tranh thường yêu-cầu một kết-hợp tung hợp.

Theo quan-điểm của Duy Dân :

Tất-cả các cuộc đấu-tranh triết-học đều đem đến một kết-hợp tung hợp trong một nhân đạo chủ-nghĩa.

Duy nhiên là ngoại tăng chân-lý, **vô nguyên** (vô cùng nguyên-nhân).

- Nhân-chủ duy nhân là tuyệt-đối chân-lý. Tất-cả mọi thứ đều đổi thay, tan-rã, **nhưng chân-lý bất di, bất dịch là nhân-loại đã sống đến hôm nay và còn sống đến ngày mai**. Chân lý này là chân-lý tuyệt-đối. Tuyệt-đối ở chỗ nhân-loại còn thì chân-lý đó vĩnh-viễn không thay-đổi. Nếu vạn nhất mà loài người bị diệt-vong thì còn ai để lên tiếng tranh-luận.

- Duy dân tương-đối là ứng-dụng chân-lý. Khoa nhân-chủng-học đã chứng-minh là không có dân-tộc nào thực-sự là thuần chủng cả. **Như vậy chân-lý về dân-tộc là chân-lý tương-đối**.

- **Tính-chất và mục-tiêu của một ý-thức-hệ lý-tưởng**.

Một chủ-nghĩa xứng-đáng làm tiêu-chuẩn, phải:

- Giải-thoát loài người thoát khỏi cái lồng chup siêu-hình vũ-trụ-quan.

- Chứng-tỏ **loài người là thể sống đặc-biệt**.

- Sự **quyết-định một chân-lý cần-yếu** cho loài người để đi đến sự giác-ngộ chân-thực.

- **Tập-đại-thành** tất-cả các ngành, ngọn, học hiểu từ xưa tới nay.

- Mục-đích của nền triết-học mới là đưa loài người đến **giác-ngộ nhân-chủ**.

- Trong vấn-đề nhận-thức, cần nêu rõ, phân biệt: mục-đích khách-quan và chủ-quan của muôn vật. Vũ-trụ-quan sẽ ra sao? Có thể kết-quả rất nhẹ-nhàng như với thuyết duy-tâm của Hegel. Nhưng kết-quả có thể rùng-rợn như sự việc xảy ra ở Algeria

(Tại Algeria, một lãnh-tụ của một tổ-chức Hồi giáo nổi loạn chống chính-quyền đã tuyên-bố: “*Chúng tôi sẵn-sàng hy-sinh 2/3 nhân-dân để 1/3 còn lại được phép quay trở lại lối sống của Thượng-đế*”).

Lãnh-tụ một tổ-chức nổi loạn khác cũng tuyên-bố “*Để làm sạch đất nước này, chúng tôi sẵn-sàng thanh-toán 2 triệu dân*.” (*Rebels's struggle*)... The O.C. Register, 24/10/97, News, trg. 29,33).(0, x, y, z)...

Đời sống nhân-loại ngày nay được coi là tiến-hóa nhờ ở các thế-hệ qua đã thực-hiện được phần nào lý-tưởng của nhân sinh. **Tiến-hóa tức thực-hiện tự mình đến thực-hiện xã-hội**. Sự tiến-hóa đó là để thể-hiện sự đồng-hóa hay “**nhất như**” hòa mình với vũ-trụ, cho mình với vũ-trụ khai-thông, hoàn-thành một chân ngã trang-nghiêm và *cao-quý*.

Con người cũng là một động-vật, nhưng duy con người mới có văn-hóa và lịch-sử, nên Nho gia mới nói: “*Nhân linh ư vạn vật*”. Con người hơn tất cả các động vật khác ở “*giác-ngộ tính*”, “*sáng-tạo tính*”, “*xã-hội tính*”, và có lý-tưởng, mục-đích cho cuộc sống.

Cuộc sống tuy thường bị chi-phối phần nào bởi hoàn-cảnh, luật-tắc, nhưng ý chí con người, trái lại có thể chuyển biến được hoàn-cảnh, luật tắc,

Nên “*Có Trời, mà cũng có Ta*”,

hay “*Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều*.”

Bước tiến-hóa của nhân-loại là một cuộc hành trình có dự-định, một dự-định hoàn-thành một mục-tiêu có ý-nghĩa, có giá-trị cho nhân sinh, và trong mỗi quá-trình đải-lọc các tình-hoa cùng kinh-nghiệm quý giá- Đó là theo **nguyên lý hướng thượng**, hay là chiều hướng thẳng-hoa theo chu-kỳ “*vòng tròn xoáy tròn ốc có nút tết*.”

Tiến-trình tiến-hóa của nhân-loại đã trải từ

“*Nhân đạo sơ-khai*” tiếp đến “*Nhân đạo thành-lập*”, tiến đến “*nhân đạo tăng-tiến*” và sẽ hoàn-thành “*nhân đạo ổn-định*”.

Hiện nay, đang tiến bước trên hành-trình “*nhân đạo tăng-tiến*”, nên lịch-sử loài người đã ghi được những thành-tích đáng kể, như:

-Đạo luật bảo-đảm an sinh cho những người tàn-phế...Chẳng-hạn trẻ bị khuyết tật sẽ được hưởng trợ-cấp tàn-phế,...

-Xây-dựng con người khởi đầu bằng giáo-dục.

-Xây-dựng gia-đình khởi đầu bằng hôn-nhân.

-Xây-dựng xã-hội khởi đầu bằng thể-chế...

-Vấn-đề kỳ thị màu da đã được chấm dứt:

Năm 1804, Đan Mạch bãi bỏ việc buôn nô lệ,

1807 đến lượt Anh,

1808 Hoa Kỳ,

1810 Venezuela và Mễ Tây cơ,

1811, Chilê,

1812 Á Căn Đình,

1813 Thụy Điển,

1818 Pháp.

Những hối-hận trên tiến-trình nhân-bản, nhân-chủ và nhân-tính: Văn thư ngày 14-11-1994, giáo-hoàng **John Paul thừa-nhận trách-nhiệm** về sự bức-hại giáo-phái Tin lành trong các tòa-án Thánh Linh và vụ tàn-sát người Do Thái bởi Đức quốc xã, cũng như ngài **đã chính-thức xin lỗi dân-tộc Maya (Nam Mỹ) về vụ giáo-hội đã tàn-phá nền văn-minh của họ.**

Đầu tháng 10/1997, Giáo-hội Ky Tô Pháp đã xin thượng-đế và dân-tộc Do Thái tha-thứ về tội đã im hơi lặng tiếng khi chính-phủ Vichy nộp 67,000 người Do Thái cho Quốc xã Đức trong thế

chiến II.

Ngày 7-10-1997, vua Harald V nước Na Uy cũng chính-thức xin lỗi dân-tộc Sami” (hoặc Lapp) về việc chính-phủ Na Uy trước đây đã cưỡng-bách họ đồng-hóa với người Na Uy.

Giác-ngộ nhân-chủ là nền-tảng của nhân-chủ, chính là ***nhân-chủ tự-giác***.

Chiếu nguyên-lý hướng thượng, ta thấy chủ nghĩa Duy vật đem con người sánh cùng với mọi động-vật khác nên đã hạ thấp giá-trị con người, **mất đi tính hướng thượng**, một đặc-tính của loài người. Cũng như Duy Thần và Duy Sinh, một đẳng lồng con người vào “*vũ-trụ quan*” siêu-hình không thể kiểm-chứng bằng khoa-học, một đẳng chủ “*cầu sinh*” không những thiếu viển kiến, đánh mất tính “*sáng tạo*” và “*hướng thượng*” của con người, nên không thể giải-tỏa.

- Nguyên-lý căn-bản về trục tọa-độ.

Sự tranh cãi không đi đến một hợp-đề là vì các sự tranh cãi, mỗi phái đứng trên một lập-trường (*nền-tảng: vũ-trụ - con người, hay lịch-sử xã-hội*).

- Theo lý-tắc, đứng trên lập-trường (*nền tảng, tọa-độ*) nào thì giải-quyết vấn-đề đó mới hợp lý, giống như toán học, điểm A trên mặt phẳng thì có hoành-độ “x”, và tung-độ “y”, nhưng khi ở không gian thì có 3 chiều: x, y, và z.

Hiện-tượng tranh-cãi và chống-đối nhau mà không giải-quyết được vấn-đề vì các hệ-phái tư tưởng Duy Vật, Duy Tâm, Duy Sinh, Duy Lý, Duy...đã không đặt ra quy-tắc để tranh luận!

-Nếu các thành-phần hòa-hài về mọi phương diện, tổng-thể ở trong trạng-thái ổn-định.

Đặc-biệt theo Lý Đông A, triết không những giải-quyết vấn-đề căn-bản mà còn là dụng-cụ sắc bén để nghiên-cứu, phân-tách, khám-phá trong tất-cả mọi lãnh-vực của tri-thức.

Đời người vốn nhiều mặt, với mỗi mặt ứng với 1 giải-pháp riêng, chân-lý cũng vậy. Đó là “*chân-lý đa diện*” của triết-học Lý Đông A.

Đời sống của loài người do sự vận-động và kết-hợp của ba phạm-trù VẬT - TÂM - SINH.

Ngày nay, có nhiều triết-gia có ý-nghĩ tổng-hợp cả ba nền triết-học Duy Tâm, Duy Vật và Duy Sinh, nhưng họ chưa tìm ra được **những quy-luật căn-bản của mỗi phạm-trù**: Vũ-trụ (thiên-nhiên), Con người (tư-tưởng), và Xã-hội.

Về phương-pháp thiết-lập, triết-học có thể chia làm hai loại: Triết-học suy luận (triết-học thuần lý hoặc diễn-dịch = speculative, rational, deductive), và triết-học quy-nạp (inductive).

Triết-học suy luận ở chỗ các triết-gia đưa ra một thực-thể quan-trọng nhất, thiên-liêng nhất (*căn-cứ tối-cao*) đầu mối của tất-cả mọi sự, rồi từ đó suy-niệm ra mọi quy-luật (xuất-phát tối-sơ).

Triết-học quy-nạp là tổng-quát hóa những nguyên-lý rút ra từ các môn học chuyên-biệt.

Việc nghiên-cứu vật-chất đi vào một giai-đoạn mới, từ thập niên 20 với sự thiết-lập môn Cơ Học Nguyên Lượng (*hoặc Lượng tử - Quantum Mechanics*) và sự chế-tạo các máy gia-tốc.

Hiện thời, người ta đã khám-phá các hạt hadron, trong đó có proton và neutron (tìm ra năm 1911 và 1932), được cấu-tạo bởi các vi-tử cơ-bản gọi là “quark” (up, down, strange [1963], charmed [1974], bottom [1977], top [1984]...). Ngoài ra

-

vật chất còn gồm hai loại hạt khác nữa: tepton, gauge particle.

Khai-triển thuyết tương-đối tổng-quát (1915), các nhà vũ-trụ-học lý-thuyết khám-phá ra rằng:

“ *Cách đây khoảng 15 tỷ năm, vũ-trụ còn nhỏ hơn một hạt bụi, trong đó không có vật-chất, không có thời-gian lẫn không-gian, chỉ có năng-lượng, rồi “bùng một cái, nó nổ tung và trong một khoảnh-khắc ngắn vô cùng, sinh ra neutron, proton, điện tử,... Các hạt này dần-dần tụ lại thành tinh-vân, thiên-thể,... Vậy trước khi vũ-trụ là “một hạt bụi” thì nó là cái gì? Các nhà khoa-học cho là lúc đó chưa có thời-gian, vậy không có vấn-đề “lúc trước. Nói như vậy chỉ có nghĩa vấn-đề ấy ở ngoài tầm nhận-thức của con người.*”

Thuyết tương-đối đặc-biệt chứng-minh là vật chất và năng-lượng tương-dương với nhau, như vậy vật-chất không còn là một thực-thể đơn-giản như người ta tưởng vào thế-kỷ 19.

Đó là ý-nghĩa câu nói của nhà tư-tưởng Lý Đông A: “***vũ-trụ là vô nguyên***” (vô cùng nguyên nhân).

-Thuyết tương-đối đặc-biệt hủy-bỏ tính-chất tuyệt-đối của không-gian, thời-gian, khối-lượng,... và chứng-minh sự thống-nhất giữa không-gian với thời-gian.

- Vào thế-kỷ 19, sự sùng-bái lý-tắc làm nảy-nở chủ-nghĩa Duy Vật. Nhưng vào cuối thế kỷ 20, đưa đến một kết-quả khác, đó là sự thống-nhất hai thuyết Duy Vật và Duy Tâm.

Thực tế: -Duy vật là cách nhìn thiên-nhiên dưới dạng bản-thể vật-chất.

Duy Tâm là cách nhìn thiên-nhiên dưới dạng các quy-luật. Hai cách nhìn bổ-túc cho nhau chứ không chống-đối nhau. **Nhưng chưa nêu được bản-chất đặc-thù của phạm-trù “người”.**

*** Chín (9) quan-điểm của nhà tư-tưởng Việt Lý Đông A:**

“Quan điểm 1: -Học là cái phương châm, phương thức và phương-pháp tìm dò, giải thích nắm giữ và vận dụng trước sự thực.

“Hiểu là tác-dụng của học đạt được tới yêu-cầu trên.

“Dạy, là truyền-thụ cho người cái học đó.

“Quan điểm 2: - Triết-học sử là vận-động biện-chứng và cơ-năng của các ý-thức hình-thái doanh-lũy Duy Tâm, Duy Vật và Duy sinh tranh-đấu nhau, điều-hợp nhau, để cuối cùng tung-hợp, thống-nhất và rộng nghĩa vào một ý-thức tập-thể là Duy Dân.

“Nhân loại hay nhân văn v.v... chỉ là dây rợ lịch-sử, không phải cái tranh-đấu đời kiếp của phái duy tâm và duy vật không có rút cục và sự điều-hòa duy sinh (hay lưỡng nguyên).

“Không phải cái phản-ảnh bình-diện và mơ-hồ của mục-đích cầu sinh.

“Không phải cái vận-hành định-mệnh và kiệt-tác của tuyệt-đối tinh-thần hay là thượng đế tối cao.

“Quan điểm 3: - Làm gì có một đời sống loài người thuần-túy duy vật trên luận lý triết học duy vật? Làm gì có đời sống loài người trên thuần-túy triết học duy tâm? Làm gì có một đời người trên thuần-túy triết-học duy sinh?

“Sự thực là trên nền-tảng loài người và vận-động lịch-sử của loài người, Duy tâm, duy vật và duy

sinh là những điều-kiện với phạm-trù tự-nhiên thấm thấu vào hoạt-động đó.

“Quan-điểm 4: Sự thất-bại trên cơ-bản lý luận của duy vật triết-học ở ngay sự vận dụng biện-chứng sai khớp với lịch-sử. Sự thất-bại trên thuần-túy lý luận của duy vật triết học ở ngay sự mù-tịt cái bản-thể nhân loại trên kiến-thiết nhân loại. Sự thất-bại trên thực tiễn lý-luận ở ngay sự thất-bại sự thực của Cộng sản cách mạng 1917. Cộng sản chủ-nghĩa chỉ là quá độ của vô chính-phủ chủ-nghĩa. Không thể có được vô chính-phủ chủ-nghĩa cũng như không thể có được chủ-nghĩa cộng sản thuần-túy bởi nhân tính và bản-thể của loài người

“Quan-điểm 5: Những quan-điểm siêu-hình về ‘thần’ phát-hiện nên bởi cái tiến-hóa của tri-thức trên tinh-thần hoạt-động của loài người, mang lên siêu-hình không phải đã hẳn được mang nó vào duy nhiên bộ-phận là cứu-cánh. ‘Thần’ chỉ là phản-ảnh cái tâm-lý quan trọng của loài người từ sau ngày xã-hội đã tương-đương tiến-bộ và dừng lại trên giai-đoạn hưởng-thụ và bảo-thủ.

“Quan-điểm 6: Cái sinh nguyên mà lý luận Tam Dân đặt định vào làm thủy-tổ vũ-trụ chỉ là cái tế-bào của hữu-cơ sinh vật. Thà nói thẳng rằng sinh-vật là khởi điểm của triết học duy sinh. Cái trung-tâm quy-luật cầu sinh mục-đích là tối cao tiêu-điểm và vận-động của xã-hội không có được tác-dụng quyết định cho tiêu-chuẩn chân-lý loài người. Loài người cố nhiên phải sinh sống, nhưng sinh sống phải là điều-kiện thông qua một nền tảng gì? một điều-kiện gì? bằng một phương-thức nào? Có một chỉ-đạo nào?

“Quan-điểm 7: Loài người khi nào đã đứng trên nền-tảng vững-chắc nhân chủ, giác ngộ rõ-rệt cái nguyên-tắc nhân bản của xã-hội trong vũ-trụ, kiến-thiết được sống còn theo hoàn-toàn nhân tính là khi ấy không còn nghi-ngờ gì nữa về tuyệt-đối chân-lý có tìm được cho loài người không?

“Quan-điểm 8: Phạm-trù luật-tắc, phương-pháp thuần-túy khác với các thủ biện-chúng (duy tâm biện-chúng, duy vật duy sinh biện-chúng, thực-dụng lý-tắc, v,v,,,) bởi ở cái căn-cứ, xuất-phát và nền-tảng vận-dụng quyết-định phương hướng và thành-tựu của nó.

“Quan-điểm 9 : Tạo-hóa ở tự-nhiên, mà sống chết ở loài người. Sự khám-phá ra cả một thể-hệ học hiểu tung-hợp nhân-loại và cao độ đưa đến sự xây-dựng cả một thể-hệ văn minh.

(Lý Đông A, “Chu Tri Lục 6”, 4822 tuổi Việt, 1943)



Thẩm định sử liệu Tàu

Người Trung Hoa làm sử không thẳng tìm sử liệu. Sách thần-thoại cũng có thể dùng làm những sử-liệu, nhưng hoàn-toàn không buồn hỏi xem những tài-liệu ấy có thể tin được không? Có biết đâu rằng nếu sử-liệu không có thể tin được thì làm sử bằng sử-liệu ấy là thứ lịch-sử không đáng tin, vô giá-trị. Mạnh Tử nói: “*Tận tín thư bất như vô thư = Tin hết vào sách không bằng không sách*”. Mạnh Tử sùng bái Khổng Tử không ai bằng, song ông đối với sách chính tay Khổng Tử viết còn giữ thái-độ hoài-nghi, huống chi chúng ta sinh vào ngày nay cách xa với thời cổ đã nhiều, há chẳng có thể một lòng mê-tín sách cổ, cam tâm chịu nhận cho kẻ làm giả thời xưa khinh-miệt? Triết học sử tối trọng tướng thật của học-thuyết, thứ tự trước sau cùng là sợi dẫu duyên cách. Nếu mà lấy những tài liệu không có thể theo để tin làm sách thật thì sẽ đi tới kết quả này là:

- 1-Mất chân-tướng học-thuyết của các nhà.
- 2-Rồi mất thứ tự trước sau trong các học-thuyết.
- 3-Loạn mất hệ-thống nối tiếp của học phái.

Thí dụ bộ sách nhan đề “Quản Tử”. Quyển sách này nhất-định không phải ở Quản Trọng làm, mà là của người sau lấy nghị-luận của cuối thời Chiến Quốc với nghị luận của Nho gia cũng là nghị-luận của Đạo gia góp thành một bộ sách rồi lại tạo ra một thiên văn đáp giả giữa vua Hoàn Công với Quản trọng, lại còn góp nhặt thêm một thiên công nghiệp của Quản Trọng. Tất cả phụ hội làm thành sách của Quản trọng sáng-tác. Nay nhất định là quyển sách giả, có nhiều chứng cứ, chỉ đơn-cử ba điều:

a/ Tiểu xưng thiên ghi lời Quản Trọng sắp chết lại ghi Hoàn Công chết. Quản Trọng chết vào năm 643 trước Tây lịch, Tiểu Xưng thiên lại nói Mao Trường Tây Thi. Tây Thi thì lúc nước Ngô mất hãy còn sống. Nước Ngô mất vào năm 472 trước Tây Lịch, Quản Trọng bấy giờ đã mất từ 170 năm về trước. Ngoài điều ấy ra còn hình thể giải nơi Ngũ Bá, Thất Thần, Thất Chủ nói: “Ngô vương hiếu kiếm Sở vương hiếu tể yêu.” Do đấy có thể thấy sách này là sách người sau làm giả.

b/ Lập Chính thiên nói: “ binh chi thuyết thắng, tặc hiểm trở bất thủ. Kiêm ái chi thuyết thắng, tặc sĩ tốt bất chiến = Thuyết cho lính nghỉ ngơi mà thắng thế thì các nơi hiểm địa không giữ. Thuyết kiêm ái thắng thì quân sĩ không đánh nhau.” Lập Chính Cửu Bại giải thích thuyết “kiêm ái” nói rằng: “Thiên hạ chi dân như kỳ dân, thị nhân quốc như ngô quốc, như thị tác vô tính kiêm nhượng đoạt chi tâm = Coi dân thiên hạ như dân mình, coi nước người như nước mình, như thế thì không còn có lòng đố kỵ chiếm thôn-tính nữa”. Đấy rõ rệt là trở vào học thuyết của Mặc Tử, xa cách với Quản Trọng rất nhiều.

c/ Sách Tả Truyện chép Tử Sản đúc sách Hình Luật, Thúc Hưởng cực-lực phản-đối. Qua đấy 20 năm, nước Lỗ làm đỉnh hình luật, đúc sách hình luật. Khổng Tử cực-lực không tán thành (613 tr. Tây Lịch). Những điều ấy đều xảy ra hơn một trăm năm sau khi Quản Trọng mất. Nếu sinh thời Quản Trọng đã có cái thuyết pháp trị hoàn bị như thế rồi thì làm sao hơn một trăm năm sau, người hiền như Thúc Hưởng, Khổng Tử lại không có một chút quan niệm gì về pháp trị? Tại sao thư trả lời Thúc Hưởng của Tử Sản chỉ có thể nói được rằng: “Ngô dĩ cứu thế nhi dĩ! = Ta chỉ lấy sự cứu đời mà thôi!” Tại làm sao không có thể lợi dụng hơn một trăm năm về trước để phát huy học thuyết pháp trị đến cực độ? Như thế đủ thấy trong sách Quản Tử học thuyết pháp trị là sản vật về cuối

đời Chiến Quốc, quyết không ở thời Quản Tử có thể đột nhiên phát-sinh ra được. Toàn thư văn pháp và binh thế đều không phải trước thời Lão Tử, Khổng Tử có thể sản xuất được. Lấy các thiên trong sách luận về pháp trị mà xét như “Pháp Luận Thiên” hai lần nói: “Xuân thu chi ký, thần hữu thí kỳ quân, tử hữu thí kỳ phụ giả hỷ = Xuân thu ghi, bày tôi giết vua mình, con giết cha mình vậy”, đủ thấy đấy là người sau làm giả vậy.

Sách Quản Tử đã không phải sách chân, nếu dùng làm sử liệu cho triết học sử của thời đại Quản Trọng thì sẽ ra ba điều tệ:

a) Quản Trọng vốn không có cái học thuyết ấy nay bảo là ông ta có, đấy là tệ trong cái không dựng ra có.

b) Trước Lão Tử hốt nhiên có những thiên sách như Tâm Thuật, Bạch Tâm nói về học thuyết của Đạo gia rất tinh tường. Mấy trăm năm trước thời Mạnh Tử, Tuân Tử hốt nhiên có thiên sách như Nội Nghiệp bàn về tâm lý học của Nho gia rất thâm trầm. Mấy trăm năm trước thời pháp gia hốt nhiên có thiên sách “Pháp Pháp, Minh Pháp, Cấm Tàng” tỏ ra chủ nghĩa pháp trị đã phát đạt lắm rồi. Nếu thực có như vậy thì triết học sử không có sự trước sau thứ tự gì về học thuyết nữa, và trở nên truyện hoang đường, thần bí.

c) Quản Trọng sinh vào thời mà Lão Tử, Khổng Tử chưa ra đời, cách nhau hơn 100 năm, vậy mà đã có một triết học quảng đại quy mô như thấy ở sách Quản Tử bây giờ, thì ra sau Lão Tử, theo sử quan có sự dần dần tiến-bộ trong tư tưởng là hoàn toàn không thích hợp. Bởi vậy, nếu nhận sách Quản Tử là sách chân, tức là một lúc bỏ hết một loạt hệ thống uyên nguyên của Chu Tử học.

THẨM ĐỊNH SỬ LIỆU TRUNG HOA

Đọc sách xưa của Trung Hoa nên biết lý do vì đâu người ta làm sách giả. Sở dĩ làm sách giả là vì hai cố:

1) Một số người có chủ-trương, nhưng hiềm vì lời nói của mình chưa có uy-tín cho nên hay mượn danh của cổ nhân. Trang Tử gọi là “*Trùng ngôn*”, Khang Hữu Vi bảo là “*thác cổ cải chế*” thực là đúng. Người xưa nói gì tất xưng là Nghiêu Thuấn, chỉ vì nhân thời đại Nghiêu Thuấn đã xa có thể tùy ý của mình và lấy chế độ trong lý tưởng để suy tới thời đại Nghiêu Thuấn tức như sách Hoàng Đế Nội Kinh giả thác của Hoàng Đế, sách Chu Bĩ Toàn kinh giả thác của Chu Công, đều “*thác cổ cải chế*”. Hàn Phi Tử nói rất đúng: “Khổng Tử, Mặc Tử câu đạo Nghiêu Thuấn nhi thủ xả bất đồng, giai tự vị chân Nghiêu Thuấn. Nghiêu Thuấn bất phục sinh tương thù y sử định, Nho Mặc chi thành hồ = Khổng Tử, Mặc Tử, đều nói Nghiêu Thuấn mà chỗ giữ lại, chỗ bỏ đi không giống nhau, và đều tự cho lời mình là của Nghiêu Thuấn thật. Nghiêu Thuấn không sống lại, còn biết ai quyết định cho Nho Mặc đảng nào thật nữa”.

Cờ thứ hai về sự làm sách giả là có nạn tham tiền, tự ý mình làm ra sách cổ. Thử xem đời nhà Hán ra lệnh sưu tầm sách còn lại sau việc đốt sách của nhà Tần, và các nhà quý tộc vương gia tranh nhau tìm sách còn lại. Như thế đủ biết ở thời ấy làm sách giả có thể phát tài được. Và muốn nhiều tiền thì sách cổ ít trang càng tìm thêm vào, cho nên sách Trang Tử, Hàn Phi có thêm những thiên không phải thật. Vậy làm sách giả thuộc về hai lý-do, *thác cổ cải chế* và *thác cổ phát tài*.

A) PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH SỬ LIỆU

Đây là công phu bước đầu của sử học gia. Tây phương một trăm năm về đây sử học rất tiến bộ phần lớn là do phương pháp thẩm định sử liệu rất ngặt-nghèo, kỹ lưỡng. Phàm thẩm định sử liệu để phân biệt chân – ngụy cần có chứng-cớ mới có thể để cho người ta công nhận. Loại chứng cứ này, đối với sử liệu của triết học, đại khái có năm điều:

1.- **Xử sự** - Xử sự trong sách có phù hợp với niên đại của tác-giả không. Nếu không thì có thể chứng thực cho sách ấy là giả, như Trang Tử kiến Lỗ Ai Công, việc ấy có từ trước lâu rồi. Như Quán Trọng nói với Tây Tây, việc ấy lại sau quá,. Đây là chứng cứ làm giả.

2.- **Văn tự** – Mỗi thời-đại đều có văn-tự của thời đại ấy, không có thể làm rối loạn được. Kẻ làm sách giả, phần lớn không am hiểu cái lý lẽ ấy. Cho nên thường tỏ lộ hình-tích của sự giả-dối. Như trong sách Quan Doãn Tử có những chữ: Thuật chú, tụng chú, dịch thần, đậu trung nhiếp quỹ, bội trung điều ngư, họa môn khả khai thổ quỹ khả ngữ”. Đây là lời nói của đạo sĩ. “Thạch hỏa tướng thức, ngũ thức tịnh tri, thượng tự bất kiến ngã, tương hà vi ngã sở”. Đây là lời nói của Phật gia. Đó là những chứng cứ về văn tự của sử gia vậy..-

3- **Văn thể** – Không những văn tự có thể dùng làm chứng cứ, văn thể cũng có thể làm chứng cứ được. Ví như sách Quán Tử với loại trường thiên đại luận ấy thì nhất định là một trăm năm có lẽ trước Khổng Tử có thể sản-xuất được.

Người sau phỏng theo người trước, quyết không có sự người trước phỏng theo người sau. Như trong Quan Doãn Tử có đoạn: “ Tỷ như thủy chung chi ảnh, hữu khứ hữu lai, sở vị thủy giả, thực vô khứ lai”. Đây là văn thể không có thể xuất hiện ra trước hồi Phật học du nhập vào Trung Hoa được. Không những một thời đại có văn thể của thời đại ấy mà mỗi cá nhân còn có văn thể riêng biệt của cá nhân ấy nữa. Như trong sách Trang Tử, những thiên như Thuyết Kiểm, Nhượng Vương, Ngư Ông, Đạo Chích, v.v... quyết không phải là văn thể của Trang Chu. Trong sách Hàn Phi Tử thiên Chủ Đạo, Dương Hùng, với những thiên Ngũ Đế, Hiển Học rõ ràng là văn thể của hai người vậy.

4.- **Tư tưởng** – Phàm người có thể trước thì lập thuyết thành một môn phái tư tưởng học thuyết của y gồm

sách cổ vậy.

5.- **Bằng chứng** –Bằng-chứng có khi cũng trọng yếu như nội-chứng. Như ở phương Tây, nhà triết-học-sử xác-nhận có một hệ-thống có thể tìm được, quyết không đèn nổi có chỗ mâu-thuẫn xung-đột lớn. Vậy nên, một bộ sách về học-thuyết xem có liên-lạc nhất-quán thì có thể giúp để chứng-minh bộ sách ấy chân hay ngụy. Lấy ngay tỷ dụ rất gần là sách Hàn Phi Tử, thiên thứ nhất thì khuyên Tần đánh nước Hàn, thiên thứ hai lại khuyên Tần bảo vệ nước Hàn, đây là điều không dung nhau được. Đại phạm tư tưởng tiến hóa đều có thứ tự nhất định, mỗi thời đại lại có những vấn đề của thời đại ấy, tức là có trào-lưu tư tưởng của thời-đại ấy. Như trong sách Mặc Tử có những thiên Lý Kinh Thượng Hạ, Kinh Thuyết Thượng Hạ, Đại Thủ, Tiểu Thủ thảo luận về các vấn đề phát minh ra khi Mặc Tử mất đi hàng hơn một trăm năm về sau, quyết không thể đề xuất ra ở thời đại Mặc Dịch. Nhân đây có thể biết được sáu thiên sách kia quyết không phải tự tay Mặc Dịch viết ra. Không những thế, đại phạm một loại học-thuyết mới nào trọng yếu phát sinh thì không phải không có ảnh-hưởng về sau được. Nếu ở thời Quản Trọng đã có học thuyết “pháp trị” trong sách Quản Tử thì quyết là trong hai ba trăm năm lại không thể không có ảnh hưởng của quan niệm pháp trị. Lại như Quan Doãn Tử nói: “Tức ngũ tâm trung khả tác vạn vật” hay “Phong, vũ lôi điện, giai duyên khí nhi sinh, nhi khí duyên tâm sinh, do như nội tướng đại hỏa, cửu chi giác nhiệt, nội tướng đại thủy, cửu chi giác hàn. Đây là luận điệu cực đoan duy tâm luận. Nếu ở thời đại Lão Tử, Quan Doãn Tử đã có loại duy tâm luận như thế thì quyết không thể không phát-sinh ảnh-hưởng được. Các nhà học giả đời Chu Tần lại không có chịu ảnh-hưởng gì về học thuyết trên đây. Như thế đủ thấy sách Quan Doãn Tử hoàn-toàn là sách thuộc về thời kỳ sau khi Phật học đã thâm nhập, chứ quyết không phải sách thời Chu Tần. Đây là phương pháp dùng tư tưởng để

khảo chứng định trước-tác của Platon thì phạm những dẫn chứng trong sách của Aristote là đệ-tử thì đều nhận định được là chân thư của Platon cả.

Đây là đại khá phương-pháp thẩm-định sử liệu. Nay người ta nói về triết học đời cổ, không căn-cứ vào sách Quản Tử, Liệt Tử, Ân Tử Xuân Thu, nhận làm sử liệu, mà thậm-chí còn dám can-đảm về “**Thủy cổ triết học**”, “**Đường Ngu triết học**,” toàn là không tự hỏi xem sử-liệu ở đâu?... dùng làm tài-liệu của cái họ gọi là thủy cổ triết-học như ở Tạ vô Lượng chẳng hạn....

Chính-định sử-liệu. Sử-liệu triết-học một khi đã được thẩm-định rồi còn phải đem ra để chỉnh-lý. Song sách vở của cổ đại lại càng phải chỉnh-lý một cách công-phu hơn nữa....

Khi có một tài liệu xưa, phải thẩm định chân, giả tài liệu, thẩm định rồi, y thời-đại trước sau, xét nguyên-nguyên truyền-thụ, ảnh-hưởng lẫn nhau ra sao, thú-tự biến-thiên như thế nào, nguyên-do của sự suy thoái. Sau hết, lấy sự trung lập mà phê-bình, gọi là **bình phán**.

...

NGUYỄN ĐĂNG THỰC,

Giáo-sư đại học văn-khoa, Đại-học Sài Gòn
(trích trong Lịch-sử Triết-học Đông-phương, tập 1, trang 75-88)

Ngụy tạo
Đường lưỡi bò,
Tàu tự nhận chủ quyền?
Dân Bách Việt có thể đòi lại đất
xưa của mình được không?

*** Lược Sử Bách Việt:**

Trong cuốn “*Trăm Việt Trong Vùng Định Mệnh*”, xuất bản tại Hoa Kỳ 1997, tác giả Phạm Việt Châu đã viết:

“*Theo Từ Hải, danh xưng này là tiếng để chỉ “chỗ hỗn tạp gồm bảy tám ngàn dặm của trăm giống Việt từ Giao Chỉ đến Cối Khê, mỗi xứ đều có dòng họ riêng”.*

“*Theo Ngô Thời Sĩ: “Xét theo thiên Vĩ Công, nước Việt ở về phía nam đất Dương Châu. Theo sách Thiên-quan từ sao Đẩu mười một độ qua sao Khiên-ngưu đến sao Chức-nữ bảy độ là tinh kỳ. Kể về sao thì ở về ngôi Sửu, cùng một phân với nước Ngô. Cối Nam là Việt môn, có rất nhiều nước như Âu Việt, Mân Việt, Lạc Việt, cho nên gọi là Bách Việt. Bởi vì miền này ở về phía nam Dương Châu nên gọi là Nam Việt. Vùng đất từ núi Ngũ Lĩnh xuống phía nam thuộc về Nam Việt.*

“*Đào Duy Anh kể rõ thêm một số địa điểm “U Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phước Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở An Nam. Gần đây, Lăng Thuần Thành (Ling Shun Sheng), giáo sư đại học Đài Loan còn ghi thêm một vùng nữa cho dân Bách Việt, đó là tỉnh Hồ Nam, nơi trước kia vào thế kỷ 3 trước Công-nguyên, Tam Lư Đại Phu nước Sở là Khuất Nguyên đã bị đày tới. Trong khi bị đày, Khuất Nguyên đã phóng tác ra Cửu Ca (trong bộ Sở từ), và theo họ Lăng, nếu xét kỹ Cửu Ca, người ta sẽ nhận ra những hình ảnh mô tả các cuộc tế lễ tại địa phương này giống hệt hình ảnh đã được vẽ trên trống đồng Đông Sơn của dân Lạc Việt. Ông Lăng cũng chủ trương “trước kia trung-tâm đồng bằng Dương Tử là nơi cư-ngụ của giống người Indonesian mà sử sách Tàu gọi là Bách*

Việt hay Lạc Việt”.

“Nói chung, các xứ Việt nằm kế tiếp từ hữu ngạn Dương Tử giang qua lưu vực Việt Giang, Hồng Hà tới tận bình nguyên sông Mã. Khu vực này được ghi nhận vào cuối đời Chiến quốc ở Tàu (thế kỷ 3 trước Công nguyên).

“Vào thời này, Thục Phán, thủ lĩnh Âu Việt đã thôn gồm được cả Lạc Việt, và hợp tên hai nhóm Việt này thành Âu Lạc. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống-nhất nước Tàu, Tần bèn sai Đồ Thư mang quân đi chinh-phục Bách Việt (214 trước Công nguyên). Người Bách Việt bị bại trận bèn thiên-di đi nơi khác, hoặc lui ẩn trong miền rừng núi. Chỉ có Âu Lạc ở miền cực nam nên tránh được loạn binh đao. Nam Việt tức Việt Nam Hải bị trực-tiếp cai-trị và cải là quận Nam Hải. Sau quan úy quận Nam Hải là Triệu Đà thôn-tính được Âu Lạc và nhập chung cả ba xứ Việt cũ thành đế quốc Nam Việt. Lúc đế quốc Nam Việt thành hình thì phần lớn các xứ Việt nhỏ miền Bắc đã suy sụp, tuy nhiên chắc-chắn còn lại hai nước Mân Việt và Đông Việt. Nhưng chẳng bao lâu sau, Mân Việt, Nam Việt và Đông Việt đều bị thôn-tính.

Như vậy sang đầu thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, không còn quốc gia Việt nào tồn tại, nhưng các tổ hợp Việt nhỏ vẫn sống rải-rác ở Hoa Nam và vùng Đông Nam Á. Nhiều tổ hợp vẫn tiếp tục đấu tranh và không bị Hán thôn tính. Bộ tộc Việt ở quận Chu Nhai thuộc Hải Nam đã bền vững chống Hán suốt nửa thế kỷ để giữ nền tự trị, cho đến năm 46 trước Công nguyên thì nhà Hán phải bỏ hẳn ý định xâm chiếm vùng này.

“Kể từ thế kỷ 1 sau Công nguyên, ngoài những nhóm đã thiên di xuống Đông Nam Á, các phần tử Việt còn lại ở vùng Dương Tử lần-lần bị đồng hóa, còn các bộ tộc ở Đông nam Trung Hoa thì bị người

Hán di-cư xuống chiếm mất các bình-nguyên màu mỡ và đẩy vào những miền đất cằn-cỗi.

“Ở Tây-nam Tàu, tộc Lý tức Thái đã quy tụ thành vương quốc Đại Lý. Còn ở Đông Nam Á, sau Lạc Việt (lúc ấy đã bị Tàu đô hộ), hai vương quốc khác cũng lần-lượt thành hình trong thế-kỷ đầu Công nguyên là Phù Nam ở miền Nam lục-địa và Lâm Ấp (sau đổi là Chiêm Thành) ở Trung Việt ngày nay. . .

Vấn đề nguy-hiểm về Hoa Kiều tại Đông Nam Á vì họ sẽ trở thành một đầu cầu vững chắc cho cây cầu xâm-lược được bắc từ Trung quốc trong tương-lai.

“Đối với Hoa Kiều cả hai chính phủ Tàu đều cùng can-thiệp mạnh mẽ với các chính-phủ liên-hệ để giảm bớt các biện-pháp có thể nguy-hại đến quyền lợi (bất chính) của tập-thể này tại các nước.

“Một nước Tàu nhỏ đã được thành hình trong lòng Đông Nam Á để sẵn-sàng trở thành quân tiền phong ghi chiến-tích đầu tiên trong cuộc bành-trướng của người Tàu ở nơi này. Thật vậy, ngày nay không ai còn ngờ việc Sin-ga-pua đã trở thành một nước Tàu nhỏ, nhưng ngay từ 1960, dự kế Tàu-hóa đã được vạch rõ trong cương-lãnh của ban chấp-hành trung ương đảng Nhân Dân Hành Đông do Lý Quang Diệu làm thủ-lãnh...

“Khu vực Đông Nam Á được “hân-hạnh” coi là lãnh-thổ Trung quốc kể từ 1840, gồm có: Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Lào, Kam-Pu-chia, bán đảo Mã Lai, Sin-ga-pua và chuỗi đảo Sulu (Phi-lip-pin). Những vùng đất này vừa được vẽ vào bản đồ đính kèm trong cuốn Tân Trung-quốc sử lược, một tài-liệu ấn-hành lần đầu tiên vào năm 1952 dành để huấn-luyện thanh thiếu niên Cộng sản Trung-hoa nhằm nung-nấu ý-đồ xâm-lược.

Trường-hợp Việt Nam, ai nấy đều biết, sau trận Bạch Đằng 938, Việt Nam đã không khi nào còn chấp-nhận nền đô-hộ của Tàu. Việc triều cống sau này chẳng qua chỉ là một hình-thức ngoại-giao để tránh nạn binh đao....”

Vạch một biên-giới bao rộng như trên, Tàu sẽ làm gì để thực-hiện ý đồ ấy?

Hỏi tức là đã trả lời.

Để cùng đối đầu trước ý đồ xâm-lược của Tàu, các tiểu-nhược trong vùng Đông Nam Á ***cần thiết-lập một thế liên hoành để sống, còn, tiến hóa chung.***

Qua lịch sử, chúng ta đã thấy Hoa tộc (Tàu) chiếm đất, giành dân và cướp đoạt văn-hóa Việt (Bách Việt) từ khi Hoàng Đế (Vua thủy tổ của nòi Hoa) chiến Suy Vưu, chiếm lấy vùng Hoàng Hà và Dương Tử Giang. Tiếp sau đó, dân Bách Việt phải linh-lạc (Nam thiên) khắp nơi, kẻ ở lại thì bị đồng hóa, ngoại-trừ chi Lạc Việt (ViệtNam) kiên cường đấu-tranh để bảo-vệ bờ cõi và không chịu Hán (Hoa) hóa.

Diện tích Lạc Việt tuy nhỏ bé, nhưng lại cực kỳ quan-trọng tại Viễn Đông.

Đối với Trung quốc, nước Việt Nam có thể ví như một cuống phễu, nếu Trung quốc thông được cuống phễu này thì dễ-dàng nối hai đầu cầu Taiwan và Singapore khá dễ làm bá-chủ Thái Bình Dương.

Đối với các cường quốc Âu, Mỹ muốn dễ xâm nhập ảnh-hưởng Tàu đều cần đến vị-trí chiến-lược ở Việt Nam. Nói cách khác, ngày nào mà Việt Nam vẫn còn đơn độc trong khối Bách Việt (Lào, Miên, Thái, Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, Miến Điện) thì ngày đó Việt Nam vẫn còn là tuyến đầu tranh chấp

của các siêu cường tại Thái Bình Dương. Mọi hoạt động đấu-tranh cũng như kiến-quốc nếu không nhìn xa tới khối Bách Việt thì dù có thành-công, nhưng sự thanh bình cho đất nước cũng không được lâu dài.

***- Thế Liên Hoành Bách Việt.**

A/ Vấn đề chủng-tộc và văn hóa Viêm Việt:

* Dứt-khoát tư-tưởng: Tàu là Tàu, Việt là Việt, Việt khác Tàu”.

* Dùng khảo-cổ-học, chủng-tộc-học, di truyền-học và lịch-sử di-dân để chứng-minh người Việt Nam cùng chủng-tộc trong khối Bách Việt.

* Sử-học: “*Nước Việt ta thuở trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu, sơn hà cương-vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác...*”

* Khảo cổ học:

Tiến sĩ Wilhelm G. Solheim II đã đưa ra nhiều giả-thuyết mới:

+ Văn minh Yangshao (Ngưỡng Thiều) thuộc thời-kỳ đồ đá mới là do nhánh văn-hóa Hòa Bình truyền lên vào khoảng 8, 7 ngàn năm trước C.N.

+ Cả hai nền văn-hóa Lungshan (Long Sơn) và Vangshao (Ngưỡng Thiều) phát-xuất từ nền văn-hóa Hòa Bình.

+ Vào thời-kỳ 3000 năm trước C.N. đã có một số thuyền của người Đông Nam Á cập vào Nam Dương, và Phi Luật Tân. Các thuyền này đã chở theo nghệ-thuật làm đồ gốm, khắc gỗ, vẽ mình và nhuộm áo.

* **Văn Hóa:** Viêm tộc chính là chủ nhân ông của nền “văn-hóa Dịch Lý nông-nghiep”.

Khi nói đến văn-minh Dịch Lý (Kinh Dịch là

cuốn sách có từ lâu đời nhất ở Viễn Đông), điểm quan trọng là nên xét về mặt thực-tế, nếp sống của dân tộc nào đã thể-hiện và nắm vững tư-tưởng chủ đạo sinh hoạt hay nhận-thức vũ-trụ-quan làm môi-sinh cho tập thể, từ đó quy-định hướng sống và tác-phong chung cho dân-tộc. Nói cách khác, mối tương-quan giữa “Dịch Lý” và nếp sinh-hoạt của dân Việt thật chặt-chẽ. Chỉ cần nêu lên một số dẫn-chứng cụ-thể, ta sẽ thấy sự ứng dụng rớt-ráo về kinh Dịch trong văn-hóa Việt, như:

- Các nhịp 2, 3, 4 trong tiếng Việt : tử-mĩ, tầm tã, phát-phơ, lơ-tơ-mơ, cuống-cà-kê, luồng-ca-luống-cuống, hốt-ha-hốt-hải, v.v....Nếu chỉ dùng các môn ngữ pháp, ngữ-học thì không thể nào giải-thích một cách thỏa-đáng.

* Về kiến-trúc: Cách lợp ngói âm - dương.

* Về triết học: Tư-tưởng “âm dương đối nghịch hổ-tương luật tắc” là do từ kinh nghiệm nghề canh nông mà có. Nhà nông rất cần có “mưa thuận gió hòa”

* Về phong-tục, tập-quán:

Theo kinh-nghiệm của nhà nông “nhất nước, nhì phân, tam cần tứ giống”. Bởi vậy mới nảy sinh một số tục-ngữ, ca-dao: “nhân nào quả nấy”, “Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh”; Uống một ngụm nước phải nhớ đến nguồn của dòng nước; ăn một chén cơm cũng phải nhớ kẻ đâm, xay, dầm, sàng. Đi xa hơn, đạo thờ cúng tổ tiên và các vị anh hùng dân tộc được thịnh-hành và mang một ý nghĩa sâu xa của người Việt...

- * **Tia Sáng Hình Thành Thế Liên Hợp:**

Tiếng gọi liên-kết các nước tiểu-nhược trong khu-vực Đông Nam Á đã được cất lên, trước hết tại Thái Lan năm 1939, và sau đó tại Việt Nam vào năm 1943.

Đầu tháng 8/1963, ba nhà lãnh đạo Nam Dương, Phi Luật Tân và Mã Lai (Tổng thống Sukarno, Tổng Thống Phi Luật Tân Macapagal và thủ tướng Liên Bang Mã Lai Rahman) đã đưa ra hai văn kiện: Bản Tuyên Cáo Manila và Thông Cáo Chung khẳng-định ba nước Malay đều sát cánh trong công cuộc “*chiến đấu chống lại chủ-nghĩa thực-dân và đế quốc*”. Điều quan-trọng hơn hết, tuyên cáo nhấn mạnh hội-nghị cấp cao ba nước là những bước đầu tiến tới thành-lập Liên Bang Maphilindo. Tuy hình-thức liên kết **Malphilindo** đã không thành, một phần lớn vì ảnh-hưởng của các cường lực bên ngoài.

Ý thức Malphilindo đã và đang làm bó đuốc lý tưởng soi đường cho nỗ-lực kết-hợp của hậu duệ Bách Việt - Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á (**ASEAN**) được thành-lập qua tuyên-ngôn Bangkok năm 1967 gồm 5 nước: Indonesia, Phillipines, MãLai, Thái và Singapore.

-* **Phương Thức Tiến Tới Thế Liên Hoàn Bách Việt Trong Tương Lai.**

Con cọp Tàu qua hơn thế-kỷ ngủ quên, nay chợt tỉnh giấc và đang cố vươn lên mọi mặt, nhất là về kinh tế, chính-trị và quân-sự. Các nhà lãnh đạo Trung quốc trong thâm tâm vẫn giữ chủ-trương bành-trướng lãnh thổ, lãnh hải. Riêng đối với Việt Nam, Tàu đã chiếm đóng toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và một phần quần đảo Trường Sa...

Đối với biển Đông, Tàu đã chính-thức tự xác nhận chủ quyền của họ xuống tận quần đảo Nam Dương từ năm 1992. Trong năm 1993, Tàu đã chi 9% tổng sản lượng quốc gia vào chi-phí quân-sự.

Điều này hùng hồn chứng-tỏ ViệtNam lại một lần nữa đóng vai-trò lá chắn cho toàn vùng Đông Nam Á đối-kháng sự bành-trướng của Tàu.

Để hợp-tác hay đối-phó hữu-hiệu với Tàu, các quốc-gia thành-viên khối ASEAN phải thật-sự đoàn kết nội-bộ dựa vào những nét chung về chủng-tộc, về lịch-sử đã cùng mỗi đau thương bị linh-lạc do dã tâm Thiên triều chủ-ngĩa (Tàu), về tương-lai cho sự sống, còn, tiến nổi hóa.

* Nguyên-tắc vận-động:

- Dẫn-chứng lịch-sử trong mỗi quốc-gia trong khối bách Việt đã ê-chề bị ngoại nhân thống-trị hay tước-đoạt quyền lợi.

- Đối với Việt - Miên - Lào cần giải-tỏa sự sai lầm về mối thù truyền-kiếp cận đại.

- Việt bị Hán và Pháp cai-trị.

- Lào và Miên thời Pháp thuộc.

- Phi, Nam Dương bị Đức xâm chiếm.



Tại sao phải **Thoát Tàu ?**

Ngay từ xa xưa, ông cha ta đã có câu:

*“Cây có gốc mới xanh cành tươi ngọn,
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu.”*

(Ca dao)

Nhìn một dòng sông (gia tộc hay dân tộc). như một cây có nhiều cành, nhiều lá,....

Nhìn cả nhân loại với sự tập hợp của nhiều dân tộc.

Có nhiều người cho rằng Dân Tộc chỉ là một danh-từ trống rỗng, hạn-hẹp! Nhưng thật ra, Dân Tộc là một thực-thể, nó gắn liền với nếp sống sinh-hoạt của quốc dân, với vận-mệnh của quốc dân. Dân Tộc Việt là cả suốt dòng lịch-sử Việt, hàm-chứa ngay trong những hình ảnh:

*‘Mẹ Việt Nam không son, không phấn,
Mẹ Việt Nam chân lấm, tay bùn..’*

Ở Dân tộc là những gì gọi là ‘Quốc Hồn’, ‘Quốc Tủy’, là tinh thần, là văn hóa dân tộc, là hình ảnh những ngày cuối năm âm lịch trên khắp nẻo đường đất nước, dân Việt lũ lượt

về quê ăn tết. Dân tộc ví như biển cả im lặng, con dân chỉ là những đợt sóng nối-tiếp nhau, rì-rào trong khoảnh-khắc để rơi vào yên lặng. Nhưng đó không phải là im lặng của sự chết, mà chính là sự sống đang lặng-lẽ vươn lên xuyên qua lòng vũ-trụ,... Họ biết rằng quá-khứ không phải là hư-vô, mà sẽ được giữ lại trong cái thực tại siêu-việt của dân-tộc cho đến tận cùng lịch-sử...’

Dân-tộc phải được quan-niệm là một bản thể sống còn trên chính-trị quốc-tế, tập đoàn nhân-loại, nơi gặp nhau theo tự nhiên phân-bố và tích-lũy mà thành một văn-hóa đặc-thù. “Đối với quốc-tế, quốc-gia dân tộc chỉ là một cơ-năng có hết các cơ-hội, nghĩa vụ và quyền lợi đối với tác-dụng và mục-đích của loài người. Quyền lợi đương nhiên của dân-tộc ở ngay trên bản-thể sinh-mệnh của nòi giống. Tư-cách lịch-sử của mỗi dân tộc quyết-định sự hoạt-động bình-đẳng trên quốc-tế.

Ca-dao Việt đã khẳng-định:

*Cây có gốc mới xanh cành, tươi ngọn,
Nước có nguồn mới biển cả, sông sâu.”*

Tìm về lịch-sử nhân-loại và dân-tộc, có dân-tộc nào chịu đựng những tội ác của loài

1- L Chánh-Trung, ‘Tìm về Dân Tộc’ trang 61, Lửa Thiêng xuất bản 1972.)

người nhiều hơn và lâu-dài hơn là dân-tộc Việt? Có người Việt nào không cảm thấy trong lòng những đau thương và tủi-nhục của chính mình và đồng loại?

Chúng ta cần phản-tỉnh và tự hỏi: “*Trải 5000 năm nòi giống chưa bị diệt vong tất phải có một lẽ gì? và phải có việc gì để làm?*”

Trong phạm-vi dân-tộc Việt, chúng ta hãy tiếp hợp truyền-thống 5000 năm của dân-tộc, truyền-thống đấu-tranh bằng ***dân tộc cách mạng*** với tinh-thần hiện-đại, hoàn-thành một cách-mạng cho dân-tộc trên con đường đi lịch-sử và thắng tiến. Kinh-nghiệm cho thấy, trên phương-diện chính-trị, đi mượn các tư-tưởng ngoại lai nếu không phù-hợp với sinh-mệnh dân-tộc như các tư-tưởng Tống Nho, Thanh Nho, Mác Lê, v.v.... đều di hại cho đất nước.

Dân-tộc ta đã từng lịch-lãm:

* Hơn 1000 năm Bắc thuộc, các thứ-sử và thái thú thời Tây Hán đến Minh triều,... Dù mềm-dẻo hay tàn-bạo đều thực-thi chính sách ***tiêu diệt và đồng hóa dân Việt***. Các thái-thú nham-hiểm như Nhâm Diên, Tích Quang và Sĩ Nhiếp, họ khôn ngoan dùng thủ-đoạn vỗ-về dân chúng hầu dễ-dàng làm thay đổi phong-tục, tập-quán mà họ tự nhận là khai hóa cho dân Việt! Chính sách đồng hóa từ Hoàng Đế kế truyền đời này tiếp đời khác, thực-hiện song song qua hai hình-thức:

- Tiêu-diệt dân bản xứ bằng phương-pháp thống-trị rất hà-khắc.
- Di-dân chiếm đất.

Chỉ cần thử-nghiệm cái sâu hận đời Tống và triều-đại Minh đủ để biết cái dã-tâm của Tàu.

Will và Ariel Durant đã viết trong cuốn “Lịch

Sử Trung Quốc” cho rằng sự phát-triển của lịch sử Trung Quốc trải qua hai giai-đoạn hướng tiến của Hoa tộc thời thượng cổ là từ Tây sang Đông, còn từ nhà Hạ trở về sau là từ Bắc xuống Nam của đế quốc Trung Hoa...

Với lối tư duy phân tích của văn hóa du-mục, Hoa tộc đã nhanh chóng chi-tiết hóa, hệ-thống hóa và phong-phú hóa tinh-hoa của văn-hóa nông nghiệp trồng lúa nước, phát-triển thành nền văn-hóa tổng hợp du-mục + nông nghiệp với một lâu-đài trí thức đồ-sộ, rồi đến lượt Hoa tộc phát-huy ảnh-hưởng trở lại các dân-tộc phương Nam...

Trong cuốn “The Birth of Vietnam”, Keith Weller Taylor đã viết :

“ Mươi thế-kỷ nô-lệ, người dân Việt đã thực chứng dã-tâm thống-trị cũng như linh-hội những điều hay, lẽ phải của Trung Hoa, dân-tộc Việt vẫn có thể tiếp nhận, thưởng-thức những áng thơ Đường nhưng vẫn sẵn-sàng chiến đấu. Sử Trung Quốc” cho rằng sự phát-triển của lịch-sử Trung Quốc trải qua hai giai-đoạn hướng tiến của Hoa tộc thời thượng cổ là từ Tây sang Đông, còn từ nhà Hạ trở về sau là từ Bắc xuống Nam của đế quốc Trung Hoa...

Với lối tư duy phân-tích của văn-hóa du-mục, Hoa tộc đã nhanh chóng chi-tiết hóa, hệ-thống hóa và phong-phú hóa tinh-hoa của văn-hóa nông nghiệp trồng lúa nước, phát-triển thành nền văn-hóa tổng hợp du-mục + nông nghiệp với một lâu-đài trí thức đồ-sộ, rồi đến lượt Hoa tộc phát-huy ảnh-hưởng trở lại các dân tộc phương Nam...

Trong cuốn “The Birth of Vietnam”, Keith Weller Taylor đã viết :

“ Mươi thế-kỷ nô-lệ, người dân Việt đã thực

chứng dã tâm thống-trị cũng như lĩnh-hội những điều hay, lẽ phải của Trung Hoa, dân tộc Việt vẫn có thể tiếp nhận, thưởng thức những áng thơ Đường nhưng vẫn sẵn-sàng chiến đấu.

C/ Dân Tộc Nạn:

Dân tộc Việt đang trên bờ vực thảm qua hai mặt “quốc-gia nạn” và “dân-tộc nạn” do bọn cầm quyền Cộng Sản Việt.

Tinh-thần tập-thể sinh tồn tức là lòng yêu nước và tình-tự dân tộc đã kiệt quệ! Kiệt-quệ vì một mặt nhân dân thấy mình bị lường-gạt một cách quá sức tưởng-tượng, một mặt chính những tình-cảm ấy tuy không chính-thức bị cấm- đoán, nhưng lại bị hướng đi một cách đến thành vô nghĩa với những dẫn-giải “yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa”!

Lòng nghĩa khí đã chết hẳn, và chỉ còn lợi danh, êe-tiền, giáo-quyệt. Càng trẻ càng điêu-ngoại, trâng-tráo. Tập-đoàn cộng sản đã đào-tạo cho lớp trẻ, thay vì nuôi dưỡng “nghĩa-khí, hào-hiệp” thì lý-tưởng khao-khát của thanh niên thời-đại là làm sao được tuyển vào hàng ngũ tổ-chức gọi bằng danh-từ “đảng”, và khi được tuyển vào đảng chỉ biết bảo-vệ quyền-lợi đảng trên hết dù đi ngược lại quyền lợi dân tộc và đất nước! Tinh-thần dân-tộc đã hoàn-toàn bị phá-hoại.

Tất-cả những nét văn-hóa truyền lại từ ngàn xưa tại nông thôn như tổ-chức thôn ấp, đình miếu, tộc đường,... thậm chí đến cả gò đồng, cây đa, con ngò cùng với danh hiệu, tất cả đều đã bị triệt phá, thay hình đổi dạng, khiến một người đi xa lâu ngày trở về không khác nào đến xứ lạ, và tất nhiên những thế-hệ trẻ lớn lên là lớn lên trong một khung cảnh hoàn-toàn không còn liên-quan đến quá khứ!

Những cứ điểm văn hóa dân tộc đã

đương đầu với cả ngàn năm đồng hóa thời Bắc thuộc và hóa giải cả 8, 9 trăm năm cái học-thuật mị ngoại của thời vua chúa và cũng đã chối bỏ được văn hóa lai-căng, bồi đắp thời Pháp thuộc - **Những cứ điểm làng mạc quê mùa ấy đã bị tập đoàn cộng sản triệt hạ! Trọng tội này, tập đoàn cộng sản Hồ Chí Minh phải chịu hình phạt nào cho đúng tội đồ của chúng đối với lịch sử dân-tộc Việt?**

-Truyền thống xâm lăng và Hán hóa của Tàu.

Lịch-sử Trung Hoa có thể nói là một lịch-sử của truyền tiếp xâm-lăng. Đời-đời kế-tiếp, thời nào cũng thế, dù Tàu quốc-gia hay Tàu Cộng, Tàu Bắc-Kinh hay Tàu Đài-Loan, ..từ Hiên-Viên thị cho đến Tưởng Giới Thạch, tiếp Mao-Trạch-Đông và đến ngày nay cũng chỉ là tiếp nối một truyền-thống xâm lăng và Hán hóa. Điều này đã ghi rõ trong lịch-sử Tàu:

- Thủy tổ Trung Hoa, “Hoàng đế chiến Suy Vitu, bình Miêu tộc...”.

** Tiếp nhà Chu (1121-256 trc. C.N.)*

Các sử gia Trung Hoa chia thời Chu làm hai:

- Thời **Tây Chu** từ 1121 - 770 tr. C.N. Thời kỳ này nhà Chu đóng đô ở đất Phong (thuộc Thiểm Tây ngày nay) .

Làm thế nào để thoát Tàu?

- Năm 1962 Trung quốc đưa 9 sư-đoàn chiếm đóng dọc theo biên giới 3225 cây số vùng biên giới Hy mã Lạp Sơn và Trung quốc. Hai nước Ấn - Hoa đã nổ súng đụng độ về biên giới rất khốc-liệt. Kết quả là Trung quốc đã đẩy lui Ấn Độ sâu 50 cây số vào vùng đất Ấn Độ.

Với Mông Cổ, sau 11 năm làm chủ Hoa lục, tháng 5/1960 Chu Ân Lai của Trung quốc sang thăm Mông Cổ để bàn về hiệp-định hợp tác song phương, cả hai bên đã đạt được một hiệp-ước về biên-giới. Tiếc thay, kỷ-nguyên hợp-tác này tồn tại không lâu. Trung quốc luôn-luôn tìm cách lấn biên-giới và cho di dân sang Mông Cổ. Do đó Năm 1981 dấy lên phong-trào trục xuất người Trung Hoa ra khỏi Mông Cổ.

- Với Tây Tạng, sau khi chiếm được Hoa Lục vào năm 1949, Trung Cộng lập tức đòi Tây Tạng phải chấp nhận quốc phòng Tây Tạng do Trung quốc kiểm soát. Đến ngày 7/10/1950 Trung quốc xua 40000 quân đánh chiếm Chamdo, thủ đô miền Nam Tây Tạng, mặc dù Ấn Độ, Hoa Kỳ, Anh quốc cùng một số quốc gia khác phản đối, Trung quốc không những làm ngơ mà còn thách-thức quốc tế bằng cách đưa thêm một quân đoàn tiến vào thủ đô Lhasa vào ngày 9/9/1951...

Việt Nam là một nước mà Trung Cộng muốn thôn tính nhất bằng mọi giá, vì Việt Nam là chốt ngăn duy nhất của dòng Bách Việt còn sót lại để chế ngự sức bành trướng của chúng về phương Nam.

Qua hiệp-ước biên-giới, Trung Cộng đã lấn chiếm những phần đất đai của Việt Nam dọc biên giới Hoa -Việt, tổng-cộng trên 120 cây số vuông, đất đai tiền nhân ta đã dày công xây-dựng: địa danh như Êi Nam quan, thác Bàn Dốc, những khu-vực có mỏ than, mỏ chì, mỏ mangan, v.v...

Chúng đã tự đặt ra lưỡi bò 9 đoạn, và mới đây là 10 đoạn để chiếm trọn biển Đông trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Tình-trạng buôn lậu tại biên-giới Việt - Hoa gây nguy-cơ cho nền kinh-tế Việt Nam. Gần đây chúng

đương dùng áp-lực để bắt dân Việt tiêu tiền ‘Nhân dân tệ’ của chúng, thay cho dùng tiền Việt!...

Hình-thức di dân qua đầu-tư và du-khách không chiếu khán, không ồ ạt nhưng liên-tục. Đó là một đe dọa khủng-khiếp cho Việt Nam, vì chúng là đạo quân thú nham, phát-xuất đồng bộ với cuộc Nam tiến lấn đất ở biên-giới, giành biển ở Biển Đông, bao-vây biên giới Việt - Lào và gần đây ở Vùng Áng, tập-đoàn nhà máy thép Trung Cộng manh-nhạ ý đồ tự-trị, nếu thành công sẽ kéo theo nhiều nơi khác như Tây Nguyên, Bình Dương, . . .

Trước tình thế nguy-nan của đất nước;

*“**Nên Hòa hay Nên Chiến ?**”*

*- “ **Quyết Chiến** ”*

*- Có quyết chiến, dân Việt mới có cơ-hội **Sống Còn**.*

*Cuộc chiến này là cuộc chiến “ **Toàn diện - Quyết liệt - và thẳng tiến**.” Chúng ta phải mau chóng cùng nhau đứng dậy, đáp tiếng gọi Non Sông, phải quyết liệt hô vang:*

Nam quốc sơn hà, nam đế cư.

Tiết nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.’

(Lý Thường Kiệt)

** **Vững tin vào truyền-thống anh-dũng của tiền nhân:***

Lịch-sử Việt là cả một trang dài đấu-tranh máu sắt không dứt giữa nòi Hoa với Việt.

Biết bao những trang sử kiêu-hùng bất-khuất của dân tộc Việt, nay cần khơi sáng lại để là những

ngọn đuốc soi đường đấu-tranh:

- Dưới thời An Dương vương, Cao Lỗ đã chế ra nỏ thần (*liên nỏ = linh quang thần nỏ*) làm cho Nhâm Ngao và Triệu Đà phải đại bại.

- Thời Triệu (*Triệu Ai vương*), thái phó Lữ Gia chém đầu sứ giả An Thiếu Quý và mẹ con Cù Thị:

- Năm 34 Tây lịch, vào thời Đông-Hán, dưới triều Hán-Quang-Vũ, Tô-Định làm thái-thủ quận Giao-Chỉ. Tô-Định cai-trị rất bạo-tàn. Trước tình-cảnh đen tối của đồng-bào, Bà Trưng-Chắc bèn cùng với người em gái là Trưng-Nhị nổi lên đánh đuổi Tô-Định. Bọn Tô-Định phải trốn về Tàu.

- Thời Đông Ngô, năm 248, bà Triệu (*Triệu Thị Chinh*) với hào-khí đã đứng lên: “*Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thêm bắt chước đời cúi đầu cong lưng để làm tỳ thiếp cho người ta.*” . . .

- Năm 548, Triệu Quang Phục (*Dạ Trạch vương, khởi dùng du kích chiến*) đánh bại quân nhà Lương là Trần Bá Tiên.

- Năm 938, Ngô Quyền vương đã đại thắng quân Nam Hán, chém đầu Hoằng Thao, Hán đế phải rút quân về Tàu không dám quấy nhiễu nước Nam.

- Năm 1076, triều Lý Nhân Tông sai danh tướng Lý Thường Kiệt đem quân ngược vào đất Tống, phá căn cứ địch, nơi đang chuẩn bị cuộc xâm lăng đất Việt. Cuộc tấn công vào đất địch đã hoàn toàn thành công. Đây là lần thứ nhất, quân lực Việt áp dụng chiến lược “*tiên hạ thủ vi cường*”

Tiếp đến thế kỷ thứ XIII, ba lần đương đầu với đại quân Mông Cổ (*Nhà Nguyên*). .

Ba trận đánh này, nhất là trận thứ hai là một thử thách cùng độ mà một quốc-gia phải chịu, đứng nghĩa danh từ “*toàn dân, toàn quân, toàn địa chiến trường, và toàn diện thụ địch*”, nhưng không một nơi nào, mặt nào mà quốc gia Việt nao-núng để rồi quân giặc bị đánh tan.

- Tiếp thời Minh đô-hộ, sau 10 năm gian-khổ, Lê Thái Tổ huy Lê Lợi đã đuổi được Phương Chính, chém đầu Liễu Thăng ở núi Mã An, bắt sống Thôi Tụ, Hồng Phúc, quét sạch quân Minh, tái dựng nền tự chủ cho nước nhà.

- Năm 1788, vua Càn Long nhà Thanh bên Tàu sai Tôn Sĩ Nghị khởi quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu và Vân Nam sang đánh nước Việt.

Nửa đêm ngày 3 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), quân vua Quang Trung vây kín đồn Hà Hồi.. Vua Quang Trung cỡi voi đi sau đốc chiến. Quân Tàu địch không nổi, xôn-xao tán loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Tôn Sĩ Nghị đang đêm được tin báo, hoảng hốt không kịp thắt yên ngựa và mặc áo giáp đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông. Quân các trại nghe tin, tan rã chạy trốn, tranh nhau qua cầu, cầu đổ sa cả chết chìm vô kể.

Áo bào vua Quang Trung bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa vào thành Thăng Long, sai tướng đem binh đuổi quân nhà Thanh đến cửa Nam Quan, những dân Tàu ở gần Lạng Sơn sợ khiếp dất dúi nhau mà chạy, hơn mấy trăm dặm tịnh không nghe thấy tiếng một người.

Đem đổi chiếu với sứ Tàu:

- Giai đoạn “Ngũ Đại Thập Quốc” (906-960)

bộ tộc Sa Đà với dân số 100 ngàn người đã chiếm miền Bắc Trung Hoa trên nửa thế kỷ.

- Triều Tống (960-1279) với dân số 120 triệu đã phải triều-cống các bộ-tộc Liêu chỉ có 4 triệu dân, và bộ-tộc Kim (2 triệu dân).

- Mông Cổ với 2 triệu dân đã chiếm trọn lãnh thổ Trung Hoa trong vòng 90 năm và đặt ra nhà Nguyên (1280-1367).

- Dân Mãn chỉ có 1 triệu dân đã diệt nhà Minh, đô hộ Trung Hoa gần 3 thế kỷ (từ 1644-1911) và lập ra nhà Thanh. Triều Mãn Thanh đã bắt 150 triệu chú “**Chệt**” (Tàu) phải ngoan-ngoãn gióc tóc, thắt bím, mặc - phục Mãn...

Những điều dẫn-chứng này, đủ để toàn dân chúng ta mạnh-dạn đứng lên chống Tàu xâm-lăng một cách toàn-diện và triệt-để.

III/ Hành Động :

A/ Mặt Trận Văn Hóa

- Chúng-ta có thể chỉ mặt bọn Tàu mà nói: Các chú là dân xảo-trá, cướp-đất, cướp-dân, nhận vơ văn-hóa của người làm của mình!!!

* Theo Will Durant, dân Trung Hoa kết-hợp với các dân-tộc bị trị mà tạo nên văn-minh đầu tiên cổ sử Đông Á.

* Lương Khải-Siêu (1873-1929) là một trong số học-giả hiếm-hoi của Trung Hoa đã thừa-nhận rằng Trung Hoa có nguồn-gốc du-mục khởi lên từ miền Tây Bắc rồi tràn xuống xâm-chiếm các bộ-tộc ở lưu-vực Hoàng Hà, tiến về phương Nam, vượt Dương Tử, bành-trướng lãnh-thổ từ Nam Mông Cổ đến tận Quảng Đông,

* Theo Edward H. Schafer: “*Chẳng còn*

nghe-ngờ gì nữa, nghệ-thuật trồng lúa nước và thuần-hóa súc vật đã được người Tàu thâm-hóa từ những chủng-tộc mà họ khinh-bĩ tại phương Nam xa-xôi.”

* Theo Wolfram Eberhard, giáo-sư đại học ở California từng giảng dạy tại đại-học Bắc Kinh đã đề ra nhiều năm nghiên-cứu về phong-tục, tín-ngưỡng của các sắc dân tại Nam Trung Quốc cổ nhận xét như sau: “*Ý kiến cho rằng chủng-tộc Hán đã sản sinh ra nền văn-minh cổ đại hoàn-toàn tự lực do chính những tài-năng đặc-biệt của họ thì nay không còn đứng vững”.*

Và nhất là ngày nay, mấy chú tự hào là đã thành lập được vài trăm **viện khảo cứu Khổng học** ở nhiều nơi. Mục đích để đề cao văn hóa Trung Quốc song song với phát-triển kinh-tế cho xứng với ngôi vị siêu cường?

Sự thực vai-trò của Khổng Tử của mấy chú chẳng có gì để xứng với hân danh “**Vạn Thế Sư Biểu**” như các chú đã tuyên xưng. Ta chỉ cần dẫn lại chính lời của Khổng Tử:

- Trong sách Luận Ngữ, mục “*Thuật nhi*” , Khổng Tử viết: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” = thuật lại mà không sáng-tác, tin và yêu cổ xưa. Điều này chứng tỏ những điều Khổng Tử nói hay viết lại, không hoàn-toàn do Khổng Tử sáng-tác, mà chỉ thuật lại của một nền văn hóa nào khác (Bách Việt ?)

- Tử Lộ vấn cường. Tử viết: “*Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư? Ưc nhi cường dư? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo – Nam phương chi cường dã. Quân tử cư chi. Nhĩ kim cách, Tử nhi bất yểm – Bắc phương chi cường dã, nhi cường giả cư chi.*” [Ông Tử Lộ hỏi về sức mạnh. Khổng Tử đáp: “*Đem lòng rộng-rãi, hiền hòa dạy*

người, dấu kẻ vô đạo cũng không báo thù, đó là sức mạnh của người phương Nam.

Người quân-tử cư-xử như vậy. Xông pha gươm giáo, ôm yên mặc giáp, đến chết không chán, đó là sức mạnh của người phương Bắc. Kẻ cường bạo cư xử như vậy.] (Trung Dung - bài 10, Tử Lộ vấn cữu).

- Riêng về con người của Khổng Tử, chính ông ta cũng tự cho là chưa xứng-đáng là quân tử. Sách Trung Dung- Lý nhân có ghi: “*Quân tử chi đạo tứ: Kỳ (Khổng Tử) vị năng nhất yên. Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã, sở cầu hồ thần dĩ sự quân vị năng dã, sở cầu hồ để dĩ sự huynh vị năng dã, sở cầu hồ bằng hữu, tiên thi chi, vị năng dã. . .*” (Đạo quân tử có bốn (4) đức cốt yếu, nhưng Kỳ (Khổng Tử) chưa làm trọn được một. Phận làm con phải hiếu thuận với cha mẹ, ta chưa làm được; phận làm tôi phải trung với vua, ta chưa làm được; phận làm em phải kính nhường anh, ta chưa làm được; Cho đến phận hữu, trước phải ra tay giúp người, ta cũng chưa làm trọn...)

Chính Khổng Tử cũng chưa dám nhận là quân tử, thì tại sao thiên hạ lại tôn ông làm thánh? – Tử viết: “*Nhược thánh dữ nhân, tắc ngô khởi cảm.*” (Như làm bậc thánh và bậc nhân thì ta há dám (Luận Ngữ – Thuật Nhi).

- Chúng ta cũng mạnh dạn chỉ vào mặt chúng (Tàu Chệt) mà nói:

“*Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang-dã không có dân cư mà cũng không phải cuộc bành-trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất đai của đám dân mọi rợ. Khi nền văn minh Trung Quốc có bản-sắc rõ-rệt của Trung Quốc lần đầu tiên xuất-hiện tại bình nguyên Trung Quốc thì vùng*

đất miền Nam đã có những sắc dân cư-ngụ tại đó và họ đã có một trình độ phát-triển văn-hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành-trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn hóa của họ.”

(Herold J. Weins, ‘Han Chinese Expansion South China’ The Shoe Spring Press inc., 1967.)

B/ Mặt Trận Chính-Trị & Xã-Hội.

- Tiếc thay: theo kinh sách của Nho giáo đề cao vai-trò “*người*” như “*nhân giả kỳ thiên địa chi đức*” (người là cái đức của trời đất) nhưng thực-tế, theo tiến sĩ Trần văn Đoàn, giáo-sư thính giảng tại nhiều đại học Âu Châu và Á Châu: *Tuy Nho giáo chấp-nhận con người làm chủ, vai “người” như là một nền đạo đức. Song tiếc thay xã hội do Hán Nho thống-trị lại đề cao ngôi “vua, chúa” và coi người dân như cỏ rác, công cụ. Trong lịch-sử Hán Nho chưa bao-giờ ghi lại sự-kiện người dân làm chủ. Sự thần thánh hóa vua chúa chứng-minh một cách chua-chát cho quan-niệm “dân vi quý”. Những câu này chỉ xuất-hiện trong đầu óc một số triết-gia, hay trên miệng lưỡi của các nhà nho mà thôi.*”

- Suốt thời-kỳ Xuân Thu (1135-770 tr. T.L.) và Chiến Quốc (770-256 tr. T. L.), thiên hạ đại loạn. Theo Will Durant: *xã hội do Chu Công kiến lập, vì lấy văn-hóa du-mục làm chủ đạo, nên bề tôi giết vua, con bỏ cha, vợ lìa chồng...cửa nhà tan nát, dân chúng khổ cực, nạn đói xảy ra hàng ngày ở khắp nơi!*

Tục lệ chôn người sống.

Qua các cuộc khai-quật ở An Dương từ năm 1950, người ta tìm thấy ở những ngôi mộ của thiên tử và chư hầu, người tuấn táng (tự chết theo) nhiều-

ít tùy theo ngôi vị thiên tử hay vương hầu. Điều đó chứng tỏ số người bị hy sinh rất lớn,

- Nhất là khi chôn cất nhà vua. Có một ngôi mộ, người ta khai-quật trên 300 bộ xương người. Những bộ xương đó có thể là của hoàng hậu, cung phi, các kẻ hầu cận vua, vệ binh, đánh xe, một số quan tướng nữa. Tục lệ này duy-trì rất lâu, mãi đến thiên niên kỷ thứ nhất mới được lần-lần thay thế bằng những hình nộm đan bằng tre, hay những tượng lớn như người thật bằng đá, gỗ hay đất nung...

- Căn cứ vào Lễ ký, ta thấy thời Chu, xã hội Trung Hoa phân chia giai cấp rõ-rệt: “đại phu” và “dân thường” hay “thượng lưu” với “bình dân”. Câu “*Hình bất thượng đại phu - Lễ bất hạ thứ dân*” (Hình phạt không áp dụng cho giới đại phu - Lễ không dùng xuống thứ dân) nêu rõ sự khác-biệt của hai giai-cấp trong xã hội: quý-tộc và bình-dân! Điều này khác với văn-minh nông-nghiệp.

- Vai-trò “*thiên-tử*” trong Nho học chỉ là một người, trước đại-hội chư-hầu, tuyên-thệ lãnh nhiệm-vụ chấp-hành thiên-lý (Cái đức hiếu sinh của Trời Đất (*tức là lãnh thiên mệnh*)). Sang Tần Thủy-Hoàng, thiên-tử thành một nhân-vật tuyệt-đối uy-quyền; **Chữ “trung” là trung tín, là một lòng giữ chắc những điều giao-ước giữa thiên-tử và chư hầu - Sang thời “Đế chế Cực Quyền”, chữ “trung” trở-thành cái đạo mù quáng, “Quân xử thần tử - thần bất tử bất trung”**. Cả một nền văn-học của Hán và Tống Nho đã đúc-nặn ra bọn bày-tôi nô-lệ, tranh nhau xu-nịnh kẻ cầm quyền.... **Chính thái-độ xu-phụ cường quyền này đã sản-sinh ra những tử: Hán dân, Hán Tộc, Hán học, Hán tự, Hán văn, Đường nhân, Tống nhân, v.v...**

[*Thật là giọng điệu kỳ thị Hoa Di! Không hiểu khi Khổng Tử thú nhận là “Thuật nhi bất tác” (chỉ thuật lại chứ không sáng tác) những điều nhìn thấy, đọc thấy ở các chư hầu phương Nam mà nay quy về nòi Hoa Hán thì rõ thật là mạo hóa hay mạo nhận!!!*].

Theo lịch-sử Trung Quốc, nhà Chu khai-sáng là thời-kỳ giai-cấp quý-tộc thống-trị, trong đó mỗi một nước là một chư-hầu, quy-tụ trung-ương là nhà Chu.

Sách Tả Truyện có ghi vào 535 trc. C.N.:

- *Vua trung Ương có thần tử là vua chư hầu. Chư hầu có thần tử là công khanh. Công khanh có thần tử là quan chức của mình. Quan chức có thần tử là ty chức. Ty chức có thần tử là vô số các quan lại nhỏ. Quan lại nhỏ có thần tử là phò tá. Phò tá có thần tử là nhân viên của mình. Nhân viên có thần tử là bộc lệ, bộc lệ hay nô-bộc có kẻ phụ dịch, ngựa có kẻ chăn ngựa, trâu bò có kẻ chăn dắt. Và như thế mọi vật đều có dự- định cả.!*”

- Dưới thời Thế Tổ tách Trung Hoa làm hai chế độ: Phần phía Bắc Vạn Lý Trường Thành theo chế-độ của Mông Cổ, phong-tục tập quán Mông Cổ; Phần phía Nam Trường Thành theo chế-độ cũ Trung Hoa.

Trong xã-hội chia làm 10 giai-cấp:

1- Quan lớn trong triều-đình (đều là người Mông Cổ

1- “*Lễ bất hạ thứ nhân - Hình bất thượng đại phu..*’ (Lễ không áp dụng người dân thường - Hình pháp không dụng đến cấp đại phu’ (Lễ Ký. Nguyễn Đăng Thục trích dẫn trong Lịch Sử Triết Học Phương Đông /Tập 2 - Nhà xb. TPHCM - 2001)

- 2- Quan nhỏ ở địa-phương.
- 3- Lạt Ma (thầy tu).
- 4- Đạo sĩ.
- 5- Y sĩ.
- 6- Thợ và người làm tiểu-công-nghệ.
- 7- Thợ săn.
- 8- Con hát và những nghề đáng khinh.
- 9- Nhà nho.
- 10- Thành-phần ăn mày.

*** Đời sống lầm than:**

Tiếp-theo Tần, những “*nhân-hiệu*” được đề ra cũng chỉ là một thứ *mạo-hóa*. Những *mạo-hóa* qua Hán Nho, rồi Tống Nho, và nhiều Nho khác nữa, tùy triều-đại, những Nho này vừa là những phân-hóa của chính Nho, vừa là những xuyên-tạc, *mạo-hóa* để biện-minh cho “*đế-chế cực quyền*” hay “*thiên triều chủ-nghĩa*”.

Khi “*đế chế cực quyền*” ở Trung Hoa ảnh hưởng sang Việt Nam, tất-nhiên đời sống dân chúng lâm vào cảnh *lầm-than*, *cơ-cực*.

C/ Mặt Kinh Tế:

- Lật tẩy chúng:

. *Vật phẩm do Trung Cộng chế tạo, nhưng lại dán nhãn hiệu như Made in VietNam, Made in Thailand, Made in Laos, v.v...*)

. Tình-trạng buôn lậu trầm-trọng ở biên giới Việt-Trung gây nguy-cơ cho nền kinh-tế VN bị phá sản.

. Hàng hóa Trung quốc tràn ngập qua các ngã biên-giới một cách dễ-dàng, giá rẻ hơn hàng nội địa từ 40 đến 50%.

Sau 1975 Trung Cộng đã tung ra nhiều đòn:

. Mua móng chân trâu với giá cao làm nông dân ham tiền đã giết trâu, bò phần bán thịt, phần bán móng chân trâu bò với giá cao. Trong khi máy cày còn khan hiếm, thợ máy chuyên môn chưa sẵn sàng, cộng chính sách “*hợp tác xã*” bỏ tư hữu nên nhiều ruộng Việt đành bỏ hoang!

. Những năm đầu 1975, 76, 77 đồng tiền Việt Nam còn giá trị, sau đó liên tiếp bị Trung Cộng in ra bạc giả Việt Nam. Có lẽ để tránh nguy cơ phá sản, bên Việt Nam bèn phá giá một đô-la ăn bằng nghìn mốt, ngàn hai, ngàn rưỡi tiền Việt!

. Tung tin “*thịt mè o ngon và rất bổ*”, mua mè o với giá cao, nên dân Việt bèn bán mè o sang Trung Quốc gây nạn chuột đồng phá-hại mùa màng!

. Trung Quốc còn áp-dụng nhiều biện-pháp bổ sung như chính-sách xuất-khẩu bán phá giá, còn gọi là *đầu mại* (dumping), giá mặt hàng Trung Quốc bán ở vùng biên rẻ hơn nội địa Trung Quốc. Đó là mặt trái của quan-hệ Việt - Trung mà mục-tiêu lâu dài là biến kinh-tế Việt Nam thành nền *kinh-tế ngoại biên* (*économique périphérique*) theo định-nghĩa của Raoul Prebisch, tương-ứng với quan-điểm “*Tứ Di*” của Trung Quốc.

Người Việt dù bất-cứ ở đâu cần phổ-biến rộng rãi:

. Những món hàng giả-mạo của Trung quốc;
 , Những món hàng chứa chất độc có thể gây tử vong cho người dùng.

. Những trung-gian tiếp tay nhập hàng Trung quốc một cách lậu thuế.

. Những mảnh khoé viện-trợ , đầu-tư công

nghiệp không kiếm lời, để chúng dễ-dàng di dân và khai-thác tài-nguyên.

. Những cấp-trợ tài-khoản cho chính-quyền hay trường học để mở những cơ-quan văn-hóa (như Viện nghiên-cứu Khổng Học) mong che-lấp những công tác tin-tức, gián-diệp, kiểm-soát hoa kiều, du học sinh của chúng....

- Tích cực tiêu dùng hàng nội hóa. Có như vậy mới mong phát triển công nghiệp nước mình, tránh bớt tiêu dùng ngoại tệ để nhập cảng hàng hóa nước ngoài (nhất là Tàu).

- Khi nhận ra nhãn hiệu giả-mạo của Trung Cộng, hay hàng-hóa Tàu có chất độc, ta phải phổ-biến sâu rộng để nhiều người biết. Có như vậy mới làm suy yếu sự xuất-cảng của chúng.

- Phổ-biến rộng rãi, giá-trị quốc-tế của đồng ‘‘Nhân Dân Tệ’’ còn yếu kém, không bảo-đảm về giá trị quốc-tế lâu dài.

- Tổ-chức nhiều nhóm, nhiều đoàn (Thanh niên thiện chí, sinh viên, học-sinh, Hướng đạo, v.v... vào những ngày cuối tuần đi thị sát và phổ-biến những nhãn-hiệu giả-mạo và có chất độc trên những hàng hóa Trung Cộng,...

Có triệt-hạ được khả-năng thương-mại của Trung Cộng, mới ngăn chặn được những mưu-mô xâm lăng, mua chuộc tình cảm các cơ quan chính quyền các nước tiểu nhực.

D/ Mặt Trận Quân Sự

- Trong đường hướng mở rộng biên cương, Mãn Thanh đụng độ với Nga muốn tìm đường qua phương Đông để thông ra biển. Năm 1650, Nga đã tiến tới Hắc Long giang, Nga phải thương-thuyết. Năm 1669 hiệp-ước Hi Bố Sở (Nertohinsk) được

ký-kết giữa Nga và Mãn Thanh.

Thời nhà Thanh đã sai Tôn Sĩ Nghị đem quân xâm-chiếm Việt Nam nhưng bị người anh hùng hùng đột xuất là Quang Trung đã đánh tan quân 20 vạn quân xâm-lược.

Và như trên đã dẫn-chứng:

Trung Quốc đã bị các bộ-tộc Tiên Ti, Sa Bà, Kim, Liêu, Mông Cổ, Mãn Thanh xâm-chiếm và cai-trị.

- Trước sự gây hấn của Trung Cộng đối với Việt Nam, cùng các nước khác ở vùng Thái Bình Dương như Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, Nhật Bản, Đài Loan, Miến Điện, Lào, Kampuchia, Ấn Độ, ngoài ra cũng đe dọa các quyền lợi vận chuyển hàng hóa và sự thông thương của các quốc gia Tây Phương qua lại Thái Bình Dương. Do đó là sự tính toán sai lầm của chúng. Dù chúng có là mãnh hổ thực sự thì ‘‘*mãnh hổ cũng nan địch quần hổ*’’. Không những thế còn tự giảm uy tín của chúng. Xét cho cùng:

- Với khả-năng về khoa-học hiện-đại, chúng cũng chưa hơn Tây Phương và Hoa Kỳ.

- Với tình trạng xã hội của chúng cũng chưa được thống-nhất. Sự hình-thành quốc-gia của chúng chỉ là sự cưỡng-bức sát-nhập, chia-rẽ chủng-tộc (ngay trên lá cờ của Trung Cộng có bốn ngôi sao nhỏ (Mông, Mãn, Hồi, Tạng) châu quanh ngôi sao lớn (Hán tộc) thì làm quân đội nhân dân của chúng hết lòng vì Bắc Kinh?

- Trình-độ hay mức sống của dân tàu cũng còn đứng vào hạng thấp trong thế-giới.

Những điều này, đủ để các láng giềng Trung Quốc tin vào sức chiến-đấu của mình.

E/ Mặt Trận Ngoại Vậ

Vụ tàn-sát nhân dân Y Khắc Chiếu năm 1943, cuộc trấn-áp bằng vu- trang ở Tân Cương năm 1944, vụ tàn-sát tập thể trên 5 ngàn người dân Đài Loan đòi độc lập 1947... lấn đất Mông Cổ, ngang-nhiên chiếm Tây Tạng, đoạt Hoàng Sa và Trường Sa, dõ aỉ Nam Quan vào sâu đất Việt,... Tất cả đều là thừa-kế chính-sách đồng-hóa và diệt chủng các tộc khác của nòi Hoa.

Cho tới nay, dù ở chế-độ nào, mối liên-hệ giữa Trung-quốc với các nước lân-bang, chính quyền Trung-quốc vẫn coi là mối liên-hệ giữa thiên triều với thuộc quốc ! Ngay danh-từ “Trung-Hoa” đã mặc-nhiên bao-hàm ý-nghĩa “*một trung-tâm văn-minh của thế-giới*” (Trung = giữa, Hoa = văn-minh, đẹp tốt).

Những nét “*Đại đồng*” ghi trong Lễ Ký, hay được hô-hào bởi các lãnh-tụ Trung-quốc, nếu hiểu theo một cách đích-thực: thiên-hạ đại đồng trong sự “*coi sóc*” của nòi Hoa, và được biểu-hiện qua chủ-nghĩa chủng-tộc đế quốc, mệnh-danh là “*thiên-hạ chủ-nghĩa*”. Chỉ nhìn lá cờ Trung Cộng hiện nay “Bốn ngôi sao nhỏ châu một ngôi sao lớn” là đủ hiểu. Đời đời, chính-quyền Trung-Hoa tiếp nối chính-sách “*Xâm-lãng và đồng-hóa*”.

Tháng 5/1951 Trung Hoa xua quân chiếm Tây Tạng.

Năm 1959, dân Tây Tạng nổi lên ở Lhasa, Mao đưa quân đàn áp dữ dội, đức Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng phải chạy qua Ấn Độ.

Tiếp truyền “*hội chứng Đại Hán*”, các nhà lãnh đạo Trung Hoa dù ở dưới chính thể nào cũng không bao giờ chấp nhận vai trò thứ yếu của Trung

quốc trong vùng Á châu, và cũng không bao giờ thỏa-mãn với đất đai rộng lớn hiện có của mình

Tất cả các nước láng giềng của Trung quốc, các quốc gia trong vùng Đông Nam Á Châu cần tởn- thức để nhận ra đều là anh, em trong khối Bách Việt xưa cùng tương kính nhau, tránh mọi ngộ nhân, hiểu lầm nếu có để không chung lưng đối đầu với kẻ thù chung nguy hiểm - Đó là Tàu:

* Tia Sáng Hình Thành Thế Liên Hợp:

Tiếng gọi liên kết các nước tiểu nhược trong khu vực Đông Nam Á đã được cất lên, trước hết tại Thái Lan năm 1939, và sau đó tại Việt Nam vào năm 1943.

Đầu tháng 8/1963, ba nhà lãnh-đạo Nam Dương, Phi Luật Tân và Mã Lai (Tổng thống Sukarno, Tổng Thống Phi Luật Tân Macapagal và thủ tướng Liên Bang Mã Lai Rahman) đã đưa ra hai văn kiện: Bản Tuyên Cáo Manila và Thông Cáo Chung khẳng định ba nước Malay đều sát cánh trong công cuộc “*chiến đấu chống lại chủ nghĩa thực dân và đế quốc*”. Điều quan trọng hơn hết, tuyên cáo nhấn mạnh hội nghị cấp cao ba nước là những bước đầu tiến tới thành lập Liên Bang Maphilindo. Tuy hình thức liên kết **Maphilindo** đã không thành, một phần lớn vì ảnh hưởng của các cường lực bên ngoài.

Ý thức Maphilindo đã và đang làm bó đuốc lý tưởng soi đường cho nỗ lực kết hợp của hậu duệ Bách Việt - Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á (**ASEAN**) được thành lập qua tuyên ngôn Bangkok năm 1967 gồm 5 nước: Indonesia, Phillipines, MãLai, Thái và Singapore... .

*** Thế Liên Hoàn Bách Việt cần sớm thành hình:**

- Dùng khảo cổ học, chủng tộc học, di truyền học và lịch sử di dân để chứng minh cùng chung chủng tộc Bách Việt của các nước trong vùng.

- Qua các chứng tích “Khảo cổ học” để dứt khoát về văn hóa Bách Việt có trước văn minh Hoa và Ấn, như:

Tiến sĩ Wilhem G. Solheim II đã đưa ra nhiều giả thuyết mơ

+ Văn minh Yangshao (Ngưỡng Thiều) thuộc thời kỳ đồ đá mới là do nhánh văn hóa Hòa Bình truyền lên vào khoảng 8, 7 ngàn năm trước C.N.

+ Cả hai nền văn hóa Lungshan (Long Sơn) và Yangshao (Ngưỡng Thiều) phát xuất từ nền văn hóa Hòa Bình.

+ Vào thời kỳ 3000 năm trước C.N. đã có một số thuyền của người Đông Nam Á cập vào Nam Dương, và Phi Luật Tân. Các thuyền này đã chở theo nghệ thuật làm đồ gốm, khắc gỗ, vẽ mình và nhuộm áo...

Con cộp Trung Quốc qua hơn thế kỷ ngủ quên, nay chợt tỉnh giấc và đang cố vươn lên mọi mặt, nhất là về kinh tế, chính trị và quân sự.

Để hợp tác hay đối phó hữu hiệu với Trung quốc, các quốc gia thành viên khối ASEAN phải thật sự đoàn kết nội bộ dựa vào những nét chung về chủng tộc, về lịch sử đã cùng mối đau thương bị linh lạc do dã tâm Thiên triều chủ nghĩa (Trung Hoa), về tương lai cho sự sống, còn, tiến, nối hĩa.

* Nguyên tắc vận động:

- Dẫn chứng lịch sử mỗi quốc gia trong khối bách Việt đã ê-chê bị ngoại nhân thống trị hay tước đoạt quyền lợi.

- Đối với Việt - Miên - Lào cần giải tỏa sự sai lầm về mối thù truyền-kiếp cận-đại.

- Việt bị Hán và Pháp cai trị.

- Lào và Miên thời Pháp thuộc.

- Phi, Nam Dương bị Đức xâm chiếm.

- Mã Lai Á bị di dân Tàu ngụ cư chiếm đất thành một nước Tàu nhỏ Singapore.

- Miến Điện luôn luôn bị Trung quốc đe dọa.

- ...

* Khẩu hiệu vận động:

Tương kính - Tương lợi - Thủy chung.

Huy hoàng Bách Việt cho ngày mai.

* Chủ điểm vận động:

- Liên minh kinh tế thị trường chung Bách Việt.

- Liên-minh quân-sự (bảo toàn lãnh thổ mọi quốc gia trong liên minh).

- Liên-minh chính-trị (Lập thể quân bình trong vùng và thế mạnh trên chính-trường quốc tế). Khối Bách Việt cần khéo-léo dùng các thế-lực của Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga và Ấn Độ tiếp tay ngăn chặn sự bành-trướng của Trung quốc.

- Liên-minh văn hóa: Phục-hoạt văn-minh Bách Việt, văn minh Hòa Bình.

- Tin tưởng vào truyền thống anh dũng chống ngoại xâm của Tiên nhân,

- Tin-tưởng vào tinh-thần “Dân Chủ”, “Nhân Bản Hòa hài” và “Dân Bản” đã có từ ngàn xưa của Dân-Tộc.

- Tinh-thần bất diệt ‘Thời Đinh’ lấy ‘Lau Tre’ mà dẹp tan tình trạng ‘phân hóa’ (Thập Nhị Sú Quân), lấy ‘Toàn-Dân Đoàn-Kết’ mà chống được quân Nguyên, lấy kiên-trì mà đuổi được quân Minh.

Tình thế hiện nay:

* Vai-trò Việt Sĩ trước thời-đại:

Hơn 500 năm nay, từ cái học “tứ chương” ở thời Lê mạt, tiếp Trịnh - Nguyễn phân tranh, đến cái nhìn cận-thị “bế môn tỏa cảng” của triều Nguyễn, rồi thực-dân Pháp xâm-lăng, ...

Đất nước Việt đã tan-hoang, người dân Việt đã và đang lâm-than, thống-khổ. Có lẽ không lời nào tả đầy đủ hơn bằng lời thơ trong “Địa Ngục Hoa”

*Đất này chẳng có niềm vui
Ngày quệt mồ hôi, đêm chùi lệ mới
Trại lính, trại tù, người đi không ngớt
Người về thưa thớt dăm ba.
Trẻ con đói xanh tàu lá
Cày bừa phụ-nữ đảm-đang
Chốn thôn làng vắng bóng trai làng
Giấy báo tử rơi đầy mái rạ,
Buồn tất cả !. . . .*

Tất cả những công-trình xây-dựng bằng máu và nước mắt của tiền-nhân phút-chốc bị dòng sóng bạo-cuồng tàn phá!

*Ôi tiếc thương bao mùa lúa vun trồng
Một mùa thu nước lũ
Trở thành bùn nước mênh-mông.
Lớp sóng hồng man-dại
Chìm trôi quá khứ, tương lai,
Máu, lệ, mồ-hôi, rớt-rãi...*

(Khuyết Danh)

Về mặt tinh-thần, lòng yêu nước, tình-tự dân tộc đã kiệt-quệ. Kiệt-quệ vì một mặt, nhân dân đã thấy mình bị

lường-gạt một cách quá sức tưởng-tượng, một mặt bị cấm- đoán hay hướng-dẫn một cách quỷ quyệt “*Yêu nước là yêu chủ-nghĩa xã-hội*”, lòng nghĩa-khí đã thay thế bằng lợi danh đê-tiện, giáo-quyệt, trâng-tráo!

Tinh-thần dân-tộc đã bị phá-hoại đến nền-tảng. Tất-cả những nét tinh-hoa cổ-truyền như tổ-chức thôn ấp, đình miếu, tộc đường,... thậm-chí đến gò đồng, cây đa cùng với danh hiệu, tất-cả đều bị triệt-hạ! Nói cách khác, những thế-hệ trẻ lớn lên trong khung-cảnh hoàn-toàn xa lạ với quá-khứ!!!

Những cứ điểm làng mạc đương đầu với cả ngàn năm Bắc thuộc, và cũng chối bỏ được những nét văn-hóa lai-căng thời Pháp thuộc đều bị triệt-hạ!

Tuổi trẻ quốc nội đã được hướng-dẫn trong niềm khao-khát thời-đại là làm sao được tuyển vào hàng ngũ của “đảng”, và khi được tuyển vào “đảng” chỉ biết bảo-vệ quyền-lợi “đảng” trên hết, dù đi ngược lại quyền-lợi đất nước và sinh-mệnh đồng-bào!

Tại hải ngoại, đa số lớp trẻ bị ảnh-hưởng nấc thang giá-trị xã-hội trên *bằng cấp*, và *tiền bạc*!

Không thiếu những khoa-bảng đã chạy theo tiền bạc mà coi rẻ chức-phận nghề-nghiệp, sẵn-sàng làm tôi-tớ cho quyền lực!

Bằng Cấp Ngày Nay:

Bác-sĩ lặn mê-ke.¹

Hàm-thụ cũng nên nghề.²

Cao học không cần cử.³

Bằng cấp nghĩ mà ghê !

Duy-Khang (3/96)

Ghi chú:

1-Mê-ke : medi-care

2-Nghề : tiến-sĩ thời xưa

3-Có nhiều kẻ, nhân dịp tỵ nạn ra nước ngoài, mạo khai đầu cử nhân bên nhà để theo học cao-học.

Trước hiểm-họa “vong nô” và “vong bản”, quốc gia Việt, dân tộc Việt cần một **cuộc cách-mạng triệt để, toàn diện và hướng thượng**.

*“Thân hệ bang gia chung hữu dụng,
Thiên sinh hào-kiệt bất ưng hư...”*

(Kẻ Sĩ)

Nhiệm-vụ của kẻ “Sĩ” rất trang nghiêm. Nhu cầu cách-mạng dân-tộc và thời-đại thật cấp-thiết. Kẻ Sĩ không thể nào không ý-thức trách-nhiệm đối với đất nước và dân tộc.

Kẻ “Sĩ” trước hết cần quyết tâm kiến-lập lấy một sinh-mệnh hệ-thống, lấy bản ngã tối viên-mãn làm tối cao thống-súy tự mình.

Quyết vượt thắng tất cả những ước-hèn, dục vọng thấp-hèn, chia-rẽ, hung-bạo còn ẩn-tàng vẫn đục tình người trong chính mình.

Hết sức vận-động, khai-triển được hết khả-năng tốt đẹp ẩn-tàng làm rực-rỡ cho cả ba mặt *vật-tâm-sinh* của mình để từ đó rạng-rỡ phát-triển cho cuộc sống chính mình, cho gia-đình và dân-tộc.

Quyết tu-dưỡng để có một nhân-cách trọn vẹn. Sao cho có được một tinh-thần cao thượng, *Tổ Quốc - Chính Nghĩa - Lý Tưởng - Nhân-cách và Danh-dự*. Sao cho có một hiệu-năng thích-đáng: *Cứu quốc - Tồn Chung - Thăng-Hoa và Phát-triển*.

Thế-hệ chỉ hoàn-thành được sứ-mạng của thời đại khi tự mình tu tạo, nắm giữ, vận-dụng được sức biết cũng như sức làm như một nhu-cầu.

Nhận-thức của thế-hệ phải tĩnh lặng, cảm nghĩ phải soi-suốt ngọn nguồn, không chấp-nhận sự nô-lệ hoặc sinh-lầy trong ý-thức sai-biệt, hẹp-hòi...

Đã đến lúc Việt Sĩ phải vạch ra, phát quang con đường đi, con đường ấy là ***lối sống chính trị và lịch-sử quốc-dân cùng thế-giới Nhân Bản***.

- Nhìn vấn-đề cần thấu-đáo.

Thế-giới hiện nay xây-dựng trên tham-vọng và bạo-tàn, ngoài ra trước cơn khủng-hoảng về các ý-thức-hệ xưa và nay, con người bàng-hoàng trước các thế-lực vật-chất, ý-tưởng quá-khích, cực-đoan, coi mình là nhất!

Mơ-tưởng của loài người hiện nay là:

- Chấm-dứt mọi thống-trị dân-tộc.
- Chấn-chỉnh và đặt đúng cương-vị của cơ-quan Liên Hiệp Quốc.
- Chấm-dứt những hình-thức người bóc-lột người. Phải xua đuổi bằng được bóng-dáng của chiến tranh.
- Phải tạo ra những xã-hội hòa-hài trong một thế-giới an vui...

Thật là cấp-thiết vì loài người đang nắm trong tay những vũ-khí ghê-hồn, có thể tiêu-diệt nhân-loại trong phút chốc, mà cũng là những phương-tiện giúp cho nhân-loại no ấm trong tiến-bộ và danh-dự.

Trên tiến-trình lịch-sử, mỗi thời-đại có công việc cần đáp-ứng cho nhu-cầu của thời-đại đó. Để đáp-ứng cho nhu-cầu, mỗi lớp tuổi có một nhiệm-vụ riêng-biệt. Mỗi thời đại hoài-điều một thế-hệ, hoan-nghênh một thế-hệ, và chuẩn-bị một thế-hệ. Thế-hệ nào làm chủ thời-đại phải nhận rõ sứ-mệnh mình, tiến lên đảm-trách lấy nhiệm-vụ, trong khi các thế-hệ khác phải biết lui về vị-trí của mình cho thích-đáng và hợp thời.

Ở thế-kỷ 21, chúng ta không thể lấy một giai-cấp 2% làm chủ-lực để khống-chế các giai-cấp 98% còn lại.

Không còn các hình-thức mưu-toan chế-ngự, mà đặt định cho mỗi thành-phần trong xã-hội là những cơ-năng trong bản-vị, một nhiệm-vụ trong hành-động chung, như mỗi cá-nhân trong một gia-đình, hay mọi đoàn-thể trong một quốc-gia.

Trong thế-giới, không còn những tư-tưởng đi ngược lại thời-đại, không còn những thế-lực còn đeo-đuối mộng-tưởng “*bá quyền*” như thời Hitler, Staline, Mao Trạch Đông, v.v..., mà phải hiểu rõ con đường tiến-triển của lịch-sử:

- Thời-kỳ mà con người phải tranh đấu với thiên-

nhiên để duy-trì mạng sống, tranh đấu lẫn nhau để thỏa-mãn các nhu-cầu căn-bản theo luật “*mạnh được yếu thua*” của loài muông thú, chém giết lẫn nhau.

- Đó là thời xa xưa , thời kỳ “*Nhân đạo sơ khai*”, con người mới chỉ biết hợp-quần trong chế-độ “*mẫu hệ*” đây vật tính [Marx đã chọn tập-đoàn người trong thời kỳ này làm xã-hội cộng sản nguyên-thủy (*Theo kinh tế tự nhiên, nên đã sai khớp với lịch-sử tư-tưởng tham-dự vào đời sống con người.*)]

- Sau một thời-gian dài của thời-kỳ “*nhân đạo sơ khai*” loài người đã bước sang thời-kỳ “*nhân đạo thành lập*”. Thời-kỳ này là thời-kỳ loài người bắt đầu cầu xin thần linh phù-trợ để có đủ khả-năng chống chọi mọi khó-khăn. Sự xuất-hiện tín-ngưỡng là dấu hiệu đặc-biệt của thời-kỳ “*nhân đạo thành lập*” hay là “*thời kỳ thần tặc*”, loài người thờ rất nhiều thần: thần sấm, thần sét, thần mưa, thần núi, thần sông,....

Chính “*thời kỳ thần tặc*” còn phảng-phất nhiều di-tích về nguyên-lai động-vật, do đó ta thấy tập tục hèm (tôtem) áp-dụng vào một số bộ-lạc. Về sau dần dần biến-đổi và đặt định duyên khởi vũ-trụ trong tay một vị thần cao-cả thiêng-liêng. Đó là thời-kỳ “*Đế Tắc*”. Các tông-giáo thành-hình: Do Thái giáo, Bà La Môn giáo, Đạo thờ cúng Tổ Tiên, Văn-học, nghệ-thuật phát-triển khiến tâm linh con người tốt đẹp hơn trong mối tương-quan giữa người với người.

Tiếp “*thời kỳ thần tặc*” sang “*Nhân đạo tăng tiến*” hiện nay.

Tương-tự theo luật-tắc trong vũ-trụ, nơi vật-chất như nam-châm chắt hạn, mỗi thanh nam-châm đều có hai đầu: *nam - bắc*, ở trái đất có sức hút và sức đẩy - nơi loài người, do sự hỗ-tương vận-động giữa các khuynh-hướng *hướng tâm, hướng tha, và hướng thượng* của con người mà mỗi ngày một tìm cách cải tiến, chuyển dần từ “*thần tặc*” sang “*lý tặc*”, để đời sống ngày một lý-tưởng hơn. Các kinh-nghiệm sống được tích-lũy và trao truyền cho các thế-hệ sau.

Đúng lý, loài người đặt ra các luật lệ, cơ-chế để

giảm thiểu sự chém giết, tàn ác, bóc-lột giữa người với người là thời-kỳ “*Nhân đạo tăng tiến*”, nhưng rất tiếc hiện nay con người bị mất quân-bình trạng-thái giữa *tâm* và *trí*. Sự sống của thế-giới đang bị đe-dọa. Tuy nhiên, sau một thời-gian đấu-tranh bằng lý-luận cũng như bằng bạo lực, con người sẽ tìm ra chân lý, hạnh-phúc của con người nằm ở ngay “*nhân đạo*”, nhờ thế mà con người sẽ đạt sang thời-kỳ “*nhân đạo ổn định*”,...

Điều mà ngày nay, ai cũng thấy tương-quan giữa động-vật với động-vật là tương-quan “*mạnh được yếu thua*”. Vận-động và phát-triển theo kiểu “*mạnh được yếu thua*” đã đưa động-vật mạnh nhất ngự-trị trên đỉnh của “*kim tự tháp*”!

Tương-quan giữa con người với con người là tương-quan “*Đồng Nhân*”, tương-quan “*hòa hài*” . Đã đặt nền-tảng trên “*hòa hài*” thì phải xóa bỏ tương quan “*thống trị*” và “*bị trị*”, nghĩa là phải phá bỏ kiến trúc “*Kim Tự Tháp*”, mà xây-dựng theo “*kiến-trúc hạc tâm*” hay theo “*biện-chứng Cơ Năng và Bản Vị*”.

* **Tương-lai dân-tộc và thế-giới:**

Mặc-dầu hiện nay, đất nước Việt đang bị tai-họa cả hai mặt “*quốc-gia nạn*” và “*dân-tộc nạn*”.

Ai cũng biết “*quốc-gia*” là một thực-thể mà tiếng Anh hay Pháp gọi là “*nation*”; Ở mặt vật-lý là một lãnh-thổ gồm *địa phận, tiềm phận, hải phận, và không phận*; Về sinh-lý là một xã-hội kết-hợp nhiều sắc-tộc; Ở mặt tâm-lý là một ý-chí và một chiều-hướng tồn tiến để rạng sáng lên thành một nền văn-hóa đặc-thù.

Quốc-gia lâm nạn khi một, hay cả ba mặt trên bị một thế-lực nội tại hay ngoại nhập trấn-áp, kìm-hãm, sử-dụng cho quyền lợi của họ, khiến đời sống tập-thể không phát-triển và nhân-dân sống trong cảnh lầm-than, tủi-nhục.

Khi thi-sĩ Cao Bá Quát thốt lên với khẩu-hiệu:

“*Bình Dương, Bò Bản vô Nghiêu Thuấn,
Mục dã sơn điền hữu Võ Thang.*”

thì quốc-gia nạn chính là do chế-độ vua quan triều Nguyễn. Giải-quyết quốc nạn trong trường-hợp này chỉ cần lật-đổ chế-độ ấy bằng một quyền-lực do nhân-dân xây-dựng và nắm giữ.

Ngày nay, ai cũng thấy rõ giới lãnh-đạo cộng sản Hà-nội thực-tế đã trở thành “*bù nhìn*” (*tân thái thú*), đồng-thời cũng là công-cụ bành-trướng một cách không tiếng sấm của ***bá quyền Bắc Kinh***.

Đạo quân thứ 5 của Trung Cộng ở Việt Nam đã luôn-luôn túc-trực dưới dạng “*du khách*” không chiếu khán, cộng với các gian thương Hoa Kiều trước ở địa phương, Trung Cộng có thể coi đây là một công-cụ của họ. Đạo quân này có khả-năng xâm chiến khi cần-thiết.

Hơn 60 năm qua, Trung cộng đã gài mạng lưới tình-báo, gián-điệp suốt mặt từ thượng tầng cơ-sở đến hạ tầng địa-phương. Điều hiển-nhiên mà ai cũng thấy rõ các thương-gia người Tàu (*phe Bắc Kinh*) gián-tiếp điều-hành hệ-thống kinh-tế Việt ngày nay.

Bọn cầm quyền “*bù nhìn*” Hà-nội nhất-nhất vâng lệnh quan thầy Bắc Kinh. Tinh-thần “*dựa dẫm*” (tay sai) của bộ chính-trị Cộng sản Việt Nam đã được xác-định trong nghị quyết ngày 20-5-1988: “*Thay vì dựa hẳn vào một vài nước như trước đây ta đã làm, nay cần phải đa dạng hóa và đa phương hóa quan-hệ quốc-tế.*”

Sau khi Liên Xô sụp-đổ, tiến-trình bình thường hóa Việt - Trung đã khiến Việt Nam đi giạt lùi! Cộng Sản Việt đã làm sống lại chính-sách “*thần phục*” và triều-cống từng được áp-dụng từ năm 968 đến cuối đời Tự Đức.

Hình-thức “*thần phục*” hay “*cúi lạy*” được thể hiện qua vụ hai vị đại tướng Võ Nguyên Giáp và Lê Đức Anh trong hội-nghị thượng đỉnh (1991) lưỡng đảng và nhà nước Trung Cộng với Việt Nam!

* Về chính-trị, đảng Cộng sản Việt Nam đã tỏ rõ tính-cách “*Phi Dân Tộc*” và “*Phi Dân Bản*”!

Điển-hình, theo điều 4 của Hiến Pháp ngày 15-4-1992 của Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa

quy định: “***Đảng Cộng sản Việt Nam là lực-lượng lãnh đạo nhà nước và xã-hội.***” Do đó, ta thấy các nghị-quyết của bộ chính-trị và ban bí thư, các chỉ-thị của các cấp ủy đảng chi-phối hệ-thống văn bản pháp-luật bao gồm hiến-pháp. Thật là “*phi dân chủ*”!

Xưa nay, thành-lập một tổ-chức hay đảng phái là để phục-vụ cho đất nước và dân-tộc, ngược lại, đảng Cộng Sản lại bắt dân, bắt nước tuân phục chúng! Đảng lãnh-đạo toàn-diện. Đảng nắm trong tay cả ba quyền hành-pháp, lập-pháp và tư-pháp. Đảng nắm chính quyền bằng cách nắm guồng máy nhà nước. Quốc-hội dưới sự lãnh-đạo của đảng!

Trong bài thuyết-trình trước Hội-Thảo Chính-trị tại Washington, D.C. vào ngày 23 & 24 tháng 4, 1996, luật-sư Trần-Thanh-Hiệp đã nêu lên tính-cách “*độc-tài toàn trị*” của đảng Cộng-sản:

“*Từ-ngữ “toàn trị” ít người dùng, vì dư-luận thường đồng-hóa độc-tài với toàn trị.*”

Giáo-sư xã-hội học người Pháp rất nổi tiếng, Raymond Aron đã đưa ra năm đặc-tính để định-nghĩa hiện-tượng “toàn trị”. Ta có thể tóm-lược như sau: Thứ nhất, độc quyền của một đảng trong sinh-hoạt chính-trị. Thứ hai, một ý-hệ cũng có tính-chất độc quyền. Thứ ba, độc quyền của đảng này về bạo-lực và các phương-tiện thuyết-phục con người. Thứ tư, sự phụ-thuộc của mọi hoạt-động kinh-tế, nghề-nghiệp vào ý-hệ cũng như vào chính-sách, đường lối của đảng ấy. Thứ năm, sự khủng-bố con người bằng ý-hệ và công-an cùng mật-vụ.

“*Đảng cộng-sản Việt-Nam có đủ năm đặc-tính này và như vậy đảng này là đảng “toàn trị”. Toàn trị khác độc-tài ở chỗ không những nó muốn chiếm-đoạt quyền-lực chính-trị mà nó còn muốn thống-trị con người về cả tinh-thần lẫn thể-xác. Vì vậy, nó không ngần-ngại can-thiệp vào tất-cả mọi mặt của đời sống. Giữa phần đầu thế-kỷ này, người ta đã có dịp biết đến hai loại “toàn trị” đó là toàn trị phát-xít và toàn trị quốc xã. Tới phần sau thế-kỷ, người ta còn biết thêm một loại toàn trị mới ghê-gớm hơn, đó là cộng-sản. Điều đáng kinh-sợ nơi toàn trị là ý-đồ của nó*

nhằm cùm-xích con người vào ý-hệ nó áp-đặt để tạo ra những “con người mới” (thế-hệ Hồ Chí-Minh!). Nhưng bởi lẽ thế-giới của những con người đó không là thực-tại xã-hội trước mắt cho nên toàn trị ép-buộc con người sống trong một xã-hội “**siêu thực**”, lấy “**siêu thực**” làm thực. Chế-độ “toàn trị” đã khinh-miệt nhân quyền, coi rẻ phẩm-giá sinh mạng con người hiện đang sống bằng xương bằng thịt để chỉ nhìn-nhận mẫu người mộng-ảo, chế-tạo trong một tương-lai ngày càng xa vời.

“Khởi cần nhắc lại thêm rằng toàn bộ cộng-sản ở Đông Âu và Liên Xô đã sụp đổ bởi không thể áp-đặt vô-hạn-định cái thế-giới “siêu thực” Mác Lênin. Cộng-sản Việt-Nam vẫn còn theo đuổi ý-đồ áp đặt “siêu thực” nên vẫn còn nói “đi lên chủ-nghĩa xã-hội là con đường tất yếu của nước ta”, vẫn còn bắt mọi người phải tôn-sùng chủ-nghĩa Mác Lênin, phụ đĩnh tư-tưởng Hồ Chí-Minh. Nhưng tiếc rằng, chẳng ai biết cái “chủ-nghĩa xã-hội” mà các tên lãnh-đạo cộng-sản đang nhắm đi tới, đích-thực nó ra sao và đi tới đâu ?”

Dưới chế độ Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam cộng thêm những mưu-toan xâm-lược dưới nhiều hình-thức của Trung quốc không những đã gây nên “Quốc gia nạn” đồng thời sinh ra “Dân-tộc nạn”.

Dân-tộc nạn là sự rạn nứt lâu dần đi đến tan rã khối tập-thể nhân-dân và nhất là **sự xâm-nhập những nét văn-hóa ngoại lai và sự phá bỏ văn-hóa dân tộc** trong một tinh-thần lợi danh vọng ngoại.

Nếu quốc-gia nạn được kịp thời giải-quyết thì những nứt rạn dân-tộc được hàn gắn lại, Trường-hợp trái lại, quốc-gia nạn càng kéo dài, hoặc bị giải-quyết một cách lưỡng gạc thì chẳng những quốc-gia nạn vẫn còn, mà nứt rạn dân-tộc càng sâu rộng, trầm-trọng thêm!

Dân-tộc là một dòng sống kết-tập từ nhiều nguồn hay từ một nguồn chính yếu. Dân-tộc có một đời sống tập thể riêng, một cộng-đồng có nếp sống văn-hóa đặc-thù, và một lịch-sử chuyển biến thịnh suy. Dân-tộc lâm nguy khi -

tinh-thần tập-thể tức ý chí sống còn tiến-hóa chung bị rã-rời, tinh thần bảo-toàn nếp sống văn-hóa bị suy yếu, và tinh-thần tự-hãnh ở nếp sống đặc-thù không còn.

Nếu tình-trạng này đi đến kết-thúc tức là dòng sống dân-tộc tịch diệt, mặc-dẫu về mặt sinh-lý tuy vẫn còn, những con người mang huyết-chủng của dòng sống cũ đang sinh-hoạt trên lãnh-thổ hay tại một nơi nào khác, nhưng chỉ là những **xác cũ hồn mới!**

Những sinh-hoạt không hồn, nếu có chỉ là những váng bọt vật-vờ trên dòng nước chảy, trước sau những huyết chủng này cũng tan hòa, biến mất trong dòng mà chúng bị cuốn theo. Đó là tình-trạng những dân-tộc bị tịch-diệt.

Dân-tộc Việt đang trên bờ vực thẳm qua hai mặt “quốc-gia nạn” và “dân-tộc nạn” tại quốc nội cũng như ở hải ngoại.

Bản-chất biến-cố lịch-sử mà dân-tộc Việt bị mắc vào trong thời-gian cận-thị của triều-đình Nguyễn (*Nguyễn Gia Long*), tiếp là thời-kỳ Pháp đô-hộ, chuyển sang thời-gian đụng độ giữa hai siêu cường Nga-Mỹ lấy đất Việt làm trận tuyến, **tệ hại hơn ngày nay trên danh nghĩa độc-lập và thống-nhất, nhưng thực-tế yếu hèn, lệ-thuộc, van xin, cầu-cạnh, băng-hoại, bất-lực.**

Tinh-thần tập-thể sinh tồn tức là lòng yêu nước và tình-tự dân tộc-đã kiệt quệ! Kiệt quệ vì một mặt nhân dân thấy mình bị lường-gạt một cách quá sức tưởng-tượng, một mặt chính những tình-cảm ấy tuy không chính-thức bị cấm đoán, nhưng lại bị hướng đi một cách đến thành vô nghĩa với những dẫn giải “yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa”!

Lòng nghĩa khí đã chết hẳn, và chỉ còn lợi danh, ê-dê-tiền, giáo-quyết. Càng trẻ càng điêu-ngoa, trăng tráo. Tập-đoàn cộng-sản đã đào-tạo cho lớp trẻ thay vì nuôi dưỡng “**nghĩa khí, hào-hiệp**” thì lý-tưởng khao-khát của thanh-niên thời-đại là làm sao được tuyển vào hàng ngũ tổ-chức gọi bằng danh-từ “**đảng**”, và khi được tuyển vào đảng chỉ biết bảo-vệ quyền lợi đảng trên hết, dù đi ngược lại quyền-lợi dân-tộc và đất nước! Tinh-thần dân-tộc đã hoàn-toàn bị

phá-hoại. Những ngôn ngữ, những việc làm liên-quan đến văn-hóa, lịch-sử dân-tộc chỉ là những công-tác hóa-trang, tuyên-truyền!

Tất cả những nét văn-hóa truyền lại từ ngàn xưa tại nông thôn như tổ-chức thôn ấp, đình miếu, tộc đường,... thậm chí đến cả gò đồng, cây đa, con ngòi cùng với danh-hiệu, tất-cả đều đã bị triệt-phá, thay hình đổi dạng, khiến một người đi xa lâu ngày trở về không khác nào đến xứ lạ, và tất-nhiên những thế-hệ trẻ lớn lên là lớn lên trong một khung cảnh hoàn-toàn không còn liên-quan đến quá-khứ!¹

Những cứ điểm làng mạc quê mùa ấy đã bị tập đoàn cộng sản triệt-hạ! Trọng tội này, tập-đoàn cộng sản Hồ Chí Minh phải chịu hình phạt nào cho đúng tội đồ của chúng?

Những nguy kịch này không riêng ở trong nước, mà còn ở thành phần dân-tộc nơi hải ngoại. Chỉ trong vòng ít năm tới đây, số người Việt ở hải ngoại còn nói được tiếng Việt trong giao-tế hàng ngày với nhau liệu còn được bao nhiêu? Số người còn có những kiến thức về lịch-sử, và thường-thức được những tinh-tế trong văn-chương Việt lại càng thưa-thớt hơn nhiều!

Quả là một tình-trạng bi-đát cho Mẹ Việt Nam!!!

*“Sống tử làm chi đứng chật trời !
Sống nhìn thế-giới hổ chẳng ai?
Sống làm nô-lệ cho người khiến,
Sống chịu ngu si để chúng cười,
Sống tưởng công danh không tưởng nước,
Sống lo phú quý chẳng lo đời,
Sống mà như thế đừng nên sống
Sống tử làm chi, đứng chật trời!”*

(Phan Bội Châu)

Lịch sử Việt còn ghi rõ: “Càn lau bắt đầu tham-dự vào lịch-sử dân-tộc từ thế-kỷ X, một vận-hội mới và cũng là một phục-hoạt lớn-lao của Hồng Lạc, khởi-dựng nền độc-lập và

1- Hoài Nguyên & Dinh Khang Hoat, “Vấn Đề Văn Hóa Việt”, xb. năm 1994.

thống-nhất cho quốc-gia Việt.

“Càn lau điểm trên không và thời-gian một ý nghĩa và giá-trị tuyệt-vời, ý-nghĩa và giá-trị sống đó đi đôi với sứ-mệnh và lý-tưởng của hồn sử Việt...”

“Cờ lau khơi mở đời sống mới, đời sống anh hùng về tương-lai, đã thắng hết cả và cõi mở cháu con bằng vinh-quang vô thượng...”

“Cho đến ngày nay, trên bãi hoang, nơi thôn dã; những càn lau phe-phẩy trước gió, còn nhắc lại thuở oai hùng, oanh-liệt cũ, và đến ngày nay, đã vi-vu vắng-vắng những tiếng gọi xa-xăm, dần-dà gần lại, lạnh-lãnh vào bộ óc và cõi lòng chúng ta, thức-tỉnh trong đáy hồn và đáy tầng cuộc phục-hoạt lớn-lao và vẻ-vang...”

Lịch-sử Việt là cả một trang dài đấu tranh máu sắt không dứt giữa nòi Hoa (Tàu) với Việt.

Cuộc đối đầu hiện-đại của ta là truat-phế chế độ độc-tài Cộng Sản Việt, bọn tay sai của bá quyền Trung Cộng, và địch nhân tối hậu là bọn đầu sỏ Bắc Kinh, kẻ thù xâm-lăng truyền kiếp muốn tiêu-diệt Việt Nam, một phòng tuyến cuối cùng của Bách Việt.

Đến đây, ta thấy trong lòng dội lên những lời tâm huyết:

Trước vận nước nên “hòa” hay nên “chiến” ?

- Quyết chiến ! Quyết chiến !

Trước thế yếu lấy gì lo chiến chinh ?

- Hy sinh! Hy sinh!

Đâu đây, muôn người như một, vang-dội trong hội-nghị Diên Hồng.

Và “Cũng kể từ đây,

Đã sáu mươi ngàn lần...

Dưới vầng nguyệt lạnh-lùng quan ải

Dưới vầng dương thiêu đốt quan-san.

Sóng phế hưng xô nghiêng từng triều đại,

Mà chí lớn dọc ngang,

Mà mộng lớn huy hoàng.

Vẫn nghìn thu còn mãi,
Vẫn ngàn thu người áo vải đất Qui Nhơn...

Một phút oai thần dậy sóng
Tan vía cường bang.

Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng
Cao chót vót mây năm mầu chiêm-ngưỡng
Dài mệnh-mông một giải tới Nam Quan
Bóng ấy đã in sâu vào tâm tưởng,
Khắc sâu vào trí nhớ của dân gian.
Một bành voi che lấp mấy ngai vàn
Ôi Nguyễn Huệ, người anh-hùng áo vải...
Chúng ta sẽ không hổ với người xưa
Một trận Đống Đa, ngàn thu oanh liệt
Vì ta sau, trước lòng kiên-quyết
Vàng chẳng hề phai, đá chẳng sờn.

(Bài ca Bình Bắc/ Vũ Hùng Chương)

Chúng ta tin rằng: “Cờ Lau Vạn Thắng, Sát Thát chàm vai, ngày Bình Ngô oanh liệt, buổi Mê Linh oai hùng, trận Đống Đa rực-rỡ,... sẽ diễn lại trên đất nước chúng ta bằng một quy-mô suốt mặt và một kết-quả thắng-lợi.”¹

* Về mặt thế-giới, hiện nay không còn vận hành theo quan-hệ “bạn” hay “thù”, mà là quan-hệ “quyền lợi” và “hiểm họa”. Chủ-chốt vấn đề hiện-tại là những động-lực tìm sự sống đích-thực của con người, của từng chủng-tộc, của từng bộ-lạc, từng quốc-gia, từng vùng, và toàn nhân-loại.

Trong sự tìm kiếm sự sống, kinh-quá các chủ thuyết đều đã thất-bại!

Thiếu tình thương đích thực chỉ đem lại lên đầu lên cổ của cá-nhân, chủng-tộc, quốc-gia, nhân-loại những khổ đau, và tan nát!

Muốn hòa-bình và phồn-thịnh lâu dài thì phải xây-

1- Thái Dịch Lý Đông A, “Bị Vong Lục”, 1943.

dựng một cơ-chế đáp-ứng nhu-cầu hòa-bình và phúc lợi. Cơ-quan Liên Hiệp Quốc ngày nay quá lỏng lẻo! Hầu như chỉ là nơi các siêu cường lợi-dụng để mạt-sát nhau, để che-đậy những mưu toan đen tối!

Các quốc-gia hội-viên trong Liên-Hiệp quốc chưa phải là các cơ-năng trong bản-vị nhân-loại (chưa coi nhau như các tế bào trong cơ-thể). Siêu-cường trên thế-giới vẫn còn ngang-nhiên đàn-áp, tiêu-diệt những chủng-tộc khác. Các siêu-cường còn ngang-nhiên sử dụng vũ lực thô-bạo để khống-chế, hoặc cưỡng chiếm lãnh-thổ của những tiểu nhược, điển-hình Trung Cộng ngang-nhiên chiếm Tây Tạng và lấn áp Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao, v.v... mà hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp quốc vẫn bất lực, không một giải-pháp rắn đe!

Thế-giới đang trên đường định hình từng quần thể theo từng khu-vực. Tiến-trình định hình phải trải nhiều thập niên cho đến ngày hoàn tất!

Điều cần nhắc nhở sự lớn mạnh của “quần thể” khác với sự lớn mạnh của “sinh thể”. Sự lớn mạnh của “quần thể” là do sự tin-cậy nhau, tôn-trọng nhau, nương-tựa nhau, không còn cung-cách quản-trị theo mô hình “Kim tự tháp”, và cũng không áp-dụng luật tắc của động-vật “mạnh được yếu thua”.

Cũng hy vọng nhờ những lý-do căn-bản về hiệu năng kinh-tế và an-ninh chung của toàn vùng mà các quốc gia hội viên trong quần thể từng vùng vượt qua những dị-biệt để cùng giải-quyết vấn đề chung.

Điều tiến-bộ mà ai cũng nhận thấy là những thập niên cuối thế kỷ vừa qua, một quốc-gia mới được công-nhận là một giải-phóng thành-tự, một quốc-gia mới được công-nhận là nguồn sinh-lực mới được hình-thành theo khát-vọng chính-đáng của quần chúng. Đó là những tiếng chuông của công-lý hùng-hồn nói lên những đế-quốc phải trả lại chủ-quyền đất nước cho những dân-tộc đã bị cướp đoạt trong nhiều năm qua.

Đầu thiên-niên kỷ 2001 này, hai chữ “nhân quyền” là những âm-điệu du-dương đem lại nhiều hy-vọng cho con

người. Ý-thức về quyền sống, quyền làm người càng biểu-lộ. Trong tương-lai, những quyền sống căn-bản của con người sẽ là nền-tảng cho các hiến-pháp của mọi quốc-gia, và là mẫu-số chung cho toàn-thể nhân-loại.¹

Một sai lầm trong chiến lược, như Hoa Kỳ qua chính sách “*Strategic Engagement*” đã tạo sức mạnh kinh tế cho Trung Quốc mà không thể giúp “*dân chủ hóa*” được Trung Quốc. Ngược lại, tập đoàn Bắc Kinh đã dùng “*gậy ông đập lưng ông*” là dùng tiền để mua những nhà độc-tài chống lại tiến trình dân chủ hóa, mua sức mạnh ngoại-giao để chống lại Hoa Kỳ và đồng-minh dân chủ, tân trang vũ khí để tăng cường sức mạnh quân sự hầu dễ-dàng bành-trướng thế-lực trong vùng,...

Thiên niên kỷ 2001 có nhiều thử-thách lớn và cơ-hội lớn. Thiên niên kỷ này sẽ không nường tay cho những tập-đoàn lạc-hậu, tàn-ác còn tồn tại. Thiên niên kỷ này sẽ tạo ân-sủng cho những chuyển-hóa kịp thời, những cường quyền sẽ bị tan vỡ thành nhiều mảnh. Những động cơ nào đi ngược với khuynh hướng “*cùng sống*” sẽ bị nghiền nát để biến mất vào *trật tự mới của hoàn-cầu*.



1-Iris Vinh Hayes, Ph D, “Giải Pháp Liên Bang Đại Nam Á Châu”, trích từ Proposal “The United Statēs of SEA A Blue print”, 2005

Văn-Hóa Việt là bản sao của Văn Hóa Tàu?

* Như chúng ta đã biết: *Xã-hội tiểu Việt bị lệ thuộc Tàu trong vòng ngàn năm, sau, tuy thoát nạn trực-trị, nhưng không thoát khỏi lưới giáo-diều “thờ Thiên triều”. Vua quan Việt từ hậu Lê đến Nguyễn còn cho đây là lẽ đương-nhiên, và còn dựa vào đó mà đặt pháp quyền trước nhân-dân; lấy học-thuật Hán Nho mà sàng-đãi nhân tài trong đại-chúng, tạo nên một mặt tầng văn-học sùng-mị Bắc Hán, xanh-sang danh lợi hết đời này sang đời khác!*

Thật vậy, không riêng các nhà văn-hóa Việt, mà các nhà nhân-chủng học Tây phương đều nhận rằng chúng ta đã chịu sâu đậm ảnh-hưởng văn-hóa Tàu. Những nhận định này *tưởng* như có căn-cứ vững-vàng!

Ta thấy động-cơ xây-dựng văn-hóa là học thuật. Nói đến học-thuật thì từ văn tự đến văn-chương, văn-học đến tổ-chức quốc-gia,... nhất-nhất đều lặp theo Tàu!

Nhận-thức này nếu có sai thì cũng như một trang sách, thay vì đọc xuôi thì lại đọc ngược, một tấm vải nhìn lầm coi mặt trái là mặt phải, hay một dòng nước nhìn lầm, cho hạ lưu là thượng lưu.

Nếu truy-cứu sâu-xa, từ bước đầu về sự hình thành nước Tàu thì ngược lại “*không phải Việt chịu ảnh-hưởng Trung Hoa, mà chính là cái xã-hội Trung Hoa từ huyết thống đến văn-hóa, gốc khởi đầu quá nửa là do dòng Việt*”.

Viết như vậy, ắt có người hỏi: Nếu sự thực

là dòng Việt, cả huyết-thống và văn-hóa là một trong hai nguồn gốc của xã-hội Tàu ngày nay thì tại sao giữa Hoa và Việt lại có liên-hệ “*Thiên triều với thuộc quốc*”? Tại sao có tình-trạng *Tàu và Tứ Di*?

- Ngược dòng lịch-sử Trung Hoa, mới đầu là vùng Trung Nguyên, và lân-cận gọi là “*thiên hạ*” của người Á Đông thời thượng cổ được tổ-chức thành một sống chung hòa-bình giữa nhiều tập-thể dị chủng (thời kỳ *Phong Kiến Truyền Hiên*). Sau đó, từ Đông Chu trở về sau Tần, Hán Tống, Minh, Thanh,... do tuyên-truyền và giáo-dục, mà các đế chế cực quyền tại Trung Nguyên tác-động nhằm đặt vững uy-thế của chúng.

Vì “*Hội Chứng Đại Hán*” (coi mình là nhất) nên coi các sắc dân chung quanh là “*Tứ Di*”.

Thực tế, như Charles O. Hucker đã viết trong “*China's Imperial Past*”: “*Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang dã. không có dân cư mà đất đai của đám dân mọi rợ. Khi nền văn minh Trung Quốc có bản sắc rõ rệt của Tàu lần đầu tiên xuất-hiện tại bình nguyên nước Tàu thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư-ngụ tại đó, và họ đã có một trình-độ phát-triển văn-hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành-trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn-hóa của họ.*”

Ngoài ra, ngay chữ “*Nho*”, loại chữ “*tượng hình*”, “*hội ý*”, chẳng phải một nước Việt sử-dụng trước thời Pháp thuộc, mà là văn-tự quốc-tế trong toàn cõi Á Đông, và tính-cách này vẫn còn đến nay (Đại Hàn, Nhật Bản). Văn-tự này đã bị mệnh danh, xuyên-tạc là “*Hán tự*”, danh-hiệu chính của

nó là “**chữ Nho**” (Nho tự) ra đời khoảng đầu đời nhà Thương. Nó được hiệu danh là chữ Nho vì trước hết, thời chế-độ “*phong kiến truyền hiên*” xây-dựng theo tinh-thần Nho học, nó là văn tự chính-thức được sử-dụng giữa chính quyền trung-ương với các chính quyền địa-phương (*chư hầu*), và quan-trọng hơn, nó là văn-tự chuyên chở đạo “*Nho*”, *đạo làm chính-trị lấy nhân đạo làm gốc thay cho cường bạo*. Nho học sau cũng bị mao hóa, hóa-trang trong một nhãn hiệu đế chế. ***Nho học thành Hán học, một trong những thủ-đoạn sống-sượng của tuyên-truyền trong thế đàn áp!!!***

Hiểu như vậy, ta sẽ hiểu được vì đâu trong ngôn ngữ của chúng ta có tới quá nửa là từ ngữ Nho học, hay gốc Nho học.

Ảnh-hưởng “*đế chế cực quyền*” kéo dài tới thời Hậu Lê và Nguyễn.

Nếu chỉ nhìn mặt tảng này mà coi đấy là cả dòng sống Việt thì tránh sao khỏi thấy học-thuật Việt là dư-ảnh của học-thuật Tàu!...

*** Vấn nạn về Văn Hóa Trung Nguyên :**

Nước Việt dưới thời Pháp thuộc đã có danh xưng “*IndoChina*”. Tại sao lại Ấn-Hoa ? Phải chăng người Tây Phương khi nhìn về Đông Phương không thấy gì hơn, ngoài hai quốc-gia khổng-lồ là Ấn Độ và Trung Hoa?

Cũng vì thế, phần đông, ngày nay khi nói đến văn-minh hay văn-hóa Á Châu, người ta thường cho là nên văn-minh, hay văn-hóa này do người Hoa là chủ nhân ông, mà quên đi những đóng góp của các sắc dân đã cư-trú ở lục-địa Trung Quốc trước khi nòi Hoa xâm chiếm. Khi người Hoa (Tàu) đầu-tiên xuất-hiện tại bình nguyên Trung Quốc thì vùng đất

miền Nam đã có những sắc dân cư-ngụ tại đó, và họ đã có một trình-độ phát-triển văn-hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành-trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn-hóa của họ. ¹

Theo Will Durant thì dân-tộc Trung Hoa kết-hợp với các dân-tộc bị trị mà tạo nên văn-minh đầu tiên cổ sử Đông Á. Lương Khải Siêu (1873-1929) là một trong số học-giả hiếm-hoi của Trung Hoa đã thừa-nhận rằng Trung Hoa có nguồn-gốc du-mục khởi lên từ miền Tây Bắc rồi tràn xuống xâm chiếm các bộ-tộc ở lưu-vực Hoàng Hà, tiến về phương Nam, vượt Dương Tử, bành trướng lãnh-thổ từ Nam Mông Cổ đến tận Quảng Đông,

Theo Edward H. Schafer: “*Chẳng còn nghi-ngờ gì nữa, nghệ-thuật trồng lúa nước và thuần-hóa súc vật đã được người Tầu thâu-hóa từ những chủng-tộc mà họ khinh-bỉ tại phương Nam xa-xôi.*”

Theo Wolfram Eberhard, giáo-sư đại học ở California từng giảng dạy tại đại-học Bắc Kinh đã đề ra nhiều năm nghiên-cứu về phong-tục, tín-ngưỡng của các sắc dân tại Nam Trung Quốc cổ nhận xét như sau:

1- Danh từ “**Trung Hoa**” có nghĩa là thiên hạ trong sứ mệnh của thiên tử gồm hai phần: một phần gồm các quốc gia đã tự đặt dưới quyền chỉ đạo và xây-dựng an hòa của thiên tử. Vào thời thượng cổ, phần này nằm trong vùng Tây Bắc Hoa Trung, là phần lõi trong sứ mệnh thiên tử, lại là phần đất giàu thịnh trên những đất phì-nhiều do hai triều Hoàng Hà và Dương Tử nên được sử gia xưng tụng là đất “trung hoa”, địa lý gọi là “trung nguyên”; phần kia là vùng chung quanh tiến chậm hơn, đám sử quan đế chế cực quyền gọi là “Từ Di” (Bắc Địch, Tây Nhung, Đông Di, và Nam Man).

“Ý kiến cho rằng chủng-tộc Hán đã sản sinh Mông, Tổ tiên của họ là người Mông Cổ, nghề-nghiệp chính là săn bắn.

- *Nền văn hóa thứ ba từ Tây Bắc tiến lại, tập trung tại các tỉnh Cam Túc Thiểm Tây. Tổ tiên họ là người Thổ (Turkish). Họ cũng chuyên về nghề săn bắn, trồng lúa tẻ (millet) và biết thuần-hóa ngựa.*

- *Nền văn-hóa thứ tư từ miền Tây lại, tập-trung ở các tỉnh Tứ Xuyên và miền núi của các tỉnh Cam Túc và Thiểm Tây. Tổ tiên của họ là người Tây Tạng (Tibetan). Họ là dân-tộc chuyên về nghề chăn nuôi dê cừu.*

Các nền văn-hóa thứ năm, sáu, bảy và tám từ phương Nam đưa lên, chuyên về canh-nông.

Các nhà bác-học người Nga đã khai-thác được kết-quả trong các cuộc khai-quật những di-chỉ khảo-cổ của Việt Nam từ thập niên 60 đã chứng-minh nguồn gốc văn-hóa Trung Hoa cần phải được tìm kiếm từ văn-hóa Hòa Bình

Tương-tự, Charles O. Hucker: “*Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang-dã không có dân cư, mà cũng không phải cuộc bành-trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất đai của đám dân mọi-rợ. Khi nền văn minh Trung Quốc có bản-sắc rõ-rệt lần đầu tiên xuất-hiện tại bình nguyên Trung Hoa thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư-ngụ tại đó, và họ đã có một trình-độ phát-triển văn hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành-trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn-hóa của họ.*”

Qua những điều nhận xét trên, chúng ta mới

rõ: Tại sao nội-dung của “*tứ thư, ngũ kinh*” của Nho học gần gũi với văn-minh nông nghiệp nhiều hơn là du-mục, và cũng vì vậy, chính Khổng Tử đã thú nhận là “**thuật nhi bất tác**” = *chỉ thuật lại của người, chứ không phải do mình sáng-tác (Thuật Nhi – Luận Ngữ)*.

Sau triều Tần, triều Hán tuy có sưu-tầm và gọi là phục-hưng Nho học, nhưng thực ra chỉ là những mạo hóa:

- Thí dụ như mỹ từ “*tứ hải giai huynh đệ*” = *bốn bể một nhà*, thực sự chỉ là chiêu-bài để thôn-tính các dân-tộc phía Nam Hoàng Hà cho đến Lương Quảng.

- Kinh sách của Nho giáo đề cao vai-trò “*người*” như “*nhân giả kỳ thiên địa chi đức*” (người là cái đức của trời đất) nhưng thực-tế, theo tiến sĩ Trần văn Đoàn, giáo-sư thính giảng tại nhiều đại học Âu Châu và Á Châu:

“*Tuy Nho giáo chấp-nhận con người làm chủ, vai “người” như là một nền đạo đức. Song tiếc thay xã hội do Hán Nho thống-trị lại đề cao ngôi “vua, chúa” và coi người dân như cỏ rác, công cụ. Trong lịch-sử Hán Nho chưa bao-giờ ghi lại sự-kIỆN người dân làm chủ. Sự thần thánh hóa vua chúa chứng-minh một cách chua-chát cho quan-niệm “dân vi quý”. Những câu này chỉ xuất-hiện trong đầu óc một số triết-gia, hay trên miệng lưỡi của các nhà nho mà thôi.*”

Bàn về “*nhân bản*”, thiết-tưởng các triết thuyết đã có, và ngay cả thuyết “*Tam Tài*” của Nho học chưa chắc đã tóm gọn và sáng tỏ như bài thơ “*Vịnh Tam Tài*” của nhà nho cách-mạng Việt, Trần Cao Vân (xin đọc ở trên).

Suốt thời-kỳ Xuân Thu (1135-770 tr. T.L.) và

Chiến Quốc (770-256 tr. T. L.), thiên hạ đại loạn. Theo Will Durant: *xã hội do Chu Công kiến lập, vì lấy văn-hóa du-mục làm chủ đạo nên bề tôi giết vua, con bỏ cha, vợ lìa chồng...của nhà tan nát, dân chúng khổ cực, nạn đói xảy ra hàng ngày ở khắp nơi!*

Cụm Từ “*đại đồng*” trong Lễ ký cũng chỉ nên hiểu một cách thực-tế là “*đại đồng trong sự coi sóc của nòi Hoa (Hán)*”. Quốc sách Hán Nho xưa ghi rõ “*Tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân*” (3 năm nuôi dạy tất thành dân Hoa)...

Đúng như sự nhận-định của nhà văn Bá Dương viết trong cuốn “*Người Trung Quốc xấu xí*”, người dịch Nguyễn Hồi Thủ, Văn Nghệ xb. 1999“ :

“*Văn hóa truyền thống Trung Quốc có một loại siêu vi-trùng, truyền nhiễm làm cho con cháu đời-đời không khỏi được bệnh.*”

Cái văn hóa truyền lại là văn hóa nào?

“*Người Trung Quốc ở một vị-trí đơn độc thì có thể phát triển tốt. Nhưng nếu ba người Trung Quốc họp lại với nhau, ba con rồng này lại biến thành một con heo, một con dòi,... Bởi vì người Trung Quốc có biệt tài đâm đá lẫn nhau.*”

“Ở Trung Quốc có câu: “ Một hòa thượng gánh nước uống, hai hòa thượng khiêng nước uống, ba hòa thượng không có nước uống.”

Bệnh dịch này đã lan truyền sang Việt Nam nên mới có những câu:

“*Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt,
Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên
Có giang sơn thì sĩ đã có tên
Từ Chu, Hán vốn sỹ này là quý...*”

Đối với Hán Nho không nhìn con người phụ-nữ toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính phân-biệt họ với đàn ông. Hán nho lo sao thuộc-hạ-hóa cái sắc tính ấy, coi như một vật rừng. Thay vì có thể “vật ngã”, người Hán nho, thì phụ-nữ giúp đỡ nho sĩ những việc gia-đình (nội trợ), và nhất là sinh đẻ cho kẻ sĩ con cái nối dõi tông đường (khi người vợ không có con là phạm tội thất xuất, người chồng tức vị nho sĩ có quyền đuổi về, dầu chẳng biết ve đâu?).

Truyền-thống xâm-lãng, viết bừa nói càn, áp đặt, nhận vơ của người làm của mình, nay không còn che-dấu được ai nữa:

Tài nói càn, viết bậy của người Tàu:

-Trong bài tựa cuốn “China” của Caroline Blunden và giáo-sư Mark Elvin thuộc đại-học Oxford đã viết: “*Liệu ngay cả chính người Trung Hoa có được bao-nhiều ý-niệm về Trung Quốc xưa kia thực-sự ra sao? Đây là một nền văn-minh cổ xưa nhất của thế-giới còn tồn tại. Xét theo sự liên-tục về văn-hóa, ấy vậy mà quá khứ của nó đã bị tái hiệu-đánh liên-miên thay vì thực sự được bảo-tồn... Chẳng những vậy, ngày nay đã chẳng còn được bao-nhiều tài-liệu nguyên bản. Hầu hết chỉ là những bản sao của những bản sao...*”

- Charles O. Hucker, giáo-sư Trung Hoa học và sử học tại đại-học Michigan, khi nghiên-cứu sử-liệu Trung quốc đã phát-giác ra rằng:

“...Có một sự bỏ sót đáng lưu ý...không có

một gợi ý nào trong các truyền-thuyết cổ sơ đề-cập tới một đấng anh-hùng nào đã đưa dân-tộc Trung Hoa từ đâu đó đến nước Tàu ngày nay...”

(Charles O. Hucker, “China’s Imperial Past, Stanford University Press, 1975, trang 22.)

Trạng-huống xã-hội Trung Hoa vào đời Ân Chu (Thương và Chu) mới bắt-đầu định-cư nông nghiệp, về trước sống đời bộ-lạc du-mục; trình-độ sinh-hoạt còn phôi-thai và khu-vực định cư giới-hạn trong lưu-vực Hồng Hà trung bộ, như Quách Mạt Nhược đã viết:

“*Cương-vực cổ đại Trung Hoa là Trung bộ sông Hoàng Hà, tức là địa phương Hà Nam, Trực Lệ, Sơn Tây, Hiệp Tây ngày nay. Phía bắc Trực lệ, Sơn Tây thì gọi là Bắc Địch, phần lớn địa hạt Hiệp Tây thuộc Tây Nhung, hạ lưu sông Hoàng Hà thuộc Đông Di.*”

Mạnh Tử còn để lại đoạn văn tả bước đầu của dân tộc Trung Hoa ở trung bộ sông Hoàng Hà để ca ngợi các vua thần thoại:

“*Đương thời vua Nghiêu, thiên hạ còn chưa bình định, nước lớn chảy ngang, đầy rẫy cả thiên hạ, cỏ cây rậm tốt, chim muông thịnh nhiều, năm thứ thóc chưa thành thực được, chim muông ở lẫn với người... Vua Nghiêu cử ông Thuấn ra trị việc thiên hạ; ông Thuấn sai ông Ích giữ việc lửa, đốt núi cho chim muông trốn nấu. Ông Vũ đào chín cái sông, khơi sông Tế, sông Loa cho chảy về bể, xẻ sông Nhữ sông Hán, khơi sông Hoài, sông Tứ chảy về sông Giang, rồi sau Trung quốc mới có thể cày cấy được mà ăn. ...”*

Chiếu theo tiến-trình bành-trướng của nòi Hoa, chúng ta thấy:

- Thời lập quốc, khởi từ Hiên-Viên hoàng-đế cho đến Đông Chu, lãnh-thổ Trung-quốc bao gồm vùng cao-nguyên hoàng thổ của Hoàng-Hà và đất của dân Suy-Vưu thuộc dòng Bách-Việt ở phía Bắc vùng Dương-Tử giang.

Thời Xuân-Thu Chiến -Quốc, Bách-Việt linh-lạc, phân tán và sau Tần-Thủy-Hoàng tiếp đến nhà Hán, lãnh-thổ Trung-quốc mở rộng gồm Hoa-Bắc, Hoa Trung và gần hết Hoa-Nam.



Bảng Đối Chiếu Khác Biệt Văn Hóa Việt - Tàu

Nông nghiệp trồng lúa nước	Du mục
A- Về Tư Tưởng - Âm - dương đối-lập thống-nhất. Vạn vật đồng nhất thể. Nam nữ bình-dẳng. - Tình lý tương thông. Không chằng qua lễ, khoẻ chằng qua lời. - Vũ trụ khách-quan vô tình. “Có trời mà cũng có ta.” - Phân công, hòa hài. Không quá giàu, không quá nghèo. Ai cũng có tư sản (công điền cấp cho mỗi dân đinh khi trưởng thành) - Nhân bản [Vai người sánh ngang trời - đất, tam tài (tán thiên địa chi hóa dục)], “Có trời mà cũng có ta”. - Tinh thần bao-dung, dung-nạp, dung-hóa, thích-nghì. - Vô chấp (tổng hợp “Tam Giáo: Phật -Khổng- Lão” thời Trần. - Tư duy đối-ứng (tụ điểm hóa giải đối lập) như nói: nước non, vui buồn, sướng khổ, ... - Tự-nhiên, vô vi (Nước không làm gì mà không có cái gì không làm) - Cầu tiến, thăng-hoa. - An-nhiên tự-tại. - Tinh-thần thực dụng (tre).	Đối lập tương phản. Nam nữ thụ thụ bất thân. Nam trọng nữ khinh. - Theo luật của kẻ mạnh. Thắng được yếu thua. - Ngọc hoàng, thiên mệnh. - Chủ nhân ông và nô-lệ, giai-cấp thượng lưu khác bình-dân (tệ hại hoạn quan, nông-nô, nô-lệ). - Suốt dòng lịch-sử Tần , tình người bị coi nhẹ! Hết duy linh, duy thần sang duy vật! - Tự kiêu (Đại Hán, tứ Di), chiếm đoạt, đồng hóa. - Trì-trệ, chấp-nhất, lấy cái hay của người làm của mình. - Theo luật cạnh-tranh sinh tồn. Đối-lập tiêu-diệt. - Hữu vi, lục súc tranh công. - Bảo-thủ. - Cạnh-tranh, chiếm đoạt. - Kiểu-cách (trúc).

B.- Về Chính trị, kinh tế: - Phân quyền. Phép vua thua lệ làng. - Chủ tư hữu, bình-đẳng. - Nhân bản (truyện An Tiêm). - Vô kỷ, vô công, vô ngôn (truyện Thánh Gióng). - Dòng sống sử liên-tục (Sóng sau dồn sóng trước). - Trung quân đi đôi với ái quốc. - Làm chính quyền là phải noi gương cho dân (thời Lý Trần...) - Độc lập chân-chínhSắc tộc hòa-hài. Trăm họ một nhà.	- Đế chế cực quyền, quyền vua tối thượng. - Vô sản, chênh-lệch. - Không tôn trọng con người, tin vào thiên mệnh, thần quyền và quyền lực. - Hầu như người Tàu nào cũng mong thoát ra nước ngoài để có cuộc sống thoải mái hơn. - Nắm được chính quyền là nắm quyền sinh sát trong tay.
C.- Về quân sự: - Lấy ít thắng nhiều. - Lấy trí cứu chiến chống khinh tốc chiến. - Lấy du-kích chiến chống trận địa chiến.	- Chủ nhiều thắng ít. - Chủ tốc chiến, tốc thắng. - Sở trường trận địa chiến hơn du-kích chiến.
D.- Về ngoại giao: - Lấy nhu thắng cương. - Lấy yên dân làm trọng (tuy thắng giặc nhưng vẫn chịu triều cống để dân được an). - Lấy linh-động mà đối-ứng. - Dục hoãn cầu mưu.	- Luôn thất bại khi đối chiến với Việt Nam về hải chiến. - Áo-ạt tấn công và tiêu diệt chiến.
E.- Về mặt xã hội: - Thiên-nhiên - xã-hội - tư-tưởng thống-nhất. - Cơ-năng và bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân.	- Đồn lũy cô lập, phó-trương thanh thế hơn là tuyên-truyền vận-động. - Thế mạnh lấn thế yếu (khinh mạn, trịch thượng) - Thiên triều chủ-nghĩa. - Cường tân áp chủ. - Bề ngoài nhân nghĩa, bên trong thâm độc.

- Trọng danh-dự. - Phân công hợp lý (cách sống nơi nông-thôn theo hạch tâm chứ không theo hình-thức kim tự tháp). - Thực-tế (Có thực mới vực được đạo.) “No cơm tấm, ấm ổ rơm”)	- Thiên - địa - nhân không thống nhất. - Tổ-chức theo hệ-thống dọc, hệ-thống Kim Tự tháp. - Trục lợi. - Giai-cấp phân ly, phi nhân. - Hào-nhoáng,
---	---



Trông hình long mã ngưng-ngừng
Ngựa không ra ngựa, rồng không ra rồng.
Rồng mây vùn vù vẫy-vùng,
Ngựa theo du-mục khốn cùng bốn chân.

Duy-Khang

VIỆT NAM LÀM GÌ ĐỂ TỰ VỆ ?

Ai sống cạnh một anh hàng xóm to xắc trong một xã-hội vô luân cũng phải canh-cánh câu hỏi: *Khi nào thì anh ta đánh mình, và làm sao để mình không bị anh ta đánh?*

Đây cũng là một câu hỏi thường-trực cho các chính-sách quốc-phòng và ngoại-giao của Việt Nam, và anh hàng xóm to xắc của Việt Nam là Tàu.

Lịch-sử từ khi nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa ra đời, có ba lần lớn và một số lần nhỏ, Trung Quốc đem quân đánh Việt Nam.

- Lần thứ nhất năm 1974, Trung Quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa thuộc Việt Nam Cộng Hòa.

- Lần thứ hai năm 1979, Trung Quốc tấn công toàn tuyến biên-giới trên bộ, vào sâu nhiều chục cây số, phá-hủy cơ-sở vật-chất, rồi rút về sau đúng một tháng.

- Lần thứ ba năm 1988, Trung Quốc chiếm 6 bãi đá trong vùng lân-cận các đảo do Việt Nam kiểm-soát ở quần đảo Trường Sa, riêng vụ đụng độ chiếm đá Gạc Ma (Johnson South Reef), bắn chạy ba tàu vận-tải và giết khoảng 70 thủy-thủ của hải quân Việt Nam.

Những trận đánh nhỏ bao gồm các cuộc tấn công ở biên-giới sau cuộc chiến 1979, liên-tục cho đến năm 1986. Trong thời-gian này Trung quốc đã chiếm được một số cao điểm chiến-lược dọc biên-giới như ở các huyện Vi Xuyên, Yên Minh (tỉnh Hà Giang) và Cao Lộc, Trùng Khánh (tỉnh Lạng Sơn). Các cuộc lấn chiếm này dường như đã được hợp-pháp-hóa tại hiệp-ước biên giới tiến-bộ năm 1999.

Ngoài ra, trên quần đảo Trường Sa, sau năm 1988, Trung quốc đã chiếm thêm các bãi đá ở gần vị-trí đóng quân của Việt Nam như Ấn Độ (Eldad Reef) và Đá Ba Đầu (Whitson Reef) vào các năm 1990, 1992, và sau đó chiếm đá Vành Khăn (Mischief Reef) ở gần Philippin năm 1995.

* Thế và Thời

Tư-duy chiến-lược Trung Hoa đặc-biệt coi trọng chữ “Thế” và chữ “Thời”. Các cuộc tấn-công Việt Nam cho thấy có một quy-luật khá “nhất-quán” trong việc Trung quốc chớp thời cơ vào lúc thế của họ đi lên.

Thời điểm tháng 1 năm 1974, Trung quốc đánh Hoàng Sa đang do Việt Nam Cộng Hòa kiểm soát là sau khi Mỹ cam kết chấm dứt can-thiệp quân-sự ở Việt Nam (hiệp-định Paris, tháng 1, 1973) và quốc hội Mỹ cấm chính phủ can-thiệp trở lại (*Tu chính án Case Church tháng 6/1973*) tạo ra một khoảng trống quyền lực ở khu-vực và khiến cho Việt Nam Cộng Hòa chới với! Trong khi đó, thế của Trung quốc đang dâng lên với việc Bắc Kinh trở thành một thành-viên thường-trực Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp quốc.

Trung quốc tấn công Việt Nam năm 1979 là để trả đũa Việt Nam đưa quân vào Campuchia, nhưng cũng là lúc khí-thế của Việt Nam đi xuống.

Một tháng sau khi Việt Nam và Liên Xô ký liên minh quân sự (tháng 11/1978) thì Trung quốc và Mỹ cũng tuyên bố lập quan-hệ ngoại-giao, đồng-thời Việt Nam đang bị thế-giới ngoài phe Liên Xô tẩy-chay vì chiếm đóng Campuchia, nên thế của Việt Nam đang xuống rất thấp.

Các cuộc tấn-công của Trung quốc dọc biên-giới trong các năm từ 1980 đến 1988 diễn ra trong bối cảnh Việt Nam liên-tục bị bao-vây, cô-lập với thế-giới bên ngoài, trong khi Liên Xô, chỗ dựa chủ-yếu của Việt Nam cũng bị cô-lập trên trường quốc-tế (do đưa quân vào Afghanistan) và cộng với những khó-khăn kinh-tế, phải đi vào giai-đoạn hòa-hoãn và thỏa-hiệp với Trung quốc cũng như phương Tây....

* Việt Nam làm gì?

Hiện nay Việt Nam có thể làm gì để Trung quốc không đánh? Lý-thuyết quan-hệ quốc-tế gợi ý năm phương-pháp chính:

1- Cùng chung một nhà.

2- Ràng buộc bằng lợi ích.

3- *Ràng buộc bằng thể chế.*

4- *Răn đe quân-sự.*

5- *Răn đe ngoại-giao.*

- Phương pháp “*cùng chung một nhà*” xem ra không ổn, vì Trung quốc rất thiếu cảm-tình với Việt Nam và kinh-nghiệm quan-hệ với Việt Nam khiến Trung quốc tin rằng Việt Nam hay tráo-trở. Các cuộc thăm dò dư-luận ở Trung quốc cho thấy Việt Nam cùng với Mỹ và Nhật Bản là ba nước bị người Trung quốc ghét nhất trên thế-giới. Thứ hai, Trung quốc chỉ coi Việt Nam là đồng-chí chứ không phải đồng-minh. Thứ ba, lịch-sử cho thấy quan-hệ “*gần bó như môi với răng*” giữa Hà Nội và Bắc Kinh vẫn không ngăn được Trung quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa.

- Phương pháp *ràng buộc bằng lợi ích* sẽ không ngăn được Trung quốc đánh ở Biển Đông, vì lợi-ích của Trung quốc ở Biển Đông có vị-trí rất cao trong chiến lược lớn của Trung quốc...

- Phương-pháp *ràng-buộc bằng thể chế* càng khó ngăn Trung quốc ra tay khi cần-thiết, vì Trung quốc cũng như các nước lớn khác chỉ tuân-thủ thể-chế quốc tế nếu thể-chế ấy phục-vụ lợi ích chiến-lược của họ. Trong trường-hợp lợi ích chiến-lược của họ đòi-hỏi làm khác đi, họ sẽ có cách giải-thích thể-chế quốc-tế theo kiểu riêng để biện-minh cho hành-động của mình.

Trung quốc đã làm như vậy khi xâm-lăng Việt Nam năm 1979, nói rằng để trừng phạt Việt Nam xâm lăng Campuchia. Đây không phải là đặc-điểm riêng của Trung quốc, mà các nước lớn đều như vậy...

- Phương pháp “*răn đe quân sự*” không phải là cách mà Việt Nam có thể làm với Trung quốc trong lúc này, vì Việt Nam không có vũ-khí hạt nhân, trong khi Trung quốc có, và lực-lượng quân-sự của Việt Nam còn quá yếu để có thể tạo sức mạnh răn đe chiến-thuật đối với Trung quốc.

- Còn lại duy nhất phương-pháp “*răn đe ngoại giao*”. Phương-pháp này là dùng quan-hệ với các nước mạnh hơn Trung quốc và áp-lực của quốc-tế để Trung quốc không

dám đánh Việt Nam. Hiện nay trong khu vực, Trung quốc vẫn phải kiêng dè Mỹ, do đó Việt Nam quan-hệ càng gần-gũi với Mỹ bao nhiêu càng có tác dụng răn đe bấy nhiêu. Một điểm nữa, Việt Nam có thể tận dụng là Trung quốc muốn thế-giới tin rằng họ không phải là mối đe-dọa đối với các nước.

Nếu những lần-lướt, ước-hiệp của Trung quốc với Việt Nam được thế-giới quan-tâm và hiểu như bước đầu của mối đe-dọa lớn đối với họ thì thứ nhất, chúng có thể làm cho Trung quốc yếu thế đi, và thứ hai, đó cũng là lý-do để Trung quốc phải cân-nhắc kỹ hơn nếu có ý định đánh Việt Nam.

*** Bài học lịch sử.**

Quy luật rút ra từ lịch-sử ba lần Trung cộng đánh Việt Nam và qua phân-tích năm phương-pháp nói trên cho thấy để tránh không bị Trung cộng đánh, Việt Nam phải làm được ba điều:

Thứ nhất, phải liên-tục nâng cao vị-thế của mình trên trường quốc-tế, đặc-biệt chú ý trong tương-quan với Trung quốc. Nếu Trung quốc có thêm bạn thì Việt Nam cũng phải có thêm bạn mạnh hơn và nếu Trung quốc xích lại gần các nước thì Việt Nam còn phải xích lại gần các nước hơn. Không bao giờ được để Việt Nam ở thế cô-lập hơn Trung quốc trên thế-giới.

Sống cạnh một anh hàng xóm khổng-lồ mà không để bị đánh, hoặc ăn hiếp quả là rất khó, nhưng vẫn có thể được.

Thứ hai, phải hết sức bén-nhạy với cán cân quyền lực trong khu-vực, và phải lập-tức mạnh-dạn điều chỉnh chiến-lược đối ngoại khi tương-quan lực-lượng trong khu-vực biến đổi bất lợi cho Việt Nam.

Thứ ba, phải sáng-suốt tìm ra ai là kẻ mạnh trong khu-vực và đâu là chỗ yếu của Trung quốc để thực-hiện kế *răn đe ngoại giao*.

Trong dài hạn, chỉ có kết-hợp *răn đe ngoại giao* (kết thân với nước lớn, và tranh-thủ dư-luận thế-giới) với *răn đe*

quân sự (quân đội mạnh, đặc-biệt hải quân và không quân) và liên-tục nâng cao vị-thế quốc tế của mình thì Việt Nam mới có thể tương-đối yên tâm không bị Trung quốc đánh.

Sống cạnh một anh hàng xóm khổng-lồ mà không để bị đánh hoặc ăn hiếp quả là rất khó, nhưng vẫn có thể được, nhất là khi anh hàng xóm đó chưa phải là kẻ mạnh nhất trong vùng.

(Trích theo Tiến sĩ Alexander Vuving, *Viết riêng cho BBCVietnamese.com*, sent Sat 3/21/09)



Thay kết luận

Lưỡi Gươm Việt

Thép Văn Lang lò Viêm Hồng ¹ nung đúc
Búa Lô Truy ² rèn giữa bể dâu từng
Góp ba núi năm sông đầy tắm dục
Sấm sét nhàoang chớp múa lưỡi gươm cương.

Thuở Vạn Kiếp ³ tiên trao khét oanh liệt
Ngày Lục Niên ⁴ đã hiện thét quang vinh
Rửa lấy máu gột mài bằng xương thịt
Giết muông Hồ, thú Hán nước uy linh.

Như Bình Trọng ⁵ nhơn nhơn giữ một mực
Tựa Lê Lai ⁶ ngằn ngật xung chìn lần
Rửa lấy khí gột mài bằng trung trực
Sờn gai người chém đảo sóng ba quân.

Ví Bình phú ⁷ ngư long bay xàoxạc
Bằng phiến minh tuyết lửa thốt chập-chành
Rửa lấy óc gột mài bằng sáng tác
Nổi phong trần cuốn quét khắp đạn thanh.

1- Thép Văn Lang : Tượng trưng cho thể chất rắn chắc, bền bỉ , tinh thần bất khuất, khí vũ hiên ngang.

-Viêm Hồng : Danh hiệu dân tộc Bách Việt., lấy từ chữ Viêm = Viêm bang, Viêm đế. Hồng = Hồng Lạc

-2 Búa Lô Truy : Búa tắm sét.- Tắm dục : Tắm gội cho nước thấm vào.

3- Vạn Kiếp : thuộc làng Kiếp Bạc (Hải Hưng), đại bản doanh đức Trần Hưng Đạo chống quân Nguyên.

- Tiên trao: Tác giả biểu dương thanh kiếm tiên trao cho đức Trần Hưng Đạo ở Vạn Kiếp thật là oanh liệt (Phải chăng đây là thanh “Phi thiên thần kiếm” thượng đế đã hứa cho trước khi Thanh Tiên Đồng Tử vâng lệnh xuống trần?) .

Thếp Văn Lang toàn tinh thần tái luyện
Thếp Văn Lang sắc lên nương bay biển
Lưỡi gươm Việt lại là gươm Duy Dân
The- hệ mới mở văn minh hùng kiện.

Lưỡi gươm Việt vương đấu gồm thánh chiến
Lưỡi bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm
Quy long trận vung lên áp cổ kim
Vào hình sắc ra không huyền ảo biến. ⁸

Hỡi con nhà Lạc Âu nước trăm Việt ⁰
Hãy đứng dậy vung gươm khoa nửa triệt
Nổi mây mù sấm sét gió mưa ran
Cả vũ trụ hét lên ca kỳ tuyệt.

Quy long trận,
Kỳ tuyệt ca.

Lý tưởng Việt chan chan ánh sáng lò
Lưỡi gươm Việt phơi-phới hồn ông cha
Tráng sĩ Việt đường đường chí đạp ba.

Kỳ tuyệt ca ¹⁰
Quy long trận

Đứng núi Tu Di cầm gươm Nam Bắc
Chém sắt Côn Ngô ¹² thu đồ Hà Lạc
Cắt búi Kim Chiên, ¹² bắt tiêm y thác.

Cùng một lưỡi gươm vẫy nên Vạn Thắng
Cùng một lưỡi gươm trở đến thái bình
Muôn muôn năm còn mãi mãi chân hình
Vóc tinh-thần thiết diện quỷ thần kinh.

4822 T.V. Thái Dịch Lý Đông A.

(Chú-thích (tiếp theo))

4- Ngày Lục Niên Dã hiện: Thành Lục Niên ở núi Hồng Lĩnh thuộc tỉnh Nghệ An. Lê Lợi lấy ba nơi: Lục Niên, Lam Sơn và Hòa Bình làm thế tam giác địa động để chống Minh.

5- “Như Bình Trọng nhơn nhơn giữ một mực : Trần Bình Trọng bị giặc bắt, giặc dụ hàng và hứa cho làm vua. Ông một mực trung kiên và khảng khái nói: “ Thà làm ma nước Nam không thềm làm vua Bắc”.

6- “Tựa Lê Lai ngất ngất xung chín lần” : Lê Lai khảng khái thay vua Lê Lợi xông ra giữa chín lần gươm giáo chết để cho tương lai dân tộc sống.

7- Ví Bình Phú; Bình phú = Bài thơ bèo; tác giả là Giáp Hải (có tên là trạng Bèo)’ Ngư long: Ngư = cá, long = rồng.

Khi Mạc Đăng Dung “Dâng sổ đồ, quỳ gối chốn biên cương” làm hoen ố nét đản thanh trong lịch sử ngoại giao của ta, nên bị bọn thiên triều khinh khi dòm ngó. Năm Đinh Dậu (1537) vua nhà Minh sai Cừu Loan làm đô đốc, Mao bá Ôn làm tán lý quân vụ đem quân sang đóng gần cửa Nam Quan, đưa bài thơ “Bèo” cho triều đình nhà Mạc với ngụ ý khinh khi, hỗn xược thách triều đình họa thơ.

8-“Vào hình sắc, ra không, huyền ảo biến”: Có tính cách thời gian.

Vào: nhập thế hành động bằng hình thức sức mạnh, cách mạng bằng vũ công.

Ra không : Xuất thế bằng văn tự kiến thiết, thái bình (vô vi).

9- Khoa nửa triệt : Triệt = vòng bánh xe; khoa = khoa, vung tay, múa, coi như một thế gươm đặc biệt.

10- Quy long trận Kỳ tuyệt ca:

Quy Long trận: lý thuyết về Kiến quốc.

Long = Rồng: Biểu tượng nhập thế (Dương- Sức mạnh phá hoại) ”

11- Sắt Côn Ngô : Gươm Côn Ngô chém ngọc, chém đá như chém bùn (Vân Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn, mục phẩm vật loại, trang 484).

12 -Cắt búi Kim Chiên : phỏng đoán: Cắt búi tóc (chém đầu) của giặc Kim – rạch áo giặc Thát sau khi gạt giáo đâm người).

(Mẫn Cầu.)



PHỤ LỤC



Sách Trích-dẫn & Tham-khảo

1- **X. Y. Thái Dịch Lý Đông A:**

- “*Chu Tri Lục*”, Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1965 tại Sài Gòn.
- “*Huyết Hoa*”, Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1967 tại Sài Gòn.
- “*Duy Nhân Cương Thường*”, Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1970 tại Sài Gòn.
- “*Huyết Hoa*” Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1970 tại Sài Gòn.
- “*Tâm Lý Thần Linh Học*”, nhà xuất bản Gió Đáy, 1967 tại Saigon..

2- **Nguyễn Đăng Thục**, -*Lịch-sử Triết-học Đông-phương*, 5 tập trọn bộ, nhà xuất bản T/P HCM, 2001

- *Lịch sử tư-tưởng Việt Nam*, 7 tập trọn bộ, nhà xuất bản T/P HCM, 1998.

3- **Vô Ngã Phạm Khắc Hàm**, “*Triết Lý Lý Đông A*”, Bản thảo, 1998.

4- **Phạm Vi “Tức ph3mệt Châu**, “*Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh*”, xb. tại Hoa Kỳ năm 1997.

5- **Hoài Nguyên**, “*Ba Vấn Đề Khởi Đầu Văn Hóa Việt*”, xb. tại Canada, 2000.

6- **Lý Chánh Trung**, “*Tìm Về Dân Tộc*”, Lửa Thiêng năm 1972.

7- **Dương Danh Hy**, “*Bốn Trận Đánh Lớn của Obama*”, <http://www.doithoaionline>.

8- **Đinh Gia-Khánh**, Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí-Minh, bà xuất bản khoa-học Hàn-ội, 2003.

Tham Khảo Sách Ngoại Quốc:

1-**Arthur Cotterell**, “*China, A Cultural History*”, First Mentor Printing, October, 1990.

2-**Fitzgerald**, “*China, A Short Cultural History*”, Frederick A Pracger Publisher, N.Y. 1961.

3-**Wolfram Eberhard**, “*A History of China*”, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971.

4-**Herold J. Wiens**, “*Han Chinese Expansion on South China*”, The Shoe String Press Inc. 1967.

5-**Herlee Glessner Creel**, “*The Birth of China*”, Frederick Ungar Publishing Co., New York, 1970.

6-**Henneth Scott Latourette**, “*The Chinese Their History & Culture*”, New York, The Macmillan Co.. 1954

7-**Wilhelm G. Solheim H. Ph. D.**, “*New Light On A Forgotten Past*”, National Geographic, vol. 139, No. 3 March, 1971.

8-**Charles O. Hucker**, “*China’s Imperial Past*”, Stanford University Press, Stanford California, 1975



Copyright © 2022 by **Duy Khang**
All rights reserved.

